

Bertrand Russell

Nguyễn Hiến Lê dịch

THẾ GIỚI NGÀY NAY
và
tương lai nhân loại



Văn hóa

*Thế giới ngày nay
và tương lai nhân loại*

BERTRAND RUSSELL

(Nguyễn Hiến Lê dịch)

THẾ GIỚI NGÀY NAY
và
TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI

Văn Hóa

TỰA

Bertrand Russell và Albert Einstein có những điểm trái ngược nhau như mặt trời và mặt trăng.

Russell thuộc một dòng dõi quý phái Anh rất lâu đời ; Einstein thuộc một gia đình trung lưu Do Thái, làm thương mại và công nghệ..

Russell gầy ốm, môi mỏng dính, miệng chua chát, mắt cú vọ xoi mói ; Einstein hơi đầy đà, nét mặt cân đối, phúc hậu, mắt lúc nào cũng như mơ mộng.

Russell hoài nghi, đam mê, bướng bỉnh, tàn bạo ; Einstein rất tin tưởng (Cái trật tự trong vũ trụ), vui tính, ôn hòa, hiền từ. Gặp Russell, chúng ta ngại ngại, muốn lánh xa, còn gặp Einstein thì chúng ta muốn siết chặt tay hoặc ôm lấy ngay..

Russell, là một chiến sĩ khuấy động quần chúng, chỗ hoạt động thích hợp nhất cho ông là công viên Trafalgar ; Einstein là một nhà tư tưởng, ghét cảnh ồn ào, chỉ thích suy tư trong một phòng tĩnh mịch bề bộn sách vở..

Vậy mà hai nhà đó vẫn quý mến nhau, là đồng chí của nhau, thân với nhau nữa (mặc dầu chỉ gặp nhau vài lần ở Princeton-Mĩ), nhờ có nhiều điểm giống nhau..

Cả hai đều mê toán học, và cũng tới hồi mười hai tuổi là bắt đầu viết môn hình học..

Đều sinh trong những gia đình theo đạo, nhưng lớn lên đều không tới giáo đường, riêng Russell còn mạt sát tôn giáo là khác..

Đều hăng say làm việc, coi đó là nguồn hạnh phúc chính trong đời, tuyệt nhiên không màng tới lợi lộc, danh vọng..

Nhứt là đều chiến đấu cho Tự do, cho Hòa bình, chống các vũ khí hạch tâm, đặt nhân loại lên trên quốc gia..

Một điều lý thú nữa là cả hai đều muốn từ biệt cõi trần một cách cực kì bình dị : **hóa táng** và chỉ một số rất ít người thân đưa đám..

*

* *

Có lẽ từ xưa tới nay chưa có văn hào nào thọ như Russell : chín mươi tám tuổi. Ông sinh ngày 18.5.1872 ở Trellek trong một vọng tộc có cựu bậc nhất của Anh, nên có thể nói rằng : **"Từ thời vua Henri VIII - thế kỉ XVI - lịch sử Anh kết chặt với lịch sử dòng họ tôi"**. Ông nội, John Russell hai lần làm thủ tướng ; cha không có danh tiếng gì rục rờ ; nhưng có tư tưởng khoáng đạt, thiên tả, bênh vực nữ quyền và từ giữa thế kỉ trước đã chủ trương hạn chế sinh dục; cha đỡ đầu là triết gia kiêm chính trị gia Stuart Mill. Có lẽ nhờ những ảnh hưởng đó mà sau này ông có tinh thần độc lập, tự do. Năm tuổi mồ côi cha và mẹ, ở với ông bà nội;

năm sau ông nội mất, ở với bà nội và các cô, tuổi thơ cô đơn, không có ai làm bạn..

Hồi nhỏ ông sống một đời rất qui phái, có lần được bề kiến nữ hoàng Victoria, thường thấy thủ tướng Disraeli, và hầu chuyện thủ tướng Gladstone lại dự tiệc ở nhà ông ; theo tục lệ cổ, sau bữa tiệc, bà nội và các cô lui vào nhà trong hết, ông là người đàn ông duy nhất trong nhà, phải ngồi tiếp khách. Gladstone chỉ nói với ông mỗi một câu : "**Rượu ngon lắm, nhưng tại sao cậu lại rót vào trong cái ly nhỏ như vậy**". Russell lúng túng, đỏ mặt lên, không biết đáp cách nào..

Ông học ở Cambridge, trong một những trường qui phái nhất của Anh. Mười hai tuổi, nhờ một người anh hướng dẫn, ông bắt đầu biết môn hình học và mê toán liền. Cho tới đầu thế chiến thứ nhất, ông coi "**toán là nguồn hạnh phúc lớn trong đời ông**".

Năm 1910, ông dạy học ở Trinity College tại Cambridge. Nhờ vợ khuyến khích, viết mấy cuốn sách về toán : **Principes de Mathématiques**, 1908 (Nguyên lí toán học)

Gồm 200.000 chữ mà chỉ viết trong ba tháng, *Introduction à la philosophie mathématique*, 1919 (Bước đầu vào môn triết lý toán). Trong cuốn thứ nhất, ông báo môn toán với môn luận lý (logique) là một : "**Môn luận lý là tuổi trẻ của môn toán mà môn toán là tuổi trưởng thành của môn luận lý**". Poincaré, nhà toán học Pháp, trái lại báo môn toán có một khả năng sáng tác mà sự suy luận thuần túy không có. Hai nhà tranh luận, nhau kịch liệt, nhưng Russell vẫn phục Poincaré là đại tài..

Toán là đam mê thứ nhất của ông. Đam mê thứ nhì là tình ái, mà đam mê này cũng phát sinh từ hồi ông mười hai tuổi ! Tuổi đó mà Russell đã chủ trương trai gái phải được tự do yêu nhau. Và cho tới suốt đời, mặc dầu bị thiên hạ mặt sát bằng đủ các danh từ : quân phóng đảng, tà dâm, cuồng dâm, bệnh hoạn, mặc dầu bị dân chúng Huê Kỳ coi là "thằng tướng ghê tởm", bị cách chức giáo sư ở City College (New York) năm 1940, ông vẫn can đảm, bướng bỉnh hô hào chính sách hôn nhân thí nghiệm trong giới sinh viên nam nữ. Nguyên tắc của ông là phải để cho cá nhân

được hoàn toàn tự do, hành vi nào không có hại gì cho người khác, thì không được cấm đoán, vì cấm như vậy là theo thứ luận lí **ta bu** (Tabou), tức thứ luận lí cấm kị cố lỗ của con người thời dã man. Theo ông, hiếp dâm là có tội, vì xâm phạm đến thân thể người khác ; "còn sự gian dâm thì phải tùy trường hợp, xét xem trong một trường hợp nhất định nào đó, có lí do gì để ngăn cấm không, chứ vơ đũa cả nắm mà không kết tội một cách bất biến, tối hậu thì không nên".

Trước thế chiến vừa rồi, ý đó là một trái đại bác nổ giữa trời Âu, nhưng chỉ ba chục năm sau, trong "**Phong trào tháng 5 năm 1968**", các sinh viên Pháp đã hô hào đòi được hoàn toàn tự do về tính dục, trưng một biểu ngữ lớn ở Đại học đường Sorbonne "**Chúng tôi không ngại gì hết, chúng tôi có hoàn thuộc**" (Hoàn thuộc đó là hoàn thuộc ngựa thụ thai). Những lí lẽ họ đưa ra (coi cuốn. **La Condition étudiante** của Catherine Valabrégne-Payot - 1970) chúng ta khó chấp nhận được, nhưng cũng khó bác được ; và tôi nghĩ các

"**vòng xoăn**" các "**áo mưa**" và các "**hoàn thuốc**" hiện nay được khắp thế giới coi là cần thiết cho sự tồn tại của loài người, ngay các phụ nữ Ấn Độ và Trung Hoa cũng đòi hỏi mỗi ngày một nhiều, thì nhất định cái luân lí "tabu" trẽ lãm tới cuối thế kỉ này sẽ sụp đổ mà Russell sẽ được coi là một nhà cách mạng can đảm, một bậc tiên giác của thời đại.

Trước sau ông li dị tới ba lần, và mãi tới hồi tám mươi tuổi, mới gặp được bà vợ lí tưởng của ông. Con người gầy ốm như vậy mà sinh lực dồi dào kinh khủng, hơn cả Tolstoi. Chắc chắn là ông có rất nhiều tình nhân, nhưng chẳng làm cái gì đồi phong bại tục, trái lại, còn có thể coi là con người đạo đức nữa, vì ông đã khuyên ta chỉ nên quan tâm tới tính dục tới một mức hợp lí thôi, mức đó là một phần trăm, còn chín mươi chín phần trăm kia là những hoạt động khác. Những trang ông viết về tính dục cũng chỉ vào khoảng một phần trăm toàn thể tác phẩm của ông. Sớ dĩ một số người nghe nhắc tới tên ông, nghĩ ngay tới một phần trăm đó mà quên chín mươi chín phần trăm kia là vì họ "**bị tính dục ám ảnh**", như ông nói.

Chín mươi chín phần trăm kia (gồm non bảy chục tác phẩm) ông viết về mọi vấn đề : toán học (như trên tôi đã kể) ; triết học như **Problèmes de philosophie**, 1912, **Notre connaissance du monde extérieur et les méthodes scientifiques**, 1914, **Mystisme et logique**, 1918, **La matière**, 1927, **La conquête du bonheur** ⁽¹⁾ 1930... ; Xã hội học như **Principes de la reconstruction sociale**. 1916, **Vers la Liberté**, 1918, **Le Bolchevisme**, 1919, **Le mariage et la morale**, 1929, **Liberté contre organisation**, 1936; giáo dục như **Éducation et ordre social** 1932 ; phổ thông kiến thức về triết như **Philosophie de Bergson** 1914, **Histoire de la philosophie occidentale**, 1950 (cuốn này rất được hoan nghênh) ; về khoa học, như **Les atomes** ; 1923, **Introduction à l'étude de la relativité**, 1925 (phổ thông thuyết tương đối của Einstein), **La perspective scientifique**, 1931, vân vân...; hầu hết các tác phẩm đó đã được dịch ra tiếng Pháp.

(1) Chính phục hạnh phúc. - NXB Văn Hóa, 1995

Lạ lùng nhất là về già, ông còn cao hứng viết một tiểu thuyết trinh thám ⁽¹⁾, rất tiếc là chúng tôi không được biết nhan đề.

Một mình ông mà hoạt động bằng bốn năm người khác, vì ông tìm hạnh phúc trong sự làm việc. Ông báo : "**Sự thành công trong công việc là một điều kiện quan trọng cho hạnh phúc... Làm một công việc khó khăn mà thành công thì tôi thấy rất sung sướng, và tôi không nghĩ rằng một kẻ làm biếng có được hạnh phúc đó**".

Nghĩ vậy cho nên ông đã lựa công việc khó nhất để làm : tranh đấu cho hòa bình, diệt những nỗi khổ của nhân loại, bênh vực những kẻ yếu, giải phóng phụ nữ, cách mạng giáo dục, bỏ hẳn chính sách roi vọt ⁽²⁾.

Từ đầu thế chiến thứ nhất cho tới khi mất, trên năm chục năm, ông dùng hết cả sinh lực, tâm huyết vào những công việc nhân đạo đó, gần như một mình đi ngược lại trào lưu của thế

(1) Theo tờ *Paris Match* số 14.2.1970.

(2) Về giáo dục, ông cũng thất bại còn hơn Tlostol, lớp học của ông vô trật tự, sau phải dẹp.

giới Tây phương, mạt sát tất cả những kẻ cầm quyền mà ông cho là tàn bạo, ngu xuẩn, gọi những quốc gia giao chiến là những "bầy chó chi đánh thấy hơi của nhau là nổi điên lên, xông tới cắn nhau", bất chấp mọi hậu quả có thể tai hại cho ông.

Tinh thần phản chiến của ông phát sinh từ năm 1914. Ông chỉ trích chính phủ Anh tham gia chiến tranh Đức-Pháp, gia nhập Hội chống sự trung bình, viết thư cho Tổng thống Hoa Kỳ Wilson, khuyên nên can thiệp để lập lại hòa bình ở châu Âu ; Wilson không nghe, ông nổi dóa, tố cáo tội lính Mĩ qua Anh là để chiếm công ăn việc làm của thợ Anh trong các xưởng. Vì vậy mà ông bị nhốt ở ngục Brixton sáu tháng, và có cơ hội viết cuốn. **Introduction à la philosophie mathématique**. Ở trong ngục. Khi được thả, ông mất chỗ dạy học, phải viết mướn để kiếm ăn. Rủi mà hóa may, vì nhờ vậy ông nghiên cứu thêm đủ các vấn đề mà liên tiếp trứ tác, năm nào ông cũng được một vài tác phẩm.

Chiến tranh chấm dứt, ông và bà vợ thứ

nhì qua Nga, Trung Hoa, thất vọng về chế độ cộng sản cứng ngắt đó, về nước viết cuốn *Le Bolchevisme*, tố cáo chính sách độc tài của Nga, chê các lãnh tụ ấy là đầu óc hẹp hòi, cuồng tín, không thể suy nghĩ gì được ngoài cái vòng hẹp hòi. Nhưng ông cũng nhận rằng thế giới tư bản không đẹp gì lắm : bề ngoài có vẻ tự do mà sự thực cũng chẳng được tự do gì, vì chính quyền can thiệp quá nhiều vào việc tư của cá nhân, nhất là cái nạn mật vụ bành trướng quá mạnh, vô cùng nguy hiểm. Trái lại ông rất phục tinh thần thích triết hơn tôn giáo, trọng văn khinh vũ của dân tộc Trung Hoa (trước 1949 dĩ nhiên), nên có lần báo giống da trắng không cần thiết cho nhân loại, có văn minh Trung Hoa là đủ rồi.

Tới thế chiến thứ nhì, thái độ của ông khác hẳn : chẳng những không phản chiến mà còn hô hào phải diệt Đức Quốc Xã nữa. Nhiều người cho rằng ông đã mâu thuẫn với ông : Nếu lúc đó (trong thế chiến thứ nhất), Anh trung lập thì chiến tranh đã không kéo dài. Nước Đức sẽ thắng, mạnh hơn lên, nhưng không phải là tuyệt mạnh. Mà nước Đức dưới

triều vua thời đó, đau tới nỗi xấu xa, tàn ác lắm.

Qua thế chiến thứ nhì, bọn Đức Quốc Xã tàn nhẫn quá chừng, nên phải diệt, không thì nguy cho cả thế giới.

Vậy, không phải ông chủ trương phân chiến trong bất kì trường hợp nào, ông vẫn cho rằng chiến tranh tự vệ là chính đáng ; còn, nếu là việc xích mích giữa hai nước với nhau thì nước thứ ba không nên can thiệp vào, nếu cái nguy cho mình, cho nhân loại, không thực là rõ rệt.

*Ông kịch liệt chống Hitler và ủng hộ Đồng minh, nhờ vậy, được huy chương **Ordre de Mérite** của Anh.*

Khi Đức và Nhật đầu hàng rồi, Russell lại tranh đấu cho hòa bình.

Ông lại công viên Trafalgar đá đảo Mĩ đã thả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, bị bắt giam mấy ngày. Năm 1960, tám mươi tám tuổi, lãnh đạo một phong trào quốc tế đòi cấm thí nghiệm bom nguyên tử, hô

hào Mĩ, Nga thỏa hiệp với nhau để ngưng chế tạo, và cấm các nước khác chế tạo thứ bom đó.

Ông bị bắt giam bảy ngày vì cấm đầu một cuộc tranh đấu bất bạo động chống việc thiết lập những căn cứ tàu ngầm Mĩ mang hóa tiễn có đầu đạn nguyên tử ở Ecosse.

Ông đề nghị thành lập một chính quyền quốc tế có một vũ lực tuyệt đối mạnh để có thể bắt mỗi quốc gia phải phục tùng. Chính quyền tối cao đó có thể độc tài, ông hiểu vậy, nhưng theo ông, cái hại đó không đáng lo bằng cái hại bom H.

Và khi một kí giả hỏi ông nếu có thể chiến thứ ba thì người ta sẽ dùng những thứ vũ khí nào ? Ông đáp : **Tôi không biết, nhưng nếu có thể chiến thứ tư thì người ta sẽ dùng đá để liệng nhau.**

Năm 1961, ông kết tội Kennedy, Kroutchev, Adenauer, De Gaulle và Mc Millan là đeo đuổi chung một mục đích : tận diệt nhân loại.

Năm sau, trong vụ Cuba, ông gởi thư cá cho Nga lẫn Mĩ kêu gọi hòa bình.

Năm 1963, ông thành lập *fondation Bertrand Russell* phụng sự hòa bình.

Ông hoạt động tích cực nhất trong chiến tranh Việt Nam, luôn luôn hô hào ngưng chiến; năm 1967 lại cùng triết gia Jean Paul Sartre lập ở Thụy Điển tòa án xử các tội ác chiến tranh Việt Nam ; ông kết tội Mĩ, cho rằng Mĩ ở Việt Nam ác không kém gì phát xít Đức. Người ta trách ông là quá ghét Mĩ; ông đáp: "**Tôi có hai bà vợ Mĩ**". Có thể rằng ông hơi thiên lệch, nhưng hầu khắp thế giới đều chỉ trích Mĩ đã dội bom xuống Bắc Việt Nam.

Nhưng tuyệt nhiên ông không bênh vực Nga Xô ; trái lại năm 1968 kịch liệt phản đối việc Nga xâm lăng Tiệp Khắc.

Năm sau, đã chín mươi bảy tuổi mà ông vẫn nhiệt tâm bênh vực tự do và hòa bình : ông lên án Israïl cậy mạnh mà tấn công chớp nhoáng Ai Cập. Ông kí một văn thư phản đối. Hội các nhà văn Liên Xô đã khai trừ văn sĩ Soljenitsyne, và vài ngày trước khi mất, ông còn gởi thư cho văn hào Nam Tư, Vladimir

Dedigier, tỏ ý lo ngại về tình hình Tiệp Khắc và Trung Đông, đưa ý kiến thành lập một cơ quan công luận quốc tế và mở rộng tòa án Tội ác Chiến tranh.

Ông được giải thưởng Văn chương Nobel năm 1950. Đáng lẽ ông được thêm giải Hòa bình Nobel nữa mới phải. Trong lịch sử nhân loại, tôi chưa thấy người nào hoạt động kiên nhẫn và tích cực cho hòa bình như ông.

Ngày 2-2-1970, ông uống một li rượu, đi nghỉ, rồi lặng lẽ tắt thở vì chứng phế viêm và trong máu có nhiều niếu tố (urée). Trên bàn viết của ông còn những bức thư và bài báo ông viết dớ về Việt Nam. Cũng y như Einstein, bạn ông, mười lăm năm trước, ông muốn được hỏa táng một cách rất đơn sơ : chỉ có năm người thân thích đi đưa đám. Ông nằm xuống rồi, những kẻ trước kia ghét ông bây giờ lại phục ông nhất.

*Ông đá kích dữ dội mọi tôn giáo, mà tờ báo Công giáo Ý **Osservatore Romano** ngày 4-2, cũng phải khen ông :*

"Dù ý kiến của chúng ta ra sao thì chúng ta cũng có bốn phận phải cúi mình trước sự hoàn toàn dân thân của ông để bảo vệ cái phẩm cách của con người bị làm ô uế khắp nơi. Chiếc roi của Russell không chừa một ai. Ông đã chống tất cả những ý thức hệ nào lăm le muốn diệt sự tự do".

Do Thái bị ông mạt sát, mà Hội nghị Do Thái cũng nhận ông là "chiến sĩ Hòa bình", là "triết gia nhân bản vĩ đại nhất của nhân loại".

Ngay tờ báo Izvestia của Nga, cũng khen ông là "nhân vật tiêu biểu nhất cho tinh thần tấn bộ ngoài thế giới cộng sản".

*

* *

Ông chết trong khi thế giới còn hỗn loạn và đầy sự bất công, có lẽ hơn bao giờ hết : tiếng súng ở Việt Nam chưa ngưng, sự căng thẳng ở Trung Đông chưa giảm, hàng tỉ người vẫn làm giàu trên xương máu đồng loại, mà Mĩ, Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp vẫn đua nhau thí nghiệm bom H và hóa tiễn. Như vậy thì cuộc chiến đấu của ông rõ ràng là thất bại.

Nhưng khi người ta đã lựa một cuộc chiến đấu vĩ đại như vậy thì ai mà chẳng cảm chắc sự thất bại ; biết rằng thất bại mà vẫn làm, vì tuy thất bại mà còn vẻ vang hơn mọi sự thành công khác. Ông không theo một tôn giáo nào cả, còn cho tất cả các tôn giáo là "giả dối, có hại" nữa (trong cuốn **Pourquoi je ne suis Chrétien**) nhưng tôi chắc chắn rằng Đức Thích Ca và Đức Ki Tô tất vui vẻ đưa tay ra để đón ông.

Trong cuốn này gồm mười hai bài báo Woodrow Wyatt phỏng vấn Bertrand Russell năm 1960 cho đài truyền hình Anh, độc giả sẽ được biết đại cương những tư tưởng, ý kiến chính của ông về những vấn đề thiết thực nhất

của thế giới hiện đại : triết học, tôn giáo, quyền hành, hạnh phúc, quốc gia, cá nhân... ; sẽ hiểu thái độ của ông đối với tư bản và XHCN, về chiến tranh và hòa bình ; nhưng tôi xin đọc giả chú ý tới lời cảnh cáo của ông ở cuối sách mà tôi cho là lời di chúc, ông để lại cho nhân loại :

"Thời này không còn là cái thời mà một thiểu số may mắn có thể sống bám trên sự khốn cùng của đại chúng nữa. Hết rồi. Đại chúng không chịu phục tùng nữa đâu. Các ông phải nhìn nhận, chấp nhận hạnh phúc của người láng giềng nếu các ông muốn mình cũng được hạnh phúc (...) Đôi khi nhìn về tương lai, tôi tưởng tượng một xã hội toàn những người có ý thức, nhận định được rằng nên hưởng lợi chung với nhau hơn là kẻ nọ tranh giành với người kia, một thế giới mà mọi sự gắng sức đều hướng về một công trình tuyệt đẹp do trí tuệ và óc tưởng tượng của con người tạo nên. Nếu loài người muốn thì một thế giới như vậy có thể có được".

Đúng vậy, đã hết rồi cái thời một thiếu số sống bám trên sự khốn cùng của đa số. Pháp đã nhục nhã đầu hàng ở Điện Biên Phủ, rồi bây giờ Mĩ lại đang tìm mọi cách rút chân ra khỏi sa lầy ở Việt Nam, miễn sao cho khỏi mất thể diện, thì sẽ không còn một cường quốc nào dám ăn hiếp các nước nhược tiểu nữa. Nhưng bọn cường quốc đã muốn có một thế giới như Bertrand Russell mong ước trên kia chưa ?

Sài Gòn, 1-9-1970.

Không tìm được nguyên văn tiếng Anh, chúng tôi đành phải dịch theo bản tiếng Pháp của Louis Evrard - nhà Gallimard 1962. Có một hai chỗ chúng tôi ngờ là in sai phải đoán ý mà châm chước.

1

TRIẾT LÝ LÀ CÁI GÌ VẬY ?

Thưa Huân tước Russell, triết lý là cái gì vậy ?

BERTRAND RUSSELL : Câu hỏi đó gây ra nhiều cuộc tranh luận đấy. Tôi không tin rằng sẽ có hai triết gia đáp y như nhau. Riêng tôi, tôi có thể nói với ông rằng triết lý là suy luận về những đầu đề chưa thể có một tri thức đích xác được. Và tôi nói vậy là trả lời riêng về phần tôi, chứ không trả lời thay cho một người nào khác.

Cụ có thấy triết lí và khoa học khác nhau ở chỗ nào không ?

BERTRAND RUSSELL : Đại khái thì chúng ta có thể nói rằng khoa học là cái gì mình biết, mà triết lí là cái gì mình không biết. Định nghĩa đó đơn sơ ; vì vậy mà chúng ta thường thấy những vấn đề triết lí chuyển qua khu vực khoa học.

Vậy, cái gì mình xác định được, chứng minh, khám phá được thì không còn là triết lí nữa mà thành khoa học ư ?

BERTRAND RUSSELL : Phải. Và có nhiều vấn đề xưa kia mang cái nhãn triết lí, nay đã bỏ nhãn đó đi rồi.

Thế nào là triết lí tốt ?

BERTRAND RUSSELL : Thực ra, tôi thấy triết lí có hai công dụng. Công dụng thứ nhất: duy trì sự suy tư về những môn mà chúng ta vẫn chưa thể sắp vào loại tri thức khoa học được ; vì tri thức khoa học vẫn chỉ bao gồm một phần rất nhỏ những vấn đề nhân loại chú ý tới - hoặc đáng lí phải chú ý tới. Có nhiều điểm lợi ích vô cùng mà khoa học, ít nhất là

lúc này, chưa bàn xét gì tới mấy ; và nếu chúng ta không tưởng tượng gì khác ngoài những cái gì mình biết rồi thì tôi cho là đáng tiếc lắm. Tưởng tượng vũ trụ, đặt giả thuyết để mở rộng nó ra, đó có thể là một công dụng của triết lí. Nhưng còn một công dụng khác, theo tôi, quan trọng cũng không kém : là triết lí cho chúng ta thấy rằng có những điều chúng ta tưởng là biết rồi mà sự thật chưa biết. Một triết lí bắt chúng ta phải suy tư hoài về những cái chúng ta có thể biết được ; mặt khác nó nhắc nhở chúng ta phải khiêm tốn, nghĩ rằng cái mà chúng ta cho là biết rồi, là tri thức, sự thực chưa phải là tri thức.

Cụ có thể cho chúng tôi biết vài suy tư nào đã đưa tới những kết quả cụ thể được chăng ?

B.R. : Được chứ. Chẳng hạn triết học Hi Lạp hồi xưa đưa nhiều giả thuyết mới đầu không thể kiểm chứng được, mà đời sau thấy là rất quý báu. Tôi nghĩ tới thuyết nguyên tử. Démocrite đưa giả thuyết rằng vật chất gồm nhiều nguyên tử nhỏ xíu : hơn hai ngàn năm sau, chúng ta thấy rằng ý kiến đó đúng, mặc

dầu Ông chỉ gợi ý ra như vậy thôi. Rồi như Aristarque nữa. Ông Aristarque này là người đầu tiên giả thiết rằng trái đất quay chung quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời quay chung quanh trái đất ; mà chính vì trái đất quay như vậy nên ta mới thấy các vì tinh tú mỗi ngày di chuyển trọn một vòng trên trời, chứ sự thực không phải vậy. Giả thuyết bị chôn vùi, bỏ quên, mãi hai ngàn năm sau, tới thời Copernic nó mới được đưa trở ra ánh sáng. Mà có phần chắc chắn rằng nếu Aristarque không nghĩ tới vấn đề đó trước thì Copernic cũng không bao giờ nghĩ tới.

Cụ có cho như vậy là nhờ một trực giác không ?

B.R. : Không đâu ! Những người đầu tiên đưa ra những giả thuyết như vậy không thể bảo rằng : "Đây là chân lí", mà chỉ có thể bảo: "Đây có thể là chân lí". Có một trí tưởng tượng khoa học phong phú thì ông cũng có thể nghĩ tới vô số điều có thể đúng được. Đó là bản thể của khoa học. Ông bắt đầu suy nghĩ về một điều nào đó, rồi ông rón tìm xét xem nó

có đúng không. Thường thường thì nó không đúng.

Tôi chắc Platon cho thuyết nguyên tử của Démocrite không đứng vững được ?

B.R. : Platon ? Ông ấy kinh hoàng lên chứ. Ông ấy bảo phải đem đốt hết các sách của Démocrite đi. Là vì Platon không thích khoa học. Ông ấy thích môn toán đấy, còn các ngành khác của khoa học thì ông không ưa.

Nhưng như vậy thì chẳng hóa ra triết lí tự lãnh nhiệm vụ phục vụ khoa học sao ?

B.R. : Phải, điều đó đúng một phần. Nhưng chắc chắn là triết lí không phải chỉ phục vụ khoa học mà thôi, vì có nhiều cái mà khoa học không nghiên cứu được. Chẳng hạn tất cả những cái gì liên quan tới vấn đề giá trị. Khoa học không thể bảo cho ta biết là cái gì là tốt, là thiện, cái gì là xấu, là ác - tôi nói về cứu cánh, chứ không nói về phương tiện.

Cụ có nhận thấy từ xưa tới nay các triết gia đã thay đổi thái độ, và độc giá, thánh giá của họ cũng vậy không ?

B.R. : Cái đó còn tùy ông muốn nói về triết nào. Platon và Aristote đều cho rằng điều quan trọng là tìm hiểu thế giới (và tôi nghĩ rằng triết lí phải nhắm mục tiêu đó). Rồi sau các triết gia phải khắc kỉ nhấn mạnh vào luân lí - chúng ta phải khắc kỉ nghĩa là phải giữ vững chí của mình trong cảnh khốn cùng ⁽¹⁾. - riết rồi mọi người đều bảo có thái độ như vậy là có tinh thần một "triết nhân".

Cụ có cho Marx là một triết gia không?

B.R. : Hiểu theo một nghĩa nào đó thì ông ấy là một triết gia, nhất định vậy. Nhưng có nhiều hạng triết gia. Có những nhà chống đỡ một trật tự, một tổ chức đã thành lập ; lại có những nhà chỉ nhắm lật đổ trật tự, tổ chức đó; và dĩ nhiên Marx ở trong hạng sau. Cả hai thái độ đó đều không hợp với tôi : tôi cho đó không phải là nhiệm vụ đích thực của triết gia. Nhiệm vụ đích thực của triết gia không phải là thay đổi thế giới mà tìm hiểu nó - mà như vậy là trái hẳn với lời của Marx.

(1) Phái "cổ cùng" như Khổng Tử nói.

Cụ có tự đặt cụ vào một hạng triết gia nào không ?

B.R. : Từ trước tới nay tôi chỉ dán cho tôi mỗi một cái nhãn : phái nguyên tử về lô gích, nhưng thực ra tôi không chú trọng tới cái nhãn, trái lại coi đó là một điều nên tránh nữa.

Phái nguyên tử về lô gích là nghĩa làm sao?

B.R. : Dùng tiếng đó là tôi muốn nói rằng muốn đạt được thực thể cái gì mình nghiên cứu thì phải dùng phương pháp phân tích - và ông có thể phân tích cho tới khi dùng phải những cái không thể phân tích được nữa, tức những cái nguyên tử lô gích. Tôi gọi những cái đó là nguyên tử lô gích vì nó không phải là những phần tử rất nhỏ của vật chất, mà là những phần tử rất nhỏ của những ý niệm mà tôi cho là thành phần của các vật.

Ngày nay trào lưu triết lí nào lớn nhất ?

B.R. : Phải phân biệt các xứ nói tiếng Anh và lục địa Âu châu. Các trào lưu tư tưởng ngày

nay chia rẽ hơn hồi xưa. Hơn nhiều. Tại các xứ nói tiếng Anh, nhất là ở Anh, đã xuất hiện một triết lí mới, theo tôi, là do người ta muốn phân định cho triết học các khu vực riêng của nó. Lúc nãy tôi đã nói, cơ hồ như triết lí là một khoa học chưa thành tựu. Có nhiều người không thích lối nhận định như vậy. Họ muốn cho triết học một khu vực riêng của nó. Và như vậy họ đã tạo nên thứ triết học này mà tôi có thể gọi là triết học ngôn ngữ, nghĩa là thứ triết học không nhằm giải quyết một vấn đề mà chỉ cốt rọi thật nhiều ánh sáng vào ý nghĩa của vấn đề đó thôi. Về phần tôi, tôi không chấp nhận quan niệm đó, nhưng tôi có thể kể cho ông một thí dụ. Một hôm đi xe đạp lại Winchester, tôi lạc đường. Tới làng thứ nhất, tôi vô một tiệm nọ, hỏi thăm : "Ông làm ơn chỉ cho tôi con đường nào ngắn nhất lại Winchester". Người đó không biết, hỏi lại một người khác ở phía trong mà tôi không thấy : "Một ông tới hỏi con đường nào ngắn nhất lại Winchester". Người ở trong đáp : "Winchester ư ? - Ờ - Con đường ngắn nhất ư ? - Ờ - Tôi

không biết". Thế là tôi chẳng biết thêm gì cả lại tiếp tục đi. Đây, cái triết lí mà người ta giới thiệu ở Oxford như vậy đó.

Nhận định cho đúng vấn đề mà không quan tâm tới cách giải ư ?

B.R. : Đúng vậy. Cách giải là công việc của người khác.

Thế còn triết học ở "lục địa", có nhận định vấn đề một cách khác vậy không ?

B.R. : Triết học ở "lục địa" đặt vấn đề một cách không tới nỗi "bản huyết" như vậy. Tôi không tán thành họ. Nhưng dù sao tôi cũng thấy triết học đó "đa huyết" hơn ⁽¹⁾, gần với các triết học thời xưa hơn. Có nhiều triết thuyết gốc từ Kierkegaard, từ sự suy tư của ông về vấn đề hiện sinh. Người ta lại còn thấy những triết thuyết mà mục đích là tạo những cơ hội luận chiến với tôn giáo cổ truyền. Có một số như vậy đó. Nhưng theo tôi, chẳng có gì là quan trọng cho lắm.

(1) Nghĩa là có sinh khí hơn.

Còn triết thuyết của riêng cụ, có ích lợi thực tế nào không cho một người muốn biết phải cư xử ra sao ?

B.R. : Ông hỏi câu đó thực hợp : tôi nhận được vô số thư của những người rất hoang mang không biết phải cư xử ra sao. Những người đó không còn nhắm theo những mục tiêu cổ truyền để tìm con đường hành động chính đáng nữa ; và họ không biết phải nhắm theo những mục tiêu mới nào. Tôi thấy triết thuyết của tôi chủ trương có được một ích lợi này : nó giúp cho chúng ta quả quyết hành động cả những khi chúng ta không hoàn toàn chắc chắn rằng hành động của chúng ta quả thực là tốt. Tôi cho rằng chúng ta không nên chắc chắn về một cái gì hết. Nếu ông chắc chắn (về một cái gì) thì chắc chắn là ông lầm rồi, vì không có cái gì đáng coi là chắc chắn cả; và luôn luôn trong cái điều mà chúng ta tin, phải dành chỗ cho một chút hoài nghi nào đó; và mặc dầu hoài nghi như vậy, chúng ta vẫn phải có thể hành động một cách cương quyết. Xét cho cùng thì một ông tướng khi chuẩn bị

giao chiến, cũng hành động như vậy, phải không ? Ông ta đâu có biết chắc được quân địch sẽ làm gì, nhưng nếu ông ta có tài thì sẽ đoán đúng. Nếu vô tài, ông ta sẽ đoán sai. Mà trong đời sống thực tế, chúng ta phải dựa vào những cái có thể xảy ra mà hành động ; và tôi cho rằng mục đích của triết học là khuyến khích chúng ta cứ hành động đi, không đợi phải được chắc chắn hoàn toàn.

Vâng, nhưng lại có bất tiện khác : bất tiện là làm cho thiên hạ hóa ra hoài nghi về những điểm mà dù đúng dù sai họ cũng đã tin tưởng rồi. Như vậy chẳng phải là làm cho họ hóa hoang mang ư ?

B.R. : Phải, ngay lúc đó thì phải. Tôi cho rằng có một chút hoang mang là điều cần thiết cho sự luyện tinh thần, nhưng một chút tri thức về khoa học có thể dẫn họ, tránh cho họ khỏi bị nhồi lên nhồi xuống khi họ hoài nghi, vì có lúc họ phải hoài nghi.

Theo cụ thì tương lai triết học sẽ ra sao ?

B.R. : Tôi không cho rằng sau này nó sẽ

được coi trọng như thời cổ Hi Lạp hoặc thời Trung cổ. Tôi thấy sự tiến triển của khoa học nhất định làm cho triết học mất quan trọng đi.

Hiện nay chúng ta có lẽ có nhiều triết gia quá chăng ?

B.R. : Tôi nghĩ rằng một triết gia không nên đưa ý kiến về vấn đề đó. Để các người không phải là triết gia đưa ý kiến thì phải hơn.

Xin cụ tóm tắt ít lời cho chúng tôi biết theo cụ thì trên thế giới này, trong những năm sắp tới, triết học quan trọng ra sao ?

B.R. : Tôi nghĩ rằng trên thế giới hiện đại, nó quan trọng lắm. Trước hết, như tôi đã nói, nó cảnh cáo chúng ta, nhắc nhở chúng ta rằng có những vấn đề rất nghiêm trọng mà khoa học - ít nhất là lúc này - chưa thể nghiên cứu được, mà thái độ khoa học, chỉ thuần túy khoa học thôi, không phải là thái độ thích hợp. Lại thêm, triết học làm cho chúng ta có tinh thần khiêm tốn hơn ; nhờ triết học mà chúng ta nhận ra được rằng có nhiều điều hời hợt cho

là chắc chắn, thì bây giờ đã thấy là sai ; và chúng ta không thể dùng con đường tắt mà đạt tới tri thức được. Loài người phát giác được rằng trong cái việc rất khó khăn tìm hiểu vũ trụ - triết gia nào cũng phải nhắm mục đích ám tàng đó - cần phải mất nhiều thì giờ và phải có tinh thần không võ đoán mới được.

2

TÔN GIÁO

Thưa Huân tước Russell, Huân tước đã say mê tôn giáo lần nào chưa ?

BERTRAND RUSSELL : Có. Hồi thiếu niên, tôi rất mộ đạo, cho rằng không gì quan trọng bằng tôn giáo - có lẽ trừ môn toán ra. Chính vì thiết tha với tôn giáo mà tôi mới tìm hiểu vì lẽ gì tôi tin, trọng nó như vậy (tôi nhận rằng trường hợp của tôi khá đặc biệt). Và tôi đã chuyên chú tới ba vấn đề mà tôi cho là

thiết yếu : *Thượng Đế, linh hồn bất diệt, ý chí tự do*. Tôi đã suy nghĩ về ba vấn đề đó theo thứ tự từ dưới lên trên, nghĩa là bắt đầu từ vấn đề ý chí tự do. Và lần lần tôi tới kết luận này, là tôi không có một lí do gì để tin ở ba cái đó cả. Tôi đã tưởng là không còn lí do để tin nữa thì tôi sẽ thất vọng vô cùng, mà lạ lùng thay, tôi chẳng thất vọng chút nào cả.

Cụ có thể cho chúng tôi biết do đâu mà cụ đã nhất quyết không tin ba điều đó nữa ?

B.R. : Về vấn đề ý chí tự do, hồi đó tôi đã dùng một luận cứ không giá trị gì mấy ; và ngày nay tôi cho rằng nó chẳng chứng thực được gì cả. Luận cứ đó như vậy : mọi chuyển động vật chất đều tuân theo những luật về động lực ; chẳng hạn môi của chúng ta mấp máy do một quyết định về thể chất, và như vậy tôi không thấy chúng ta có thể tác động gì tới những gì mình nói ra. Lý lẽ đó chẳng có giá trị gì hết, nhưng hồi đó tôi cho là chắc chắn chứ. Về vấn đề linh hồn bất diệt : thì theo tôi, thể chất và tinh thần hiển nhiên là liên quan với nhau, mà sự liên quan đó muốn ra sao thì

ra, bề gì cũng thâm thiết hơn là chúng ta tưởng ; và không có lí do gì để cho rằng tinh thần còn tồn tại khi mà bộ óc đã thối nát rồi. Còn về vấn đề Thượng Đế... người ta đã đưa ra nhiều lí lẽ để chứng tỏ rằng có Thượng Đế ; hồi xưa tôi nghĩ mà bây giờ tôi vẫn còn nghĩ rằng tất cả những lí lẽ đó tuyệt nhiên không có giá trị gì cả, và nếu người ta không có cái nhu cầu rút một kết luận từ cái đó ra, để rồi tin tưởng, thì không ai chấp nhận những lí lẽ đó cả.

Tôi chưa hiểu rõ ý cụ khi cụ nói rằng các luật về động học trái ngược với thuyết ý chí tự do ?

B.R. : Tôi xin nhắc lại, đó là một suy tư thời niên thiếu của tôi. Hồi đó, căn cứ vào các luật về động học, tôi nghĩ rằng tất cả các chuyển động của vật chất, từ những chuyển động của tinh vân ⁽¹⁾ nguyên thủy trở đi, tất cả đều đã hoàn toàn quyết định rồi, mà lời nói

(1) Nebula. Theo một thuyết về thiên văn, trước khi có các tinh tú thì trên không chỉ có toàn một thứ như mây, gọi là tinh vân.

(cũng là một thứ chuyển động) thì cũng vậy nữa. Vậy, hồi đó tôi nghĩ rằng, do những luật về động học, cái tinh vân nguyên thủy đã chưa sẵn và rất đúng (nghĩa là đã quyết định trước từng li từng tí) những lời mà một người nào đó, ông X hay ông Y, sẽ nói sau này trong bất kì trường hợp nào. Do đó, ông X hay ông Y có ý chí tự do gì đâu khi ông ta nói một lời nào đó.

Cụ có thể quá quyết rằng không có Thượng Đế không, hay cụ chỉ muốn nói rằng không có gì chứng tỏ rằng có Thượng Đế ?

B.R. : Không, dĩ nhiên, tôi quá quyết rằng không có Thượng Đế. Tôi nghĩ rằng vấn đề cũng như vấn đề thần thoại Hi Lạp hay Na Uy. Các vị thần trên núi Olympe (Hi Lạp) hay trong đền Valhalla (Na Uy) cũng có thể có được chứ ; tôi không thể chứng thực rằng không có các vị đó ; nhưng tôi cũng nghĩ rằng đáng Thượng Đế của Ki Tô giáo cũng không chắc gì có hơn các vị thần kia. Các vị ấy chỉ có thể có được, thế thôi.

Theo cụ thì những biểu thị của tôn giáo có lợi hay có hại ?

B.R. : Tôi cho rằng trên dòng lịch sử, hầu hết những biểu thị của tôn giáo đều có hại. Tôn giáo cũng có được một số lợi ích : nhờ tôn giáo mà các tu sĩ Ai Cập thời cổ đã làm ra lịch, đã ghi khá kĩ các lần nhật thực, nguyệt thực để đoán được bao giờ thì những hiện tượng đó sẽ trở lại. Nhưng trong đa số trường hợp, hậu quả đều tai hại. Tai hại vì người ta cho rằng có một điều rất quan trọng là con người phải tin những cái mà chưa ai chứng thực được rằng có, thành thử tư tưởng của mọi người sai lầm đi, chế độ giáo dục cũng sai lầm đi ; và từ những cái chưa được chứng thực mà người đã vội tin đó, người ta dựng nên một luân lí tuyệt đối, tà ngụy ; có những điều chúng ta nên tin, lại có những điều chúng ta không nên tin, nếu tin thì hại, ấy là chưa kể những điều đó đúng hay sai. Xét chung thì tôi cho rằng tôn giáo đã có nhiều hậu quả tai hại. Nó thần thánh hóa chủ nghĩa bảo thủ, cứ bám lấy những tục lệ thời trước, nhất là nó thần thánh hóa sự cố chấp, bất bao dung và lòng căm thù. Cái thái độ, những hành động cố

chấp, bất bao dung trong tôn giáo, nhất là ở châu Âu, quả thực là ghê tởm.

Phải cụ muốn nói tới cái thứ kiểm duyệt tinh thần nó ngăn cản sự tự do tư tưởng ?

B.R. : Chính vậy. Đây xin lấy thí dụ một trường học, bất kì một trường nào cho nam sinh hay nữ sinh, ở bất kì nơi nào trên thế giới, ông cũng thấy luôn luôn người ta nhồi cho trẻ một tín ngưỡng nào đó. Ở một quốc gia Ki Tô giáo, thì người ta nhồi thứ tín ngưỡng này, ở một quốc gia cộng sản thì người ta nhồi thứ tín ngưỡng kia. Nhưng ở đây hay ở kia thì người ta cũng dạy một điều mà chứng cứ không được xét một cách vô tư ; và người ta không khuyến khích trẻ tìm những chứng cứ để bác lại.

Vậy thì từ xưa tới nay, do đâu mà loài người có cái nhu cầu tôn giáo đó ?

B.R. : Theo tôi thì trước hết là do lòng sợ sệt. Loài người tự cảm thấy mình rất đổi bất lực. Và có ba cái làm cho con người sợ sệt. Một, là sợ Thiên nhiên, có thể mình bị sét

đánh, hoặc bị chôn sống trong một cuộc đông đất. Hai, là sợ các người khác : chẳng hạn, trên chiến trường địch có thể giết mình được. Ba, là sợ ngay những đam mê của ta (ở đây, chúng ta gần tiếp xúc với khu vực tôn giáo), nhưng đam mê đó khi mãnh liệt quá, có thể thúc đẩy mình làm những điều mà sau bình tĩnh lại rồi, mình sẽ rất ân hận. Do những lẽ đó mà đa số chúng ta sống trong cảnh sợ hãi. Tôn giáo giúp cho chúng ta bớt lo sợ đi.

Nhưng các nhà sáng lập ra các tôn giáo đâu có truyền báo cho chúng ta như vậy ?

B.R. : Không. Nhưng các nhà sáng lập ra các tôn giáo - tôi nhấn mạnh : các tôn giáo - đâu có liên quan gì bao nhiêu với những lời thuyết giáo của các môn đồ. Quả thực là chẳng được bao nhiêu. Lấy một thí dụ : các quân nhân nghĩ rằng trong sự chiến đấu với các quốc gia phía Đông ⁽¹⁾, đức tin Ki Tô giáo quan trọng lắm ; họ nghĩ rằng nếu ông không phải là tín đồ Ki Tô giáo thì ông chiến đấu không

(1) Tức Đông Âu.

hăng hái. Nhưng này, tôi đã đọc bài *Thuyết giáo trên Núi* (của chúa Ki Tô), tôi không thấy có một chút nào khuyến khích người ta chế tạo bom H cả. Tuyệt nhiên không có một chữ.

Nhưng cụ có nghĩ rằng bây giờ tôn giáo còn có thể có hại không ? Xét chung thì những điều cụ chỉ trích đó đã xảy ra từ lâu rồi. Còn bây giờ thì sao ?

B.R. : Thì cũng vẫn vậy. Thí dụ về bom H mà tôi mới đưa ra đó - khốn thay - đâu phải là chuyện đã qua rồi, và tôi nghĩ rằng hiện nay, thứ tôn giáo như người ta thấy hiện thân trong các Giáo hội đó, cản trở mọi gắng sức suy tư chính trực, mà làm cho những cái chẳng có chút giá trị gì được coi trọng. Có một điều tự nó sai lầm rồi, tức ý nghĩa của cái người ta cho là quan trọng.

Cụ có thể cho chúng tôi một thí dụ được không ?

B.R. : Được lắm. Đế quốc La Mã sụp đổ, nhưng các Linh mục trong Giáo hội có quan tâm tới cái đó đâu. Họ chỉ lo làm sao phụ nữ

giữ được trinh khiết thôi. Cái đó, đối với họ mới là rất quan trọng.

Và họ làm gì cho chủ trương của họ ?

B.R. : Họ hô hào thiên hạ. Còn các đạo quân chiến đấu ở biên cương, sự cải cách chế độ thuế khóa, tài chính thì họ không quan tâm tới. Họ chỉ biết có mỗi một cái mà họ cho là quan trọng hơn cả một đế quốc. Ngày nay nhân loại cũng đang sụp đổ và tôi thấy nhiều giáo sĩ địa vị rất cao chỉ nghĩ tới vấn đề làm sao ngăn được sự thụ thai nhân tạo ; họ cho việc đó quan trọng hơn nhiều việc ngăn ngừa thế chiến nó sẽ tiêu diệt nhân loại không còn lấy một mạng. Theo tôi, họ như thiếu ý thức về cân xứng, cái quan trọng thì cho là tầm thường và ngược lại.

Nhưng cụ cũng nhận rằng đôi khi tôn giáo cũng làm được nhiều việc hữu ích chứ. Chẳng hạn đã đảm nhiệm sự giáo dục trong những xứ mà có lẽ không một chế độ nào khác có thể xâm nhập được : tôi nghĩ tới nước Miến Điện chẳng hạn, tại đó các nhà sư đã thực hiện được một công trình lớn lao là dạy dỗ kẻ nghèo.

B.R. : Có thể lắm. Tôi cho rằng trong phạm vi đó, các tu sĩ giòng thánh Benoit còn làm được nhiều hơn các nhà sư nữa. Nhưng trước khi làm được việc thiện thì họ đã bắt đầu làm việc ác rồi. Mới đầu là gây tai hại lớn lao, rồi sau mới được một chút ích lợi.

Nhưng còn những người cảm thấy phải có một tín ngưỡng, một tôn giáo mới đương đầu nổi với cuộc sống thì sao ?

B.R. : Tôi cho rằng những người đó có cái thái độ như khiếp nhược. Ở trong phạm vi khác thì người ta khinh thái độ đó, nhưng trong phạm vi tôn giáo thì người ta lại khen nó là đáng phục. Tôi thì trong phạm vi nào, tôi cũng không bao giờ khen thái độ khiếp nhược cả.

Nhưng tại sao cụ lại gọi như vậy là khiếp nhược chứ ?

B.R. : Là vì họ không thể đương đầu với cuộc sống mà không dựa vào cái này hay cái khác. Chúng ta phải có thể đương đầu nổi với cuộc sống bằng những phương tiện mà cuộc sống tặng chúng ta. Đó là chuyện... có can đảm cùng không.

Cụ cho rằng những kẻ trút bó những khó khăn của mình, để mặc Thượng Đế, hoặc một tu sĩ, hoặc một tổ chức tôn giáo lo cho, mà khỏi phải đương đầu với những nỗi khó khăn đó, là có thái độ khiếp nhược sao ?

B.R. : Phải. Xin ông thử xét tình trạng vô cùng nguy hiểm của thế giới lúc này. Luôn luôn tôi nhận được những bức thư của những người bảo tôi rằng : "Thượng Đế sẽ lo cho !" Nhưng từ xưa tới nay Thượng Đế có bao giờ lo cho đâu, như vậy tôi không hiểu có cái gì làm cho họ tin rằng sau này Ngài sẽ lo cho họ.

Cụ muốn nói rằng chính sách ấy không sáng suốt chút nào không ? Cụ cho rằng mình phải đích thân xoay xở lấy, không nên trông cậy vào bất cứ người nào chăng ?

B.R. : Đúng vậy.

Cụ báo tôn giáo tại hại cho loài người, nhưng loài người vẫn một mực muốn có một tôn giáo. Tại sao vậy ?

B.R. : Loài người ư ? Không, tôi không tin vậy. Chỉ có một số người thôi và những kẻ đó bị thói quen chi phối. Có những xứ mà người

nào cũng dùng cà khêu để đi và họ không thích đi bằng cách khác. Tôn giáo thì cũng thế. Có những xứ quen với tôn giáo rồi. Tôi mới qua chơi bên Trung Hoa một năm, và tôi nhận thấy, xét chung, các người Trung Hoa trung lưu không theo một thứ tôn giáo nào cả, và không vì vậy mà họ kém sung sướng - nếu xét những hoàn cảnh khó khăn của họ thì tôi còn ngờ rằng họ sung sướng hơn những người theo Ki Tô giáo nữa.

Một tin đồn Ki Tô giáo tất sẽ báo cụ rằng nếu người Trung Hoa theo Ki Tô giáo thì họ sẽ sung sướng hơn nhiều.

B.R. : Tôi không tin rằng người đó có thể đưa ra một chứng cứ dù là nhỏ nhất, để chống đỡ ý kiến của họ được.

Nhưng loài người bao giờ mà chẳng đi tìm một lí do để tin tưởng, một lí do ở ngoài bản thân mình và có vẻ lớn lao hơn mình ? mà không cho tin tưởng như vậy chỉ là khiếm nhược, trút được nỗi ưu tư đi, trái lại còn cho là một lẽ cao cả để hi sinh nữa.

B.R. : Phải lắm, nhưng có thiếu gì cái lớn lao hơn ta. Trước hết có gia đình ta này. Rồi

tới quốc gia này. Rồi tới nhân loại này. Những cái đó đều lớn hơn ta và cho ta một trường hoạt động mênh mông đủ cho ta tha hồ dùng tất cả những tình cảm chân thành, tốt đẹp đúng như thiện ý của ta được.

Cụ có nghĩ rằng tổ chức tôn giáo lại sẽ tiếp tục nắm chặt nhân loại như vậy nữa không ?

B.R. : Theo tôi, cái đó còn tùy giải pháp mà loài người tìm ra hay không tìm ra được cho các vấn đề xã hội. Nếu vẫn còn những cuộc đại chiến, những cuộc áp chế dữ dội, nếu đa số nhân loại vẫn còn sống cuộc đời điêu đứng, thì có phần chắc rằng tôn giáo sẽ còn tồn tại. Vì tôi nhận thấy rằng lòng tin tưởng ở sự nhân từ của Thượng Đế tăng, giảm theo tỉ lệ ngược với những bằng chứng của sự nhân từ đó. Khi không có một bằng chứng nào cả thì người ta lại càng tin rằng Thượng Đế nhân từ; khi tình cảnh cải thiện hơn, đáng lí người ta tin rằng Thượng Đế quả thực nhân từ, thì trở trêu thay người ta lại không tin. Do đó mà tôi nghĩ rằng nếu các vấn đề xã hội giải quyết xong thì tôn giáo sẽ chết. Ngược lại, hễ còn

những vấn đề đó thì tôn giáo vẫn còn sống. Ôn lại dĩ vãng, chúng ta thấy không thiếu gì thí dụ. Ở thế kỉ XVIII, cái gì cũng yên ổn cả thì đa số các tri thức đều là những nhà tự do tư tưởng (nghĩa là không tin có Thượng Đế, không theo tôn giáo). Rồi tới cuộc Cách mạng Pháp, các nhà quý phái Anh kết luận rằng sự tự do tư tưởng đưa thẳng tới đoạn đầu đái. Vì vậy họ bỏ chủ trương đó mà hóa ra mộ đạo đạo đức : đó là thời đại Nữ hoàng (Anh) Victoria. Cách mạng Nga thì cũng vậy. Cuộc cách mạng này làm cho mọi người kinh hoàng; người ta tự nhủ, nếu không tin ở Thượng Đế thì tài sản sẽ bị tịch thu hết ; và người ta tin ở Thượng Đế. Tôi nói thực đấy, ông ạ, những cuộc hỗn loạn xã hội đó vô cùng có lợi cho tôn giáo.

Cụ có tin rằng khi cụ và tôi, chúng mình chết đi, thì là tiêu diệt hẳn không còn gì nữa không ?

B.R. : Tin chứ sao lại không. Tôi biết rằng cơ thể chúng ta sẽ tan rã, và tôi không thấy có lí do gì để cho rằng tinh thần còn tiếp tục tồn tại khi mà cơ thể đã tan rã.

CHIẾN TRANH VÀ CHỦ NGHĨA HÒA BÌNH

Thưa Huân tước Russell, cụ có nghĩ rằng có những chiến tranh chính đáng không ? Có nên dùng tiếng "chính đáng" đó không ?

BERTRAND RUSSELL : Nên dùng lắm chứ, dĩ nhiên với điều kiện là phải định nghĩa thế nào là "chính đáng". Người ta có thể nghĩ tới những chiến tranh được coi là hợp pháp. Đã có những chiến tranh mà một bên có thể tự

hào rằng mình chiến đấu hợp pháp. Nhưng cũng có thể nói tới những chiến tranh có lợi hơn là có hại, và trong trường hợp này, sự phân loại khác hẳn đi.

Xin cụ cho chúng tôi vài thí dụ.

B.R. : Việc đó không khó. Tôi cho rằng ra trận để chống kẻ xâm lăng thì là chính đáng. Chẳng hạn người Anh khi chống với hạm đội Y Pha Nho Armada (năm 1588) là chính đáng. Và người Hung Gia lợi cũng vậy khi họ chiến đấu cho tự do của họ. Người Anh đã thua (Y Pha Nho), người Hung đã thua (Nga Sô). Nhưng nếu xét đoán theo kết quả thì sự phân loại sẽ hoàn toàn khác hẳn. Ông tự hỏi chiến tranh có thể nào có lợi được không. Ông thí dụ một chiến tranh không hợp pháp chút nào cả, chẳng hạn trường hợp người Da trắng xâm chiếm Bắc Mĩ. Tôi có thể nói rằng xét chung thì mặc dầu không hợp pháp, cuộc xâm lăng đó có ích lợi đấy.

Thế còn chiến tranh giành lại Độc lập của Hoa Kỳ ?

B.R. : Theo tôi, nó hoàn toàn chính đáng.

Nhưng tôi cho rằng nó không được hợp pháp. Có sự thực này là nếu ông qua Hoa Kỳ thì thế nào ông cũng ngâm chêm George Washington ; ông phải xác nhận rằng không ai được dùng sức mạnh hay bạo động để lật đổ một chính quyền đã được thành lập một cách hợp pháp. Dĩ nhiên, điều tôi nói đó là hoàn toàn có tính cách hồi cổ.

Cụ có nghĩ rằng có những chiến tranh thành công, nếu xét theo dài hạn ?

B.R. : Có chứ. Chúng ta ngược dòng lịch sử, tới thời thượng cổ. Alexandre và César là những nhà đại chinh phục. Những chiến tranh xâm lăng của họ không hợp pháp nhưng có hậu quả tốt. Alexandre truyền bá văn minh Hi Lạp khắp miền Cận Đông, truyền bá ngôn ngữ Hi Lạp và duy trì cho chúng ta di sản văn hóa của Hi Lạp. Nếu không có ông ta thì rất có thể rằng ngày nay không một người nào trong chúng ta được biết người Hi Lạp đã cống hiến những gì cho văn minh.

Còn César ?

B.R. : César đã xâm chiếm xứ Gaule, kết

hợp xứ đó với thế giới văn minh ; sau đó, Pháp ngữ - mà ngày nay chúng ta rất tán thưởng - mới phát sinh được, đó là công của César.

Chiến tranh do đâu mà sinh ra ? Do những nguyên nhân kinh tế ? Do sự điên khùng của các nhà cầm quyền ? Do lòng nhiệt tình, hăng hái của các dân tộc ?

B.R. : Có thể kiếm được thí dụ cho mỗi nguyên nhân đó. Có khi do nguyên nhân này, có khi do nguyên nhân khác. Khi Đại Vương Frédéric (Phổ) tấn công Nữ hoàng Marie Thérèse (Áo) ở thế kỉ XVIII thì ông ta chỉ là dùng cái quyền quốc vương của ông thôi. Theo tôi chiến tranh đó không có nguyên nhân nào khác. Thế kỉ XVIII, chúng ta thấy nhiều ông vua xua quân ra chiến trường mà chẳng có lí do gì chính đáng cả, chỉ để tìm danh dự và quang vinh. Nhưng từ đó tới nay cái đó bớt nhiều rồi.

Ngày nay chúng ta đang chịu cái họa điên khùng của các nhà cầm quyền ?

B.R. : Phải. Nào bây giờ chúng ta xét tới những nguyên nhân kinh tế. Chắc chắn là

những nguyên nhân đó đã đóng một vai trò lớn trong chiến tranh dai dẳng, bất tuyệt giữa Anh và Y Pha Nho ⁽¹⁾ Về phía chúng ta (tức phía Anh), các yếu tố có tính cách tôn giáo hơn; Người Anh chiến đấu để cự tuyệt cái họ không muốn ; người Y Pha Nho chiến đấu để cự tuyệt cái họ không muốn ; thực là một vụ dằng dai mà nguyên nhân, về phía chúng ta, hoàn toàn hoặc gần hoàn toàn thuộc về kinh tế. Vậy những nguyên nhân kinh tế quả có đóng một vai trò. Mà sự cuồng loạn của đám đông thì cũng vậy. Walpole ⁽²⁾ làm thủ tướng rất lâu, sau bị lật đổ vì sự thác loạn của đám đông, vì có những kẻ cương quyết đòi đem quân đánh Y Pha Nho. Đánh Y Pha Nho là cái thói quen của người Anh chúng ta rồi ; chúng ta hồi xưa thích thế. Mà Walpole thì không thích.

(1) Suốt hai thế kỉ XVII, XVIII, và phần đầu thế kỉ XIX, trên hai trăm năm.

(2) Chính khách Anh ở thế kỉ XVIII (1676-1745), hai lần làm thủ tướng, giữ chức đó được trên hai chục năm.

Trong thế chiến thứ nhất, cụ theo chủ nghĩa hòa bình. Rồi qua thế chiến thứ nhì, cụ không theo chủ nghĩa đó nữa, như vậy cụ có cho rằng cụ tự mâu thuẫn với cụ không ?

B.R. : Không một phút nào tôi có thể cho tôi là tự mâu thuẫn với tôi cả. Không khi nào tôi có thể nói rằng chiến tranh nào cũng chính đáng hết, hoặc chiến tranh cũng bất chính đáng hết. Tuyệt nhiên không. Tôi đã có cảm tưởng rằng một số chiến tranh nào đó chính đáng, một số khác không. Thế chiến thứ nhì chính đáng ; thế chiến thứ nhất không.

Tại sao thế chiến thứ nhì lại chính đáng ?

B.R. : Vì tôi cho Hitler là một con người không sao chịu nổi. Trong các mục tiêu của chế độ Đức Quốc Xã, cái gì cũng ghê tởm. Tôi cho rằng nếu bọn Đức Quốc Xã chiếm được thế giới - mà hiển nhiên là họ có ý đó - thì khắp thế giới sẽ thành địa ngục. Chúng ta phải ngăn cản cái đó. Nhất định phải ngăn cản.

Và bây giờ cụ vẫn nghĩ rằng thế chiến thứ nhất là một lầm lỗi ?

B.R. : Phải. Theo tôi thì lúc đó Anh nên trung lập. Hồi đó tôi đã nói vậy và bây giờ tôi vẫn không thay đổi ý kiến. Nếu lúc đó chúng ta trung lập thì Thế chiến thứ nhất đã không kéo dài. Nước Đức sẽ thắng, mạnh hơn lên, phải, nhưng đâu phải là tuyệt mạnh. Mà nước Đức dưới triều vua thời đó, đâu tới nỗi xấu xa, tàn ác lắm, người ta cứ tuyên truyền cho dân chúng Anh tưởng lầm vậy đấy thôi. Hiện nay tôi thấy rất ít chính quyền bằng được triều đình Đức thời đó. Như vậy đấy : chúng ta tấn công một chính quyền xấu xa chỉ làm cho nó hóa ra tệ hại hơn. Chân lí đó không thể đem áp dụng vào chiến tranh chống bọn Đức Quốc Xã được vì không có gì mà lại tệ hại hơn họ được. Nhưng, đó là một chân lí. Và nếu năm 1914 chúng ta trung lập thì đã không có cái nạn Đức Quốc Xã và nạn phát xít. Phát xít là sản phẩm của một tình thế : sự tan rã của đạo quân Nga và sự hỗn loạn ở khắp nước Nga. Mà nếu Thế chiến thứ nhất không kéo dài như vậy thì những cái đó có thể tránh được.

Mà ở Nga sẽ ra sao ?

B.R. : Sẽ có một cuộc cách mạng tựa như cuộc cách mạng mà người Nga muốn làm năm 1905. Có thể gần chắc chắn rằng những người cách mạng xã hội sẽ nắm được chính quyền mà họ không phải cùng một giuộc với bọn phát xít. Có thể rằng họ sẽ cải thiện theo một cách dễ chịu.

Và cụ nghĩ rằng nước Đức sẽ không có chế độ Quốc Xã mà sẽ tiến lần lần tới một chế độ dân chủ phải chăng ?

B.R. : Đúng vậy. Đã xảy ra như vậy rồi đấy. Họ đã tiến bộ theo một nhịp kha khá, nhanh không kém Anh thời xưa. Đức sẽ thành một nước dân chủ đại nghị dễ chịu. Đó là vấn đề thời gian. Mà như vậy, chắc chắn là triết lí quốc xã sẽ không phát triển, vì triết lí này là một phản ứng lại tình trạng sụp đổ của Đức.

Nhưng thí dụ rằng hồi Thế chiến thứ nhất, chúng ta đứng ngoài, thì Đức sẽ thắng Pháp, rồi quay về phía Anh mà báo : "Này, còn nước Anh này nữa, phải quét sạch đi mới được".

B.R. : Không có lí do gì để nhận định như vậy. Lúc đó người Đức có một số mục tiêu hạn chế : họ đòi cái quyền có một hải quân khá mạnh ; họ muốn chiếm thêm thuộc địa, nhưng chúng ta không chấp nhận điều đó ; họ muốn làm chủ miền Balkan hơn - sự thực họ muốn rằng Áo chỉ huy miền Balkan. Theo tôi nhận xét thì những mục tiêu đó của Hoàng đế Đức đã được định rõ, hạn chế. Tôi không nghĩ rằng ông ta muốn chinh phục thế giới.

Nhưng, đứng về quan điểm của Anh, thì thế chiến thứ nhất là một chiến tranh chính đáng, phải vậy không ?

B.R. : Về phương diện pháp luật, phải, nếu ông cho rằng chiến đấu để bênh vực nước Bỉ là điều hợp pháp ; điểm đó dĩ nhiên có người chấp nhận, có người không ; nhưng nếu ông chấp nhận lí do đó thì thế chiến thứ nhất quả là hợp pháp. Nhưng tôi không nghĩ rằng chiến tranh nào mà hợp pháp thì cũng bắt buộc mình phải lâm chiến.

Cụ có nghĩ rằng thiên hạ thích chiến tranh không ?

B.R. : Nói thực ra thì rất nhiều kẻ thích cái đó. Năm 1914 điều đó là một trong những điều làm cho tôi ngạc nhiên. Ý kiến của tất cả các bạn theo chủ nghĩa hòa bình và làm việc chung với tôi, là dân chúng không muốn chiến tranh, các chính quyền đã bắt họ ra trận. Nhưng trên các đường phố London, tôi đã nhìn về mặt mọi người : không còn ngờ gì nữa, về mặt nào cũng hơn hở hơn lúc chưa tuyên chiến. Tôi đã viết bài bày tỏ ý kiến đó và các bạn chủ trương hòa bình của tôi không vui. Vì những bài báo của tôi mà người ta đã dò xét lòng nhiều người ! Hiện nay tôi còn nghĩ rằng nhiều người thích chiến tranh lắm, miễn là bom đạn đừng nổ ngay trước cửa họ và họ đừng phải chịu thiệt hại, đau khổ nhiều quá. Dĩ nhiên, chiến tranh xảy ngay trên đất đai của ông thì bớt thú vị đi nhiều.

Đã có nhiều kẻ thích chiến tranh như vậy, thì thời bình họ biết dùng cái tinh thần hiếu chiến, hung hăng của họ vào cái gì được ?

B.R. : Không hẳn là tinh thần hiếu chiến, hung hăng mà lòng thích mạo hiểm. Theo tôi,

cái phần dân chúng thích mạo hiểm đó, phải cho họ mọi cơ hội mạo hiểm, mọi cách mạo hiểm, mà cho thật nhiều vào. Miễn là đừng tốn kém quá mức, phải cho họ leo các ngọn núi, lên Bắc cực, xuống Nam cực.

Cụ có nghĩ rằng người Scandinavie - nói rõ ra : người Thụy Điển - vì đã lâu lắm không biết chiến tranh mà sung sướng hơn không ?

B.R. : Có chứ. Từ 1814 đến nay họ không biết chiến tranh, và theo tôi nhận xét thì xứ đó là một trong những xứ sung sướng nhất đấy. Dân chúng xứ đó tha hồ hưởng đời và tôi chưa thấy người Thụy Điển nào bất mãn vì không có chiến tranh.

Ở xứ đó có nhiều người tự tử quá ?

B.R. : Cái đó đúng. Sở dĩ vậy là vì người Thụy Điển không bị tôn giáo cấm tự tử. Dân tộc đó ít tín ngưỡng. Những người Thụy Điển nào mộ đạo đã di cư qua miền Trung Tây của Hòa Kỳ ; những người ở lại trong nước thì vô tín ngưỡng.

Nhưng chẳng phải là bản tính loài người thích chiến tranh sao ?

B.R. : Bản tính loài người là cái gì, tôi không biết nữa. Một bản tính thì có thể nhồi nặn thế nào cũng được, người ta không nhận thấy điều đó. Nhưng ông có thể so sánh một con chó nhà với một con chó sói trong rừng ; ông sẽ thấy sự luyện tập có sức mạnh ra sao. Con chó nhà không hung dữ mà dễ chịu, thỉnh thoảng nó sủa đấy, có lẽ nó cần người đưa thư nữa đấy, nhưng xét chung thì nó sống chung với loài người được. Còn con chó sói thì đâu có vậy. Luyện tập cho loài người thì kết quả có thể y hệt vậy, có thể thay đổi hoàn toàn con người. Bao không thể thay đổi được bản tính con người, là nói bậy với bạ !.

Nhưng từ bao lâu nay, người ta gắng sức, khó nhọc thuyết phục các dân tộc đừng đâm chém nhau, mà loài người có tấn bộ được nhiều đâu.

B.R. : Chúng ta đâu có răn thuyết phục họ. Có vài người rất hiếm, răn làm công việc đó, chứ đâu phải là đại đa số.

Cụ không nghĩ rằng giá có một chiến tranh làm cho Thụy Điển phấn khởi lên một

chút, thì họ sẽ sung sướng hơn một chút ư ?

B.R. : Tôi không thấy có lí do gì để tin điều đó. Hiện nay, hầu hết các dân tộc đều đã nếm mùi chiến tranh, và tôi thấy các dân tộc đó đâu được sung sướng như dân tộc Thụy Điển, kém xa. Đó là cảm tưởng của tôi trong các cuộc du lịch đấy.

Theo cụ thì người ta không ưa thể chiến thứ nhì bằng thể chiến thứ nhất phải không ?

B.R. : Là vì thể chiến thứ nhì không có cái điều, cái tình trạng của Thể chiến thứ nhất. Dĩ nhiên, những người ra mặt trận năm 1914 không hân hoan gì đâu vì họ biết rằng phen này đi thì rất có thể là không trở về. Nhưng ở hậu phương người ta cho chiến tranh là hứng thú lắm. Qua Thể chiến thứ nhì thì khác hẳn. Người ta chán ngấy rồi - hai mươi lăm năm trước người ta đã run lên vì chiến tranh rồi.

Lúc nãy cụ nói tới một chiến tranh Anh - Y Pha Nho xảy ra vì dân chúng Anh cuồng loạn đòi tuyên truyền, chứ thủ tướng Walpole không muốn. Cụ có tin rằng thời buổi này,

chúng ta có thể chống được sự cuồng loạn đó hơn thời trước không ?

B.R. : Không hơn được đâu. Dân chúng đã biết đọc và báo chí đã làm cho sự cuồng loạn của dân chúng đó tăng lên dữ dội. Nhưng đã bắt đầu thấy một xu hướng ngược lại, phần lớn là nhờ vô tuyến truyền hình ; thiên hạ ngồi trong ghế bành tại nhà mình mà cũng được biết những tin tức thế giới. Không cần những phòng mênh mông nơi đó quân chúng tới la ó om sòm nữa. Những cuộc hội họp vĩ đại đó là nguyên nhân chính gây sự cuồng loạn. Những cuộc "mít tinh" mà bớt quan trọng đi sự cuồng loạn của dân chúng, theo tôi cũng giảm đi.

Cụ có cho rằng người ta sẽ ít thấy những cuộc hội họp ở công viên Trafalgar ⁽¹⁾ trong khi dân chúng chờ đợi tuyên chiến không ?

B.R. : Tôi nghĩ rằng người ta vẫn còn có thể thấy lại những cuộc hội họp đó. Trafalgar

(1) Một công viên ở London, nơi đó công chúng tha hồ tới hoan nghênh, đả đảo chính quyền, các chính khách cho sướng miệng rồi ra về.

Square là một chỗ rất tiện lợi, người ta tới đó dễ dàng quá. Tôi cho rằng sẽ vẫn còn những cuộc hội họp ở đó - nhưng tôi có cảm tưởng rằng sẽ không còn quan trọng như trước nữa. Những đám đông vĩ đại tụ họp nhau ở công viên Trafalgar để hoan hô, tán thành một quyết định của chính phủ đưa họ ra dỡ đạn, thì quả thực là lạ đời. Có thể mong rằng bản tính con người khác vậy chứ. Thế là bản tính đó được đem ra dùng rồi đấy. Nhưng tôi nghĩ rằng cái đó sẽ giảm bớt đi.

4

XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ TƯ BẢN

Thưa Huân tước Russell, cụ có thấy chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa tư bản có những nét nào chung không ?

BERTRAND RUSSELL : Có nhiều nét chung, và tôi cho đó là hậu quả không sao tránh được của nền kĩ thuật hiện đại. Kĩ thuật hiện đại cần có những tổ chức rộng lớn, tập trung, và nó tạo ra một mẫu người chỉ huy

nào đó. Điều đó đúng cho các nước cộng sản và tư bản, nếu kĩ nghệ của họ phát triển mạnh.

Cụ có cho rằng những tổ chức rộng lớn đó tạo ra một thái độ tinh thần y hệt nhau, chẳng hạn ở Mĩ và ở Nga không ?

B.R. : Tôi cũng nghĩ vậy, nhưng có ít nhiều hạn chế. Tôi muốn nói là có những dị biệt về mức độ, chứ không về loại người... Một nhà chỉ huy Mĩ có nhiều quyền hành thực sự, với một nhà quản trị Xô - Viết, hai nhà đó giống nhau lắm. Có lẽ hành động của nhà chỉ huy Mĩ bị hạn chế hơn ; nhưng cả hai đều thuộc về một loại người như nhau.

Cụ có nghĩ rằng trong những hoàn cảnh như vậy, người Nga và người Mĩ - như tôi đã thí dụ - sẽ có chung một lí tưởng sinh hoạt không ? chẳng hạn cùng muốn có xe hơi, được nhiều thóa mãn vật chất, vân vân ?

B.R. : Phải, họ sẽ có nhiều điểm chung. Hình như người ta đã nói nhiều điều bậy bạ về tinh thần duy vật của người Nga. Dù sao thì

đa số nhân loại ham vật chất : những cái họ thêm muốn là những cái có thể bỏ tiền ra mua được. Cái đó là thương tình, bản tính con người như vậy. Người ta cứ tuyên truyền muốn cho chúng ta tin rằng Đông và Tây khác nhau nhất là ở điểm này : một bên thì duy vật một bên thì không ; tôi không tin vậy.

Cụ mới nói về tự do tư tưởng. Nếu chế độ cộng sản bóp nghẹt tư tưởng thì tại sao người Nga lại tiến bộ mau như vậy về khoa học được?

B.R. : Tôi xin thú thật rằng trước kia tôi cũng ngạc nhiên về điều đó. Nhưng có gì đâu mà ngạc nhiên. Chúng ta đã thấy Nhật Bản hoạt động rồi đấy. Khi xứ đó Âu hóa thì đâu có âu hóa về tư tưởng, chỉ Âu hóa về kĩ thuật thôi. Cho tới khi họ đại bại trong Thế chiến vừa rồi, họ vẫn giữ được hết các tin tưởng cổ truyền của họ, mà máy móc của họ thì hoàn toàn mới mẻ. Người Nga không giữ lại những tin tưởng cổ của họ, nhưng đã tạo ra một chủ nghĩa mà họ đề cao hơn hết thảy và không cho nó xen vào khu vực kĩ thuật. Họ đã tìm ra

được cách làm cho thiên hạ chú ý đầu vào các vấn đề kĩ thuật, không còn ngừng đầu nhìn lên cao hơn nữa.

Cụ có cho rằng cộng sản đã cải thiện được thân phận người Nga không ?

B.R. : Thực tình tôi không biết rõ điều đó. Có thể rằng người Nga hiện nay sung sướng hơn hồi xưa. Tôi muốn tin rằng người Nga trung lưu ở thời Staline không sung sướng bằng dưới các triều đại Nga hoàng. Hiện nay tình cảnh có lẽ khá hơn.

Bây giờ chúng ta nói tới thế giới tự do. Cụ thấy trong cách cư xử của thế giới này, có những tật nào không ?

B.R. : Có nhiều tật. Nhưng tật lớn nhất là thế giới đó không tự do. Nó không đáng mang cái tên "thế giới tự do" một chút nào cả. Chúng ta ở Anh, đều biết rõ Mc Carthy ⁽¹⁾ đã làm cho Mĩ kinh hoàng ra sao. Cũng những hiện tượng đó mà xảy ra ở nước chúng ta thì chúng ta

(1) Một chính khách Hoa Kỳ.

không thấy. Ông muốn làm công chức ư, người ta dò thám ông ⁽¹⁾. Người ta không hỏi thẳng ông những ý kiến (về chính trị) của ông đâu. Các giáo sư đại học của ông và nhiều người khác nữa, phải làm mật vụ cho chính phủ.

(1) Âm chi hành động của Mc Carthy.

Hai năm trước khi mất, Einstein cảnh cáo dân tộc Mỹ như sau, trên báo *New York Time*, số 12.6.1953 :

"Các nhà trí thức xứ này (Huê Kì) phải đương đầu với một vấn đề rất nghiêm trọng. Các chính trị gia phản động đã âm mưu với nhau dọa dân chúng phải coi chừng một tai họa ngoại lai, để tiêm vào lòng dân chúng niềm nghi ngờ mọi gắng sức tinh thần. Tới nay họ đã thành công ; họ đương chuẩn bị diệt sự tự do giáo dục và làm cho những kẻ nào không chịu phục tùng họ sẽ phải mất chức mà hóa đói khổ.

"Thiểu số trí thức phải làm cách nào chống tai nạn đó ? Thực tâm tôi nghĩ rằng chỉ có cách là phản động theo chính sách bất hợp tác của Gandhi. Nhà trí thức nào bị mời tới một ủy ban điều tra thì phải từ chối không chịu bảo chứng, nghĩa là phải sẵn sàng vô khám, sẵn sàng chịu nghèo đói, tóm lại sẵn sàng hi sinh sự an toàn của mình cho sự an toàn của văn hóa xứ này.

(...) "Nếu có đủ một số trí thức chịu liều thân như vậy thì họ sẽ thành công. Nếu không thì họ sẽ không đáng được hưởng gì hơn các ách nô lệ mà người ta đương chuẩn bị cho họ".

Trích trong cuốn *Einstein* (Marabout Université) trang 34.

Một sinh viên mới ở đại học Oxford ra, xin một việc làm trong công sở. Cụ báo rằng người ta sẽ hỏi giáo sư cũ của sinh viên đó : "Con người đó có đáng tin về phương diện chính trị không ?" Có như vậy ư ?

B.R. : Việc đó đã xảy ra. Nhiều người đã từ chối, không trả lời những câu hỏi đó, nhưng người ta cứ hỏi. Tôi không biết rõ các sinh viên, giáo sư ở Oxford ra sao, nhưng tôi ngờ rằng họ cũng ở trong trường hợp ấy.

Một chính quyền hành động hợp lí cũng cần đề phòng, để khỏi thu dụng vô công sở những kẻ có thể tiết lộ những bí mật của Quốc gia cho nước ngoài chứ ?

B.R. : Tôi không nghĩ vậy. Cái chuyện do thám, bí mật Quốc gia với tất cả các hậu quả đó, người ta đã phóng đại ra quá. Sự thực người Nga dư sức tự phát kiến, phát minh ra được hết, và tôi không tin rằng bọn do thám và bọn phản quốc đã làm hại cho ta nhiều hoặc đã làm lợi cho họ nhiều.

Cụ có trách thế giới tự do hiện nay điều gì khác nữa không ?

B.R. : Tôi xin đưa một thí dụ khác để tỏ rằng họ coi thường sự tự do. Họ sẵn sàng liên kết với Franco ⁽¹⁾. Mà theo tôi thì chế độ Franco có đủ những cái tệ hại của chế độ phát xít. Liên kết với những kẻ hành động y hệt những điều mình tố cáo, mật sát, thì sự liên kết đó chẳng có lợi gì cho ta cả, dù là ta theo ý hệ nào.

Nếu cụ không gọi thế giới đó là thế giới tự do thì phải đặt cho nó tên gì khác ?

B.R. : Thế giới tư bản.

Nhưng thế giới đó gồm cả Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, mà những quốc gia này không thực sự là tư bản ?

B.R. : Có lẽ cho nó cái tên đó thì không được đúng đây. Sự thực, trừ các xứ như Y Pha Nho, Bồ Đào Nha, còn thì Tây khác với Đông ở điểm này : xét chung, Tây tin rằng chế độ đại nghị tốt cho họ trong thế giới họ, còn cộng

(1) Nhà độc tài Tây Ban Nha cầm quyền từ 1939, có cảm tình với Hitler và Mussolini, nhưng đứng trung lập trong suốt thế chiến vừa rồi.

sản thì không nên. Có lẽ đó là điểm dị biệt quan trọng nhất.

Cụ đã trách cộng sản cố chấp nhiều điều. Cụ có thấy trong chính sách đó còn có gì xấu nữa không ?

B.R. : Tôi trách điểm này nhất : họ tin ở một sự độc tài nhân từ. Sự thực, tin tưởng đó đã có từ lâu, trong nhiều cộng đồng khác rồi, và luôn luôn người ta thấy nó sai : một người có hảo tâm, thiện ý của người đó lần lần tan đi mà chỉ còn lại sự độc tài. Lí thuyết đó là như vậy : những kẻ nào tán đồng một chủ nghĩa nào đó thì được giao cho quyền hành vô biên, và người ta hi vọng rằng nhờ có quyền hành vô biên đó mà họ sẽ làm được việc có ích cho dân. Riêng tôi thì tôi nghĩ rằng, trừ một số người cực hiếm, còn thì ai nấy cũng lạm dụng quyền hành. Vậy cần phải trải rộng quyền hành ra, san bằng nó đi càng nhiều càng tốt, chứ đừng để nó tập trung trong tay một phe đảng.

Phái cụ muốn nói rằng các nhà cộng sản

Nga, khi đã nắm trọn quyền hành trong tay rồi, không còn tin ở chế độ vô sản chuyên chính nữa ?

B.R. : Đúng vậy. Vô sản : danh từ đó, theo nghĩa người ta dùng ở Nga là một danh từ mỉa mai ngậy ngô nực cười. Hồi ở Nga tôi đã nhận thấy rằng Lénine được coi là một người vô sản, mà hạng hành khách ngoài đường, hạng nghèo đói khốn khổ, không có gì đút miệng thì lại bị coi là đầy tớ của bọn tiểu tư bản (bourgeois).

Vâng. Nhưng thôi chúng ta xét một miền khác mà chế độ xã hội chủ nghĩa đã được đem thực hành trên một đại qui mô. Trung Hoa có đe dọa thế giới chúng ta không, và sự đe dọa đó có mạnh bằng sự đe dọa của Nga không ?

B.R. : Xét theo dài hạn thì tôi cho rằng sự đe dọa của Trung Hoa có thể còn nghiêm trọng hơn của Nga. Người Trung Hoa mới theo cộng sản đây và họ còn đang ở trong giai đoạn cuồng tín, giai đoạn mà người Nga đã vượt rồi. Dân số Trung Hoa cũng lại đông hơn nhiều ; họ lại bẩm sinh cần cù - từ hồi nào tới

giờ họ vẫn cần cù. Trung Hoa có thể thành một Quốc gia mạnh hơn Nga. Hạng vĩ nhân của Trung Hoa không kém gì hạng vĩ nhân của Nga.

Người Nga có nghĩ vậy không ?

B.R. : Làm sao mà biết chắc được ? Và người Nga có nghĩ sao thì họ cũng giữ kín trong lòng, không để lộ cho ai biết. Ông thử úp mở hỏi họ về điểm đó mà xem, ông sẽ thấy họ đáp ông một cách rất dối mập mờ. Nhưng nên tin rằng họ đã nhận thấy sự phát triển của Trung Hoa.

Chẳng hạn, người Nga cần giữ kín bí mật bom nguyên tử và bom H, không cho người Trung Hoa biết ?

B.R. : Phải, rất cần !

Theo cụ thì tình hình căng thẳng giữa thế giới cộng sản và thế giới không cộng sản, có làm hại nhiều cho sự tự do xét chung không ?

B.R. : Hại vô kể. Một sự căng thẳng như vậy chỉ có thể có hại thôi, nó làm cho người ta không suy nghĩ sáng suốt được nữa. Đây này,

nếu ông nghiên cứu chế độ của phe bên kia thì công an - của khối Đông cũng như của khối Tây - sẽ tin chắc rằng thế nào ông cũng gia nhập phe đó ; vậy thì không nên cho thiên hạ biết một chút xiu gì về phe bên kia cả. Và cái đó... cái đó quả thực là thậm vô lí. Một điều khác : đâu đâu cũng có cái không khí nghi kỵ; đâu đâu cũng có những kẻ bị nghi ngờ oan, rồi sẽ hoàn toàn tàn mạt. Sự căng thẳng đó nguy hại vô cùng.

Nhưng chẳng lẽ cụ lại mong rằng Nga Sô sẽ cho dân chúng nghiên cứu chế độ đại nghị cùng cách thức của chế độ đó chứ ? Dân Nga sẽ đam thích một tư tưởng họ thấy có vẻ tự do thì mới làm sao đây ?

B.R. : Ngược lại thì cũng có thể đúng nữa. Ở Mĩ chẳng hạn, ai muốn nghiên cứu những phương pháp Nga thì sẽ gặp nhiều cản trở rất nghiêm trọng. Phải thỏa thuận với nhau, cho phép mỗi bên tìm hiểu đối phương chứ. Tôi tin chắc rằng có bao nhiêu người Nga mê chế độ của Mĩ thì cũng có bấy nhiêu người Mĩ thích chế độ của Nga.

Nhưng ở Anh có đầy những kẻ đã cắn câu, đương nghiên cứu chế độ cộng sản đấy.

B.R : Đúng vậy. Có nhiều kẻ thích chế độ đó ; người ta cho phép họ dạy ở Đại học ; ở Hoa Kỳ điều đó không sao tưởng tượng nổi.

Cụ có nghĩ rằng cộng sản và tư bản có thể tập sống với nhau như những láng giềng tốt không ?

B.R. : Được chứ. Chỉ cần quen chịu đựng nhau. Thí dụ như... tín đồ Ki Tô giáo và tín đồ Hồi giáo. Sau sáu thế kỉ chém giết nhau mà chẳng bên nào thắng được bên nào, có một bậc thiên tài đứng ra bảo : "Thôi đi, đừng đâm chém nhau nữa ! Tại sao chúng ta không kết thân với nhau ?" Thế là họ làm lành, thành bạn thân với nhau, mà như vậy có phải tốt không ? Tư bản và cộng sản nếu chịu khó hiểu rằng không bên nào có thể chinh phục được trọn thế giới đâu thì cũng có thể sống chung với nhau như vậy được.

Họ phải làm sao mới hiểu được điều đó ?

B.R. : Do kinh nghiệm. Dĩ nhiên, chúng ta

không thể đợi sáu thế kỉ nữa được. Vì nếu hai bên choảng nhau trong sáu thế kỉ như Hồi giáo và Ki Tô giáo thời xưa, thì nhân loại sẽ chết hết. Nhưng có thể dẫn dụ cho các chính quyền bên đây và bên kia hiểu rằng cân phải hòa giải với nhau.

5

LUÂN LÍ "TA BU"

Thưa Huân tước Russell, theo cụ thì thế nào là luân lí "ta-bu" ⁽¹⁾ ?

BERTRAND RUSSELL : Luân lí ta-bu là thứ luân lí đưa ra một loạt phép tắc nào đó, nhất là các điều ngăn cấm, mà không cho biết

(1) Taboo (tiếng Pháp : tabou) là một ý niệm ở nước ta không có, ta thường dịch là *cấm kị*. Vốn là một tiếng ở các quần đảo Polynésie (Thái Bình Dương), có nghĩa là thiêng, không ai được rờ tới, như các vua chúa, thầy ma, đàn bà có kinh, vân vân...

tại sao lại như vậy. Có khi người ta tìm được những lí do ngăn cấm, cũng có khi tìm hoài mà không ra : nhưng trong trường hợp nào thì phép tắc cũng tuyệt đối, và có những điều ta không được phép làm.

Những điều nào vậy ?

B.R. : Cái đó còn tùy trình độ văn minh. Luân lí ta-bu là biểu hiện của tinh thần coi người cổ lỗ, chất phác. Theo tôi thì nó là thu luân lí duy nhất của những bộ lạc chưa khai hóa, cấm thường dân không được dùng đĩa chén của tù trưởng : dùng thì sẽ chết. Thôi thì có đủ các thứ phép tắc. Tôi nhớ rằng vua Dahomey không được nhìn về một hướng nào lâu quá, sợ sẽ gây những cơn dông tố tại phía đó trong vương quốc của ông. Thế là có một phép tắc buộc ông ta phải luôn luôn đảo mắt khắp chung quanh ông.

Đó là những ta-bu của các xã hội chưa khai hóa. Nhưng còn trong xã hội chúng ta ?

B.R. : Luân lí của chúng ta cũng đầy đủ những ta-bu, chứ không kém gì. Có đủ loại ta-bu, cả trong những cái uy nghiêm nhất. Có một

tội, rất rõ ràng, ai cũng nhận, mà phép tắc dưới đây khuyên ta để phòng : "không được thêm con bò của người hàng xóm". - Tội đó, không khi nào tôi mắc phải cả.

Vâng, nhưng có những phép tắc thực tế hơn phép tắc đó nữa, tức những phép tắc trong đời sống hằng ngày. Cụ có thấy ít nhiều trường hợp ta-bu trong những phép tắc này không ?

B.R. : Có chứ. Dĩ nhiên, về một số điểm nào đó, luân lí ta-bu hoàn toàn phù hợp với luân lí chủ lí ⁽¹⁾, chẳng hạn : không được ăn cắp, không được giết người. Những huấn giới đó làm thỏa mãn hoàn toàn lí trí của ta ; nhưng mới đầu nó là những ta-bu, là hậu quả của những ta-bu chẳng có lí do gì cả. Chẳng hạn sự cấm giết người đưa tới sự cấm gây cái chết êm ái ⁽²⁾ Tôi cho rằng đừng cấm là phải.

(1) Nghĩa là dựng trên lí trí.

(2) *Enthanasia* : một người bị một bệnh rất đau đớn mà không sao trị được, người đó muốn chết phức đi một cách êm ái (chẳng hạn dùng thuốc ngủ), nhưng y học không cho, lấy lẽ rằng sự chẩn bệnh không khi nào hoàn toàn chắc chắn, mà một bệnh hôm nay không có cách trị biết đâu mai một sẽ chẳng có cách trị.

Khi một người Ấn tuyên bố không nên ăn thịt bò, là người đó theo luân lí ta-bu ?

B.R. : Phải, tục cấm ăn thịt bò là một tục đặc biệt của người Ấn. Người Hồi và người Do Thái cấm ăn thịt heo. Chẳng có lí do gì cả ; chỉ là ta-bu thôi.

Cụ có nghĩ rằng những ta-bu đó có ích lợi gì không ?

B.R. : Có cái ích lợi, có cái không. Nếu những qui tắc về đạo đức của ông dựng trên lí trí, thì ông có thể xét các ta-bu mà biết cái nào ích lợi, cái nào không. Riêng tôi thì tôi thấy sự cấm ăn thịt bò là một điều lảm lẩn lớn.

Cụ đã không tin tôn giáo - hiển nhiên là vậy - mà cụ cũng khinh những phép tắc vô lí của thứ luân lí ta-bu, vậy thì cụ có tin một đạo đức hệ nào không ?

B.R. : Có, nhưng rất khó tách biệt hẳn đâu là đạo đức, đâu là chính trị. Theo tôi, thì đạo đức là như vậy : một người muốn làm một việc nào đó có lợi cho mình mà có hại cho các người láng giềng. Nếu việc đó có hại cho nhiều

người láng giềng thì những người này họp nhau lại, bảo : "Chúng mình không ưa hành động của con người đó, phải thu xếp với nhau tìm cách ngăn không cho hắn hưởng lợi mới được". Do đó, mà phải đặt ra hình luật, mà như vậy là hợp lí. Phương pháp là làm sao dung hòa công lợi và tư lợi.

Để cho mỗi người tự do theo đạo đức hệ riêng của họ, chứ không theo một đạo đức hệ chung, như vậy có hại gì không ?

B.R. : Nếu có trường hợp như vậy thì quả là có hại. Sự thực các đạo đức hệ đâu có riêng biệt tới mức đó. Chúng được biểu lộ trong hình luật, và trong sự tán thành hay chê bai của dư luận. Thiên hạ không ai muốn người ta chê bai mình giữa đám đông ; do đó mà luật luân lí rất có hiệu nghiệm.

Có cái gì gọi là tội lỗi không ?

B.R. : Không. Khó mà định nghĩa được thế nào là tội lỗi. Nếu ông cho tội lỗi là những hành động không đáng ưa thì dĩ nhiên, là có những hành động không đáng ưa, tức những hành động có hại nhiều hơn là có lợi. Phải, có

những hành động như vậy. Nhưng cái ý niệm tội lỗi thì nó chẳng có ích lợi gì mấy. Dùng tiếng "tội lỗi" thì có vẻ như ta thích trừng phạt. Như giết người chẳng hạn ; người ta không phải chỉ nghĩ cách ngăn ngừa sự sát nhân, người ta còn nghĩ tới điều này hơn : kẻ sát nhân thì đáng chịu hình phạt, chịu đau khổ.

Phải cụ muốn nói rằng ý niệm tội lỗi nhiều khi chỉ là một cách bào chữa sự tàn bạo?

B.R. : Phải, rất thường như vậy. Tôi nghĩ rằng chỉ những người độc ác mới tạo ra được ý niệm địa ngục. Nếu có cái tình người thì không ai lại thích tưởng tượng có những kẻ phải chịu đau khổ hoài hoài, không khi nào dứt, không mong gì được tha tội, chỉ vì khi ở trên trần đã hành động trái luân lí của bộ lạc. Quan niệm như vậy không phải là quan niệm của những người lương thiện, chính trực.

Theo cụ, quan niệm tội lỗi là sự phát lộ của những tình cảm xâm lược, gây hấn ?

B.R. : Phải, tôi nghĩ vậy. Nó là bản thể của một thứ luân lí mà tôi có thể gọi là luân

lí khác khổ. Nó làm cho người ta bắt người khác phải đau khổ, mà lòng mình cứ thản nhiên, chẳng chút ân hận. Cái đó xấu.

Nếu không chấp nhận rằng có tội lỗi thì có cách nào để chê bai, phán đối một hành động, thái độ nào đó ?

B.R. : Gần như chúng ta chỉ có cách này : vừa chê bai, vừa dùng hình luật. Phải có một thứ dư luận nào đó về phía mình. Điều đó rất quan trọng : đọc các truyện thời đại Phục Hưng ở Ý, đặc biệt là những việc đã đưa tới thuyết của Machiavel ⁽¹⁾, ông sẽ nhận thấy điều đó. Dư luận thời đó thừa nhận những điều thường không được thừa nhận ở thời khác.

Dù sao cụ cũng nhận rằng có những thời người ta làm điều ác chứ ?

B.R. : "Điều ác" là một danh từ tôi không muốn dùng. Tôi nói rằng có những điều hại nhiều hơn lợi ; và nếu người ta biết rằng

(1) Một lí thuyết gia Ý về chính trị (1469-1527), chủ trương những thuật giao quyết, đôi khi tàn nhẫn mở đường cho Hitler sau này.

những điều đó có thể hại hơn là lợi thì đừng nên làm nó. Nhưng nếu ông muốn dùng những tiếng "lâm điều ác", thì xin ông cứ dùng. Tôi không thấy nó có ích lợi gì cả.

Luân lí ta-bu cấm đoán nhiều nhất về tính giao. Một phần lớn tác phẩm của cụ viết về vấn đề đó. Cụ có điều gì để khuyên các người muốn có một thái độ hợp lí trong khu vực đó không ?

B.R. : Trước hết tôi có nhận xét này : Những trang tôi viết về tính dục chỉ vào khoảng một phần trăm toàn thể tác phẩm của tôi. Nhưng đa số độc giả bị những chuyện tính dục ám ảnh quá nhiều, tới nỗi họ không để ý tới chín mươi chín phần trăm kia nữa. Bây giờ tôi xin nói ngay rằng tỉ số một phần trăm đó rất hợp lí : con người chỉ nên quan tâm tới đầu đề đó tới cái mức đó thôi. Nhưng phải xét luân lí tính dục như một luân lí khác. Một hành động nào không làm hại cho ai thì không nên bài xích nó. Và không nên bài xích nó chỉ vì một ta-bu cổ lỗ nào đó đã cho nó là xấu. Phải xem xét hành động đó có lợi hay có hại.

Đó là căn bản của luân lý tình dục, mà cũng là căn bản của mọi thứ luân lý.

Theo cụ thì nên kết tội sự hiếp dâm, còn sự gian dâm thường thì không nên kết tội nếu không gây hại gì cả ?

B.R. : Phải. Sự hiếp dâm là một hình thức xâm hại thân thể người khác. Còn sự gian dâm, thì phải tùy trường hợp, xét xem trong một trường hợp nhất định nào đó, có lý do gì để ngăn cấm không. Chứ vợ đưa cả năm mà kết tội, một cách bất biến, tối hậu, thì không nên.

Cụ có cho rằng về xuất bản, san hành, nên có những qui định nào đó không ?

B.R. : À, về phương diện đó thì tôi cảm thấy rằng thái độ của tôi có phần hơi cực đoan. Tôi ngại rằng chỉ có rất ít người đồng ý với tôi thôi. Không, tôi nghĩ không nên qui định để cấm xuất bản, san hành những sách báo không đảng hoàng. Trước hết vì nếu qui định thì sẽ có những pháp quan hẹp hòi dựa vào đó mà cấm đoán, tịch thu những tác phẩm thực có giá trị, chỉ vì lẽ các ngài ấy thấy chướng. Lại thêm, thường tình càng cấm đoán

người ta càng thêm tò mò muốn biết, cái gì cũng vậy, dâm thư cũng vậy. Tôi đã qua Mĩ nhiều lần vào thời bên đó cấm rượu : thời đó người Mĩ uống rượu nhiều hơn trước, hơn nhiều. Tôi nghĩ về dâm thư cũng vậy. Đây là thí dụ về hậu quả của sự cấm đoán. Triết gia Empédocle ⁽¹⁾ thời xưa cho rằng nhai lá nguyệt quế là việc cực kì xấu hổ ; ông ta than thở rằng vì đã nhai những lá đó mà sau này chết đi, sẽ phải sống đây ải cả vạn năm dưới âm ti. Tôi không bao giờ bị ai cấm nhai lá nguyệt quế cả, cho nên tôi không nhai. Nhưng Empédocle biết rằng cái đó bị cấm, nên ông nhai.

Cụ cho rằng nếu bất kì ai cũng được phép viết bất kì những chuyện tục tĩu nào thì thiên hạ sẽ không chú ý tới hơn sao ?

B.R. : Thiên hạ sẽ bớt chú ý tới chứ. Ông cứ tưởng tượng người ta cho phép bán các bưu thiếp tục tĩu. Trong một hai năm, thứ đó bán

(1) Triết gia Hi Lạp ở thế kỉ thứ V trước Tây lịch.

rất chạy đậy, nhưng rồi người ta sẽ chán và chẳng ai buồn nghĩ tới nữa.

Về các sách báo... ông cũng nghĩ như vậy sao ?

B.R. : Phải, nhưng tới mức độ nào vừa phải thôi. Thiên hạ sẽ chú ý tới một tác phẩm hay, đẹp, vì nó hay, đẹp chứ không phải vì nội dung tục tui của nó.

Thôi chúng mình trở lại điểm ở đầu câu chuyện : luân lí ta-bu và những phép tắc vô lí của nó. Cụ có nghĩ rằng luân lí đó có những hậu quả tai hại lúc này không ?

B.R. : Có, nhiều thứ hậu quả tai hại. Thường thường là những phép tắc cổ, do một xã hội khác hẳn xã hội hiện tại lưu truyền lại cho chúng ta. Đạo đức hệ của xã hội đó thích hợp với những nhu cầu hiện đại. Chẳng hạn sự thụ thai nhân tạo : các luân lí gia thời xưa không nghĩ tới chuyện như vậy. Đó là một điều đáng tiếc thứ nhất. - Còn một điều đáng tiếc nữa là luân lí ta bu làm cho tập tục giết người để tế thần. Người Hi Lạp hồi đầu lịch sử

của họ, lần lần chống lại tục đó, họ muốn hủy bỏ nó đi. Nhưng có một ngôi đền chống lại sự cải cách đó, tức đền Thần ý ở Delphes ⁽¹⁾. Đền đó sống nhờ lòng dị đoan của dân chúng, nên muốn duy trì lòng tin đó. Cho nên đền Delphes vẫn giữ tục giết người để tế thần khi mà các nơi khác ở Hi Lạp đã bỏ tục đó từ lâu rồi. Một thí dụ nữa, thí dụ này quan trọng. Tổ tiên chúng ta cho không có hành vi nào cực kì xấu hổ bằng việc mổ xẻ thầy ma. Vésale, y si siêu quần thời vua Charles Quint, một hôm hiểu rằng nếu không được mổ xẻ thầy ma thì y học sẽ không tiến được và ông mổ xẻ thầy ma. Charles Quint hay đau ốm, mà chỉ có Vésale trị bệnh cho ông được thôi, cho nên che chở Vésale. Nhưng rồi nhà vua phải thoái vị, Vésale không còn ai che chở nữa, mà lại bị một vụ lôi thôi : có kẻ tố cáo ông là đã mổ xẻ một người chưa chết hẳn. Ông bị trưng trị : phải hành hương qua Thánh Địa để chuộc tội; trên đường qua Thánh Địa, tàu ông đắm thế

(1) Đền thờ thần Apollon và các bà đồng truyền những lời "phán" của thần.

là ông chết trong cảnh sầu khổ đó. Đời ông ta kết liễu như vậy chỉ vì cái ta bu mố xẻ đó. - Phải, luân lí ta bu vẫn còn độc hại. Hiện nay có một ta bu rất mạnh chống sự hạn chế sinh sản trong vài giới nào đó. Người ta mưu mô duy trì ta bu đó, gây tai ương thảm hại vô cùng. Người ta mưu mô, muốn làm cho sự nghèo khổ và chiến tranh mỗi ngày mỗi phát triển, để không sao giải quyết được nhiều vấn đề xã hội. Đó, tôi cho ta bu đó quan trọng nhất nhưng còn nhiều cái khác nữa. Chẳng hạn sự cấm li dị là điều có hại. Nó chỉ dựa trên một truyền thống cũ, mà không chịu nhận xét những hoàn cảnh có thực.

6

QUYỀN HÀNH

Thưa Huân tước Russell, cái gì làm cho người ta thích quyền hành ?

BERTRAND RUSSELL : Tôi cho rằng có những xung động từ hồi xưa khiến cho một số người ham quyền hành - những xung động đó do những nạn đói kém bỗng nhiên hóa nguy kịch gây ra, mà số người đó muốn cho chắc chắn hệ gặp cơn đói kém nữa thì bao nhiêu khổ sở, người khác phải chịu hết. Muốn vậy họ phải có quyền hành.

Từ thời đó tới giờ, đã phát sinh nhiều thứ quyền hành ?

B.R. : Có nhiều cách phân loại các quyền hành. Thứ quyền hành này hiển nhiên nhất, là quyền chế ngự trực tiếp thân thể người khác. Lại có thứ quyền hành thưởng công hay trừng phạt, tức quyền người ta gọi là quyền hành kinh tế. Sau cùng có quyền hành tuyên truyền, thuyết phục. Theo tôi, đó là ba thứ quyền hành lớn.

Cụ có cho rằng lí do ham quyền hành có thể tốt mà cũng có thể xấu không ?

B.R. : Chắc chắn vậy rồi. Hầu hết những người đã làm được việc gì quan trọng, cũng do lòng ham quyền hành dưới hình thức này hay hình thức khác, thúc đẩy họ hành động. Các vị thánh đã vậy mà các kẻ tội lỗi cũng vậy. Tôi cho rằng người nào cương quyết cũng vậy hết.

Chắc là nhiều khi một người muốn làm điều thiện, cũng ham hư vinh mà muốn có quyền hành ?

B.R. : Điều đó chắc chắn là đúng. Nhưng

khó mà biết được có thể làm cái gì để chống lại cái đó. Trên thế giới hiện đại người ta phải quyết định mau. Phải giao phó quyền quyết định vào tay vài người, thành thử khó mà tự chống lại quyền hành của họ. Vấn đề đó rất quan trọng, đáng cho ta suy nghĩ.

Cụ có giải pháp nào không ?

B.R. : Cái đó còn tùy khu vực mà ông nghĩ tới. Chẳng hạn khu vực công an : trong nhiều quốc gia hiện đại, người ta đã có chứng cứ rằng quyền hành của cơ quan đó thực nguy hiểm. Bất cứ nơi nào mà người Mác xít lần đầu tiên lăm le chiếm lấy thì việc thứ nhất họ quan tâm tới là nắm các cơ sở công an. Như vậy họ biết có những kẻ nào cần phải nhất khám. Và họ biết cách khai thác để đưa ra chứng cứ. Ông thấy công an có thể rất nguy hiểm và nó đã tỏ ra rất nguy hiểm rồi. Theo tôi nghĩ, nước nào cũng cần có hai cơ quan công an : một cơ quan chứng tỏ tội lỗi, một cơ quan chứng tỏ sự vô tội của người ta.

Giải pháp đó có thể làm cho mọi việc thêm rắc rối - với lại nó tốn kém cho chính quyền quá.

B.R. : Phải, có thể như vậy. Nhưng thí dụ rằng người ta tố cáo oan ông là đã giết người. Người công dân đóng thuế cho chính phủ để chứng tỏ rằng ông có tội. Mà ông lại phải bỏ tiền của ông ra để tự bào chữa cho ông, như vậy không công bình. Dù chín mươi chín người có tội thoát lưới pháp luật mà cứu được một người vô tội thì cũng còn hơn. Nhưng hiện nay người ta tố chức ngược lại vậy : người ta thích trừng trị chín mươi chín kẻ vô tội còn hơn là cứu ⁽¹⁾ một kẻ có tội vì người ta cho rằng dân phải đóng thuế để chính phủ tìm ra những chứng cứ của sự phạm tội, còn mỗi người phải bỏ tiền của mình ra để chứng tỏ sự vô tội của mình.

Vâng, nhưng cái việc xử oan dù sao cũng vẫn là hiếm. Bất chính phủ tiêu biết bao nhiêu tiền để chứng tỏ rằng bất kì một sự buộc tội nào đó bất công, như vậy có thực sự là có lợi không ?

B.R. : Chính vì chúng ta không biết các vụ bất công xảy ra thường hay không, nên vẫn

(1) Tức là "để thoát".

để mới phải đem ra bàn cãi. Sở công an không sẵn sàng cho ta biết điểm đó đâu. Theo chỗ chúng ta có thể biết thì sự bất công dễ xảy ra thường lắm. Còn phí tổn thì cũng không nhiều hơn phí tổn để chứng tỏ rằng người ta có tội.

Bây giờ chúng ta trở về vấn đề hành động của chính quyền. Theo cụ thì không nên cho chính quyền được nhiều tự do hành động như vậy, quyết định mau chóng như vậy, mà phải bắt chính quyền hỏi ý kiến các cử tri ? Cụ không nghĩ rằng như vậy hành động của chính quyền sẽ mất nhiều hiệu nghiệm đi chăng ?

B.R. : Có thể như vậy lắm. Và trên thế giới này có những nơi không sao có thể trưng cầu dân ý cách này hay cách khác trước khi quyết định được. Chiến tranh và hòa bình là những vấn đề quan trọng bậc nhất, phải quyết định cho mau. Phải thay đổi gần hết các thể chế trên khắp hoàn cầu để người ta bình tĩnh thảo luận về chiến tranh và hòa bình. Được vậy thì nhất rồi, dĩ nhiên.

Rốt cuộc, là xét chung, cụ nghiêng về giải pháp kém hiệu nghiệm ?

B.R. : Khi gặp phải những hành động xấu, hiệu nghiệm càng kém thì càng tốt. Ít nhất là cho tới ngày nay, bản tính con người là rất mong có nhiều hiệu nghiệm về mọi thứ hành động xấu xa. Người ta có thể nói rằng nhân loại mà tồn tại được là nhờ sự bất hiệu nghiệm. Nhưng ngày nay sự bất hiệu nghiệm đó giảm đi, hậu quả là nhân loại có cơ bị tiêu diệt mất.

Tại sao mà sự sơ hốt và sự bất hiệu nghiệm lại giúp cho loài người tồn tại được ?

B.R. : Vì những cái đó làm giảm cái khả năng tàn sát lẫn nhau. Một kẻ sát nhân mà xảo quyết, có hiệu năng thì giết được nhiều người lắm. Một kẻ sát nhân ngu ngốc thì bị bắt liền và thôi không giết người nữa. Khốn thay, bọn sát nhân càng ngày càng quỉ quyết.

Chúng ta xét qua về một hình thức quyền hành khác : quyền hành kinh tế. Theo ý cụ, Marx có lí không khi nhấn mạnh vào sự quan trọng của kinh tế tới mức đó ?

B.R. : Marx đã quá coi trọng tới thế lực kinh tế, so với hai thế lực kia. Với lại ông ấy

chỉ nhận xét tình hình ở Anh năm 1840 rồi ông tưởng rằng chính tài sản chứ không phải sự chi huy thực sự làm cho người ta có thể lực. Vì có hai quan niệm đó mà ông ta đưa ra một phương thuốc vạn ứng để trị tất cả các bệnh của thế giới. Phương thuốc đó không như người ta đã thấy.

Vậy, theo cụ, thế lực kinh tế quan trọng ra sao ?

B.R. : Nó rất quan trọng đấy, nhưng chỉ là một hình thức quyền năng thôi. Tôi không cho nó quan trọng hơn thế lực võ bị hay thế lực tuyên truyền. Tôi kể một thí dụ : Ông nhớ truyện nữ vương Boadiciée ⁽¹⁾ chống lại người La Mã vì Sénèque ⁽²⁾ đã cho bà vay một số tiền rất lớn, lãi nặng quá bà không sao trả nổi. Việc đó xảy ra vì Sénèque nắm quyền kinh tế lúc đó. Sau khi Boadiciée bại tẩu, Hoàng đế

(1) Nữ vương dân tộc Icénien, xứ Grande Bretagne thời xưa.

(2) Triết gia Kiêm chấp chính quan dưới thời Hoàng đế La Mã Néron, thế ki đầu ki nguyên tây lịch.

La Mã xử tử Sénèque : quyền hành không thuộc về kinh tế nữa mà thuộc về võ bị.

Cụ có nghĩ rằng cần phải thặng bớt quyền kinh tế lại không ?

B.R. : Mọi thứ quyền đều cần phải thặng bớt lại. Chắc chắn là không nên khuyến khích cái quyền để thiên hạ chết đói. Và tôi không cho rằng nên để cho một số quốc gia Trung Đông nắm hết cái quyền trữ dầu lửa.

Thế còn quyền tuyên truyền, cụ thấy nó quan trọng ra sao ?

B.R. : Quan trọng rất lớn. Sự kiện đó ai cũng thấy từ lâu. Nhưng người ta nói : Máu của người tử vì đạo là tình địch của Giáo Hội. Nghĩa là thứ máu đó có khả năng tuyên truyền lớn lao. Người ta cũng nói : Chân lí mà lớn thì sẽ ưu thắng. Nghĩa là ý kiến nào hiện được nhiều người chấp nhận thì sẽ thắng. Tuyên truyền có một sự quan trọng phi thường, và nó có thể mang mọi hình thức. Ki Tô giáo đã vững mạnh được không nhờ quyền kinh tế và quyền võ bị ; sự kiện đó ai cũng biết.

Sự tuyên truyền có luôn luôn xấu xa không ?

B.R. : Không ! Nó xấu xa khi người ta trộn lẫn ý kiến tốt và ý kiến xấu. Nhưng tự nó không xấu xa. Nếu không vậy thì phải nói rằng sự giáo dục nào cũng xấu xa, vì giáo dục là một thứ tuyên truyền.

Vậy cụ nghĩ rằng người ta phải hãm bớt cái quyền tuyên truyền lại ? Rằng sự thông tin cho quần chúng mà có tính cách áp phục thì quần chúng không thể tự suy nghĩ sáng suốt được ?

B.R. : Đúng, phải thắt gắt sự tuyên truyền lại. Theo tôi thấy thì người Nga trung lưu có một ý niệm hoàn toàn sai lầm về đời sống ở phương Tây ⁽¹⁾ : là vì tại các xứ cộng sản, cơ quan tuyên truyền nắm luôn cả việc giáo dục. Tại các xứ không cộng sản, sự xâm lấn đó không vững bằng, nhưng cũng dùng tất cả áp lực, không phải để cho người ta suy nghĩ

(1) Phương Tây ở đây trừ các nước tư bản ở Tây Âu và ở Mĩ.

theo chân lí, mà để người ta suy nghĩ theo đường hướng của chính quyền.

Nhưng còn ở phương Tây ? Có cần thẳng (hăm) sự tuyên truyền lại không ?

B.R. : Rất cần. Tình hình không nghiêm trọng bằng nhưng cần phải thẳng vì sự giáo dục ở các trường và các đại học không để cho thanh niên tự do đối chất ý kiến. Những sự ngăn cản đó làm cho một thứ ý kiến nào đó được ưu đãi mà hại cho các ý kiến khác.

Vậy vấn đề sử dụng và lạm dụng quyền hành là điều quan trọng trong đời sống một người ?

B.R. : Quan trọng không tương tượng được. Tôi cho rằng một chính quyền tốt và một chính quyền xấu khác nhau ở chỗ đó. Trong một chính quyền tốt, quyền hành bị hạn chế, kiểm soát, có sức đối lập. Trong một chính quyền xấu, người ta lạm dụng quyền hành một cách tuyệt đối, không phân biệt gì cả.

Hiển nhiên là ở phương Tây, tình trạng khá hơn các nước theo chính thể độc đảng, khá

hơn nhiều. Vì quyền hành có giới hạn, không thể vượt được. Nhưng ở nước chúng ta, ngoài các cuộc tổng tuyển cử lâu lâu mới có một lần, phải có thêm những cái thặng khác. Trên thế giới hiện đại, các cuộc bầu cử thật là chưa đủ (để thực thi dân chủ), cái gì cũng liên quan mật thiết với nhau và tôi nghĩ các cuộc trưng cầu dân ý có thể giúp ích thêm được. Nhưng trưng cầu dân ý thì chậm chạp lắm.

B.R. : Chắc chắn vậy, nó nặng nề, chậm chạp. Nhưng vẫn còn hơn một chế độ cho phép một chính quyền xô toàn dân vào một tai biến toàn diện mà chẳng hỏi trước ý kiến ai cả.

THẾ NÀO LÀ HẠNH PHÚC ?

Thưa Huân tước Russell, cụ có vé là một người sung sướng. Cụ vẫn sung sướng từ hồi nào tới giờ chứ ?

BERTRAND RUSSELL : Tôi có những hồi sung sướng, những hồi khổ sở. May mắn cho tôi là càng về già các hồi sung sướng của tôi càng kéo dài thêm.

Cụ có thể cho chúng tôi biết về hồi khổ sở nhất của cụ không ?

B.R. : Thời đó là thời thiếu niên ... Tôi nghĩ rằng nhiều người thiếu niên khổ sở lắm. Không có bạn thân, không có ai để tâm sự. Hồi đó tôi muốn tự tử, và cho rằng chống được ý đó là việc khó khăn lắm - nhưng sự thực không phải vậy. Dĩ nhiên, hồi đó tôi tự cho tôi là khổ lắm, nhưng sự thực tôi chỉ khổ một phần thôi. Tôi nhận ra được như vậy nhờ một giấc mộng. Lần đó tôi nằm mộng thấy tôi đau răng, gần chết. Lạ lùng thay, trong mộng tôi thấy giáo sư Jowett ⁽¹⁾, thầy học của Baillol, và là người đã dịch Platon, đứng ở đầu giường tôi ; ông học hành uyên bác và chơi thân với gia đình tôi. Tôi rầu rĩ bảo ông : "Ít nhất, tôi cũng được một sự an ủi là sắp được từ bỏ tất cả cái nợ này". Ông the the đáp tôi : "Cậu muốn nói từ bỏ cuộc đời hả ?" Tôi bảo : "Vâng cuộc đời". Ông nói : "Khi cậu sống thêm ít tuổi nữa, cậu sẽ không nói những câu vô lí như vậy nữa". Tôi tỉnh dậy, và quả nhiên từ đó tôi không nói bậy bạ như vậy nữa.

Hạnh phúc mà cụ đã được hưởng, là do ngẫu nhiên tới hay do cụ đã quyết tâm chinh phục nó?

(1) Triết gia Anh (1817-1893), nhà chuyên về cổ ngữ Hi Lạp.

B.R. : Xét về công việc của tôi, tôi được hạnh phúc là do cố ý kiếm nó. Còn về những cái khác, thì tôi cứ theo những xung động của tôi, mặc cho sự ngẫu nhiên. Dù sao thì cái chương trình tôi đã vạch ra để theo trong công việc của tôi cho được sung sướng, chương trình đó tôi đã theo đúng.

Nhưng cụ có nghĩ rằng cứ để cho các xung động và sự ngẫu nhiên làm chủ hạnh phúc của mình thì kết quả có tốt được không ?

B.R. : Đó là vấn đề may rủi ! với lại còn tùy sự thành công trong công việc mình làm nữa. Nhiều năm sau thời niên thiếu mà tôi mới nói với ông đó, tôi đã trải qua một hồi khốn khổ vì tôi hoàn toàn bị chặn đứng lại, không giải quyết nổi một vấn đề có thể tiến tới trong công việc. Suốt hai năm, tôi lúng túng vì vấn đề đó mà không tiến được một bước. Tôi đau khổ lắm.

Theo cụ, những cái gì tạo nên hạnh phúc?

B.R. : Có bốn cái mà tôi cho là quan trọng. Cái thứ nhất có lẽ là sức khỏe. Cái thứ nhì là có đủ phương tiện để khỏi thiếu thốn. Cái thứ ba là sự giao hảo với các người khác. Cái thứ tư là sự thành công trong công việc.

Vậy cụ cho sức khỏe là rất quan trọng ư ?

B.R. : Có những tình trạng sức khỏe quá thực làm cho ta không thể nào sung sướng được. Có những bệnh tinh thần làm cho ta thật đáng thương hại. Có những đau khổ ta có thể kiên nhẫn chịu đựng được, lại có những đau khổ không làm ta chịu nổi.

Theo cụ thì nhờ mạnh khỏe mà người ta sung sướng, hay nhờ sung sướng mà người ta khỏe mạnh ?

B.R. : Nhờ mạnh khỏe mà sung sướng, điều đó có phần đúng hơn. Nhưng cũng có tác động ngược lại. Một người sung sướng thì ít đau ốm.

Sau một đêm ngủ ngon, cụ thấy sung sướng hơn sau một đêm trằn trọc chứ ?

B.R. : Nhất định vậy.

Bây giờ tới điều kiện thứ nhì : lợi tức.

B.R. : Cái đó quan trọng đấy, nhưng còn tùy mức sống ta đã quen. Khi ta đã quen sống trong một cảnh nghèo nào đó thì ta bớt khó tính đi. Ai đã quen sống trong cảnh giàu có thì sẽ thấy khốn khổ khi không có được một lợi tức quan trọng.

Do đó mà bị sự kiếm tiền ám ảnh mình, phải vậy không ?

B.R. : Phải. Nhưng kẻ giàu nhất lúc nào cũng sợ sẽ chết trong một viện dưỡng lão. Hàng người đó thấy thường lắm.

Vậy có nhiều tiền nhất định là sung sướng ?

B.R. : Không ! Tiền chỉ là một thứ nhu cầu tối thiểu thôi. Phải nghĩ tới chuyện khác nữa chứ, nếu không thì chán lắm.

Điểm thứ ba cụ đã kể là sự giao thiệp với người khác. Có phải điểm đó đứng hàng ba về sự quan trọng không ?

B.R. : Dĩ nhiên là không. Theo kinh nghiệm của tôi, thì nó quan trọng bậc nhất, hay bậc nhì đấy, sau sức khỏe.

Cụ nói "sự giao hảo với người khác" là nghĩa làm sao ?

B.R. : Theo tôi thì mình bạch lắm mà. Đó là tình thân ái, tình thương vợ thương con, sau cùng tình thân thiết với người khác. Nếu những sự giao thiệp đó mà khốn khổ thì đời sống thật khó khăn.

Bây giờ tới sự làm việc. Cụ cho sự thành

công trong công việc là điều kiện quan trọng lắm sao ?

B.R. : Thực vậy, rất quan trọng đối với một người cương nghị. Có những kẻ thờ ơ biếng nhác, không chú trọng mấy tới công việc. Nhưng ai có chút nghị lực thì cũng tìm cách tiêu dùng nó, mà cách tốt nhất là dùng nó vào công việc. Dĩ nhiên, nếu công việc mình làm không đem lại kết quả mình mong mỏi thì khổ sở. Khi mình thành công thì ngày nào cũng thấy đầy đủ, mà công việc làm tăng hạnh phúc của mình lên nhiều.

Có tùy loại công việc không ?

B.R. : Không, trừ một số công việc thất thường, bất ổn, không chắc. Chẳng hạn, tôi có thể là nhân viên trong cơ quan *Politburo*⁽¹⁾, và công việc của tôi sẽ đáng ngại một chút đấy, nhưng dù sao...

Công việc đó có thể kích thích lắm. Có những người thích nó.

(1) Cơ quan chính trị, tập trung tất cả quyền hành của đảng Cộng sản Nga (cũ), gồm chín nhân viên, không chịu trách nhiệm với ai cả và kiểm soát chặt chẽ tất cả các cơ quan khác (hồi trước chiến tranh lạnh).

B.R. : Nếu họ thích được thi tốt nhất rồi.

Còn sự cao cả hay dễ tiện của công việc, cái đó quan trọng không ?

B.R. : Tùy tính khí mỗi người.. Có người chỉ sung sướng khi làm những công việc lớn. Có kẻ làm một công việc tầm thường cũng lấy làm thỏa mãn rồi. Nhưng công việc phải hợp với khả năng của ta, để có kết quả.

Cụ nói vậy, người ta có thể hiểu rằng có thể tìm được hạnh phúc trong sự biếng nhác, có thể lấy làm thỏa mãn mà làm việc rất ít ?

B.R. : Tôi biết vậy, nhưng ít nhất là theo kinh nghiệm của tôi, thì cách đó không phải là một cách để sung sướng. Làm một công việc khó khăn mà thành công, kết quả rất tốt, thì tôi thấy rất sung sướng ; và tôi không nghĩ rằng một kẻ làm biếng có được hạnh phúc đó.

Nếu có ai báo cụ rằng ít thông minh hơn thì sẽ vui (sung sướng) hơn, cụ sẽ phản ứng ra sao?

B.R. : Phản ứng của tôi là từ chối. Nếu tôi được thông minh hơn một chút thì tôi sẵn sàng chịu mất một phần vui đi. Không, ông thấy đấy, tôi thích sự thông minh hơn.

Cụ có nghĩ rằng triết lí giúp cho người ta sung sướng không ?

B.R. : Có, nếu ông thích triết lí và có khiếu về triết lí. Nếu trái lại thì sẽ không sung sướng hơn. Nhưng nghề thợ hồ thì cũng vậy ... nếu ông là một người thợ hồ giỏi. Bất kì hoạt động nào cũng làm cho ta sung sướng nếu ta thích hợp với nó.

Thế có những yếu tố nào ngăn cản hạnh phúc ?

B.R. : Có nhiều lắm ! không kể những yếu tố trái ngược với bốn điều kiện mà chúng ta đã bàn. Muốn sung sướng thì có điều này nên tránh : là lo lắng. Về phương diện đó, càng già tôi càng tiến bộ, và bây giờ tôi sung sướng hơn trước nhiều. Để khỏi lo lắng, tôi tự tìm ra được một cách rất thực tế. Tôi tự hỏi tôi : "Nào, thử coi xem nếu tệ nhất thì việc có thể sẽ xảy ra thế nào ?" Rồi tôi nghĩ : "Rốt cuộc, có cái gì là nghiêm trọng lắm đâu - một trăm năm sau ; thực ra nó chẳng nghiêm trọng quái gì cả". Ông tự buộc ông suy nghĩ như vậy thì rồi ông sẽ bớt lo lắng đi nhiều. Sở dĩ chúng ta lo lắng là vì chúng ta không thích nhìn thẳng vào những cái bất như ý có thể xảy ra.

Cụ có thể tùy ý diệt sự lo lắng được ư ?

B.R. : Không hoàn toàn diệt được hết, nhưng dù sao cũng diệt được.

Còn thói ganh tị ?

B.R. : À, sự ganh tị, phải ! Có nhiều người bị cái thói đó làm cho khổ sở ghê gớm. Tôi nghĩ tới họa sĩ Haydon, tài năng chẳng có bao nhiêu mà muốn thành hạng đại tài. Trong tập nhật kí của ông ta, người ta thấy câu này : "khổ sở suốt cả buổi sáng nay vì tôi tự so sánh tôi với Raphael". Có đủ hạng người được hưởng nhiều rồi chứ, mà vẫn rầu rĩ vì có những người khác được hưởng nhiều hơn mình một chút. Họ nghĩ rằng một người khác có một chiếc xe hơi tốt hơn một khu vườn đẹp hơn ; hoặc giá được sống ở một miền khí hậu tốt hơn thì sướng hơn ; hoặc công việc của ông X nọ được người ta khen hơn - vân vân. Đáng lẽ hưởng cái vui họ nắm được, thì họ sầu khổ vì nghĩ rằng người khác được nhiều hơn mình, mà đáng lí họ phải đứng đưng, để ý làm quái gì tới cái đó.

Nhưng lòng ganh tị cũng có khía cạnh tốt của nó chứ ? Thấy công việc của ông hàng xóm tốt hơn công việc của mình, mình có ganh tị thì rồi mới muốn làm tốt hơn chứ ?

B.R. : Đúng vậy, nhưng lòng ganh tị cũng có thể khiến ta làm xấu hơn, nhất là khiến ta xen vào công việc của người. Có hai cách vượt

được người khác : một cách là cứ tiến tới ; một cách là tìm cho người đó ở lại phía sau mình.

Sự chán nản, cái đó có quan trọng không?

B.R. : Cực kì quan trọng. Tôi không bảo rằng chỉ riêng loài người mới có cái tâm trạng chán nản, vì tôi đã thấy ở vườn Bách thú những con khỉ cũng có cái vẻ biết thế nào là chán nản rồi - nhưng tôi không thấy loài vật nào khác bị cái chứng đó. Sự chán nản là dấu hiệu của một trí tuệ cao, điều đó rất quan trọng. Người ta thấy rõ điều đó khi nhìn những người mọi rợ tiếp xúc với người văn minh thì sa ngay vào rượu. Họ thích rượu hơn thích *Thánh Kinh, Phúc Âm*, hơn cả những hạt pha lê xanh nữa. Họ ham rượu vì uống vào thì hết chán nản rầu rĩ được một lúc.

Nhưng làm sao thắng được sự chán nản. Cụ thấy các thiếu nữ được học rất cao không: họ lấy chồng rồi suốt đời chỉ còn có mỗi một việc là trông nom cửa nhà.

B.R. : Chế độ xã hội đó không gọi là thành công được. Tôi không nghĩ rằng sáng kiến của cá nhân có thay đổi tình trạng đó được. Nhưng thí dụ của ông tỏ rằng chế độ đó không thích

hợp với chúng ta. Mỗi người phải có thể giúp ích cho xã hội được tùy khả năng, tài năng của mình. Mà những thiếu phụ ngày nay có học thức lại không có cơ hội dùng hết khả năng của mình. Xã hội muốn như vậy đó.

Nếu chúng ta muốn sung sướng thì chúng ta có nên nhận định những động cơ thúc đẩy ta hành động không để đừng tự làm cho mình thất vọng ?

B.R. : Nên lắm, điều đó có lợi lắm. Tôi biết có những người hành động vì lòng căm hận mà cứ tưởng là hành động cao thượng vì lí tưởng ! Có lẽ họ sung sướng hơn nếu họ biết rằng họ ghét một người nào đó, và đó mới thực là động cơ thúc đẩy họ hành động.

Nhiều người tự dối mình mà hóa khổ sở ?

B.R. : Thực vậy, hạng người đó không hiếm.

Cụ có nghĩ rằng trong nghịch cảnh người ta có thể sung sướng được không ? - Chẳng hạn trong khi bị nhốt khám, vì cụ đã có lần ở trong khám rồi ?

B.R. : Nhưng ở trong khám tôi đâu có khổ sở. Phải nói rõ rằng tôi được giam ở khu thứ

nhất ⁽¹⁾, nơi đó tù nhân không phải chịu tất cả cái nổi tận khốc trong khám. Dù sao, một người quen làm việc tinh thần cũng thấy khó chịu lắm. Trong trường hợp đó, một người làm việc tay chân sẽ đỡ khổ hơn vì ít thấy thiếu sự hoạt động tinh thần.

Hỏi bị nhốt khám, cụ có cảm tưởng rằng cụ tranh đấu cho một lẽ phải. Trong hoàn cảnh đó, bị nhốt oan, cụ có thấy dễ sung sướng hơn là có tội mà bị nhốt không ?

B.R. : Chắc chắn vậy. Nếu tôi bị nhốt khám vì ăn cắp muông của người khác chẳng hạn thì tôi sẽ đau khổ lắm, vì tôi sẽ cảm thấy ... cảm thấy rằng bị cái nhục đó là đáng lắm. Nhưng lần đó bị nhốt khám mà tôi chẳng thấy bị nhục chút nào cả.

Vì đó là vấn đề nguyên tắc ?

B.R. : Phải.

Có một mục đích để sống vì nó, theo đó, thì dễ sung sướng, cụ có nghĩ vậy không ?

(1) Bertrand Russell bị nhốt khám vì trong thế chiến thứ nhất ông chống chiến tranh,

B.R. : Có, với điều kiện là thanh công ít hay nhiều. Thất bại thì không sung sướng được. Thịnh thoàng thanh công một lần, cái đó quý lắm. Điều đó kéo tôi tới ý nghĩ này : khi người ta muốn sung sướng thì điều rất quan trọng là đừng nghĩ tới mình mà nghĩ tới cái gì khác. Nhất là về già càng để hết tâm lực vào những hoạt động bất vị lợi, càng ra khỏi cái khung đời sống nhỏ hẹp của mình rồi đây sẽ chấm dứt. Điều đó rất quan trọng đối với những người già muốn sống những dư niên êm đềm.

Cụ nghĩ sao về tất cả những thuật sống lâu và sung sướng mà người ta gởi cho mọi người đó ?

B.R. : Sống lâu là vấn đề y khoa ; tôi biết gì đâu mà dám bàn tới. Tôi nhận được một đồng giấy lộn cao ngất của các vị sáng tác ra các phương pháp đó. Theo họ thì tôi chỉ việc uống thuốc của họ là tóc tôi sẽ đen lại. Nhưng này, tôi tự hỏi tôi, tóc đen lại thì tôi có thích không : là vì tóc tôi càng bạc bao nhiêu thì thiên hạ lại càng tin lời tôi nói bấy nhiêu.

CHỦ NGHĨA QUỐC GIA

Thưa Huân tước Russell, chủ nghĩa quốc gia là một điều tốt hay xấu ?

BERTRAND RUSSELL : Phải phân biệt khía cạnh văn hóa và khía cạnh chính trị. Về phương diện văn hóa thì thế giới hiện đại nhất luật, đơn điệu đến phát nản. Trong một khách sạn hạng sang, không có cái gì cho ta biết rằng mình đang ở trên lục địa nào nữa. Đâu đâu, lúc nào cũng cái điệu đó, chán quá

chừng, thành thử đối với người giàu, đi du lịch không còn bỏ công nữa. Muốn biết cái xứ lạ thì phải đi du lịch như người nghèo. Về phương diện đó, nên khen chủ nghĩa quốc gia vì nó bảo toàn được sự đa dạng về nghệ thuật, văn học, ngôn ngữ, vân vân... Nhưng về phương diện chính trị thì chủ nghĩa quốc gia chỉ có hại thôi. Không có một lí lẽ gì để bênh vực nó được cả.

Theo cụ thì một chính thể quốc gia nhằm những mục đích chính nào ?

B.R. : Mục đích chính của nó là : cái mà Quốc gia này gọi là "quốc phòng" thì tất cả các quốc gia khác gọi là "xâm lăng". Cũng là một hiện tượng đó mà mang hai tên khác nhau tùy người ta đứng về phía này hay về phía kia. Dĩ nhiên, quốc gia còn có những nhiệm vụ khác nữa như giáo dục thanh niên chẳng hạn. Nhưng khi dạy dỗ thanh niên thì người ta dùng mọi phương tiện để nhồi cho họ cái ý này : giết người ngoại quốc là một việc cao cả. Tôi có thể dẫn làm thí dụ những câu thơ này trong bản quốc thiều Anh :

*Phá rối những mưu mô đê tiện của chúng,
Phá hóng những âm mưu của chúng,
Và làm cho chúng nhào hết đi.*

Chúng ta đã gào lên những câu đó trước mặt bất kì một người ngoại quốc nào.

Cũng như bài Rules, Britannia ⁽¹⁾ ?

B.R. : Phải, cũng vậy. Nhưng "Britannia" không còn ngự trị trên các ngọn sóng nữa. Thực rầu quá, vì nếu người ta hát : *Hiệp chúng quốc ngự trị, Hiệp chúng quốc ngự trị trên các ngọn sóng* thì số "cước" nhiều quá, sái luật thơ rồi. Vì vậy mà chúng ta đã phải bỏ bài hát đó đi.

Khi cụ báo chủ nghĩa quốc gia có hại là cụ nghĩ tới những điều đó chẳng ?

B.R. : Tôi muốn nói rằng chủ nghĩa quốc gia nhồi vào óc người ta điều này : nước chúng ta rất đổi vinh quang và luôn luôn có lí trong mọi việc, còn các nước khác - thì như vãn hào

(1) "Britannia, rule the waves" : Britannia (Anh) ngự trị trên tứ hải (nguyên văn : các ngọn sóng) muôn năm.

Cũng là một bản quốc thiều Anh hồi xưa.

Dicken đã cho một nhân vật, ông Podsnap, nói : "Các ngoại quốc có lối hành động riêng của họ ⁽¹⁾, tôi ân hận mà phải nói vậy". Theo tôi, như vậy hơi bất công với các nước ngoài. Có nhiều thí dụ kì cục về điều đó. Trong một cuốn bàn về chủ nghĩa quốc gia, tôi đã viết như vậy : "Dĩ nhiên, có một quốc gia có đủ những đức quan trọng mà mỗi quốc gia khác nhận là của mình. Quốc gia đó là quốc gia của độc giả tôi". Thế là tôi nhận được một bức thư của một người Ba Lan bảo tôi : "Tôi sung sướng thấy rằng ông đã nhận Ba Lan là nước hơn cả các nước khác".

Vâng. Cụ có thí dụ nào khác không ?

B.R : Có. Một thiếu phụ nọ duyên dáng, người Équateur, dự một cuộc "hội họp Liên Hiệp Quốc". Cô ta rất thích đi xe đạp, và xuống một cái dốc dựng đứng, cô ta không làm chủ được chiếc xe nữa. Có thể toi mạng được lắm. Ông bạn tôi là Gilbert Murray hỏi cô ta: "Khi chiếc xe đạp đổ dốc như cuồng, cô không

(1) Có ý chê, bảo rằng lối hành động đó ta không chấp nhận được.

sợ sao ?" Ông có biết cô ta trả lời ra sao không ? Trả lời rằng : "Không. Tôi tự nhủ thầm : Nhớ ghen, nhớ rằng mình là người Equateur ! ⁽¹⁾"

Hầu hết mọi người đều như cô ấy ?

B.R : Phải, và nghe kể lại chuyện đó mọi người đều cười. Nhưng kể xong, tôi đã nói thêm rằng : "Các ông biết chứ, nếu tôi đã cho biết tên của một nước nào khác, thì chẳng có ai cười đâu".

Vâng... Nhưng tại sao người ta phải tách biệt ra thành dân tộc này, quốc gia nọ ?

B.R : Đó thuộc về phần cảm xúc của ta : chúng ta có tình thương, tình cảm hận, và chúng ta dùng cả hai tình cảm đó. Chúng ta yêu đồng bào của ta. Chúng ta ghét người ngoại quốc. - Dĩ nhiên, chỉ khi nào nghĩ tới người ngoại quốc thì chúng ta mới yêu đồng bào của ta. Hễ quên người ngoại quốc đi thì tình yêu đó cũng giảm.

Vậy thì phải làm sao bây giờ ? Cụ muốn nói rằng tinh thần quốc gia tới một mức nào

(1) Một nước nhỏ ở Nam Mĩ, dân số khoảng dăm triệu.

đó thì chấp nhận được và công bằng. Nhưng người ta có thể vượt cái mức đó lắm, làm sao biết được là đã vượt mức ?

B.R : Tôi cũng không rõ có thể biết được hay không. Trong một khu vực đó, cái gì cũng mập mờ. Nhưng nếu loài người muốn tồn tại thì người ta nên nói, thế giới phải nói điều này : lục quân, hải quân, không quân phải là những lực lượng không riêng của từng quốc gia mà chung cho vạn quốc. Lúc đó có lờm nguýt một dân tộc khác thì cũng không có hại gì lớn nữa : một khi mình không còn có thể tận diệt họ được nữa...

Thôi chúng ta nói qua chuyện khác. Cụ có thể cảm tưởng rằng cụ làm được việc gì cho nước, chẳng hạn leo lên ngọn núi Everest hoàn thiện một khi cụ phóng lên không gian. Cảm tưởng đó có thể làm cho cụ hăng hái hơn là nếu cụ chỉ làm việc cho một cái gì mơ hồ, cho khắp cả nhân loại.

B.R : Chắc chắn là thiên hạ thích một sự kích thích hơi hạn chế đó. Nhưng có cả ngàn cách giữ sự kích thích đó. Những thành công

vào loại leo núi Everest, không phải chỉ là nhờ một quốc gia đâu, hầu hết luôn luôn là nhờ những cơ quan, những kẻ rất giàu có họp nhau lại - tôi nghĩ vậy - và ông có thể làm được những kì công vì những cơ quan, tổ chức đó cũng như vì nước ông.

Nếu cho rằng kích thích sự ganh đua là một việc tốt thì phải nhận rằng lí tưởng hơn cả là sự ganh đua giữa nước này và nước khác.

B.R : Tôi đồng ý về sự ganh đua, cạnh tranh, cái đó tôi không thấy có hại gì cả miễn là đừng tính tới chuyện giết nhau. Sự ganh đua giữa thị trấn này với thị trấn khác, cái đó tốt lắm ! Tại thị trấn này người ta cất một thị sảnh đẹp, thì dân các thị trấn khác sẽ nghĩ : "Mình cũng phải có một thị sảnh cho đẹp". Cái đó tối hảo rồi. Tôi nghe nói hai thị trấn Manchester và Liverpool không ưa nhau, nhưng họ đâu có lập những đạo quân riêng để gây chiến với nhau.

Có cả một xã hội đương sống đó ; nếu không theo châm ngôn này : "Dù phải dù trái,

đó cũng là nước tôi", thì làm sao cai trị xã hội đó được, nhất là khi lâm nguy, khủng hoảng, tình hình khẩn trương ?

B.R : Chúng ta bàn về lí tưởng nên ra sao. Tôi đã bảo rằng nên có một quân lực duy nhất cho vạn quốc thôi, chứ không nên để cho mỗi quốc gia có một quân lực riêng. Nếu được như vậy thì những tình cảnh lâm nguy như ông mới nói đó sẽ không xảy ra, sẽ không còn nước nào xâm lăng nước nào nữa, vậy chẳng cần tới quốc phòng nữa.

Nhưng hiện nay, còn những tình cảnh đó.

B.R : Phải, nó còn đấy. Cho nên mọi người phải nhớ kĩ điều này : chống xâm lăng thì nên, mà xâm lăng thì bất công. Tôi thì tôi nghĩ rằng, khi quốc gia bị xâm lăng thì tự nhiên phải kháng chiến.

Cụ thử xét miền Trung Đông sau thế chiến. Tinh thần quốc gia Á Rập đã tạo nên nhiều quốc gia. Nó làm cho những quần chúng Á Rập tự tin, có một ý thức nào đó về sự an lạc, hạnh phúc. Như vậy là tốt hay xấu ?

B.R. : Chưa thể xét đoán được. Nếu tinh

thần quốc gia đương lên đó làm cho người Á Rập ý thức được phẩm cách của họ, mà họ nghĩ rằng họ có thể làm được những việc lớn lao, thì thật là rất tốt. Nhưng nếu họ có thêm lòng căm thù, căm thù những người không phải là Á Rập, như những người Do Thái chẳng hạn, thì lại xấu.

Một khi vì một lí do chính đáng mà tình quốc gia bùng bùng lên rồi, thì làm sao tránh được sự sa lầy vào những lí do bẩn thỉu ?

B.R. : Có cách gián dị là hợp nhất các chính quyền lại. Ông xét trường hợp Anh và Ecosse : họ đánh nhau trong hàng mấy thế kỉ ! ở mỗi bên biên giới người ta đều đồng tình cho rằng kẻ ở bên kia chỉ đáng cho mình căm thù thôi. Rồi chỉ nhờ một biến cố về triều đại, mà hai chính quyền đã hợp nhất và từ đó hết căm thù.

Cụ muốn nói về sự hợp nhất dưới chung một vương quyền ?

B.R. : Phải.

Do vô tâm ?

B.R. : Phải.

Cụ thấy tinh thần quốc gia và thành kiến về chủng tộc có liên quan gì với nhau không ?

B.R. : Hai cái đó đi với nhau, ít nhất là khi hai quốc gia lân bang thuộc về hai chủng tộc khác nhau. Thành kiến về chủng tộc có thể xen vào tinh thần quốc gia, làm cho nó mạnh lên. Hai cái đó tuy khác nhau ma có thể hòa lẫn với nhau lắm.

Cụ có nghĩ rằng thành kiến về chủng tộc trong năm chục năm gần đây đã tăng lên nhiều không ?

B.R. : Hình như vậy, nhưng tôi không lấy gì làm chắc. Tôi ... tôi không biết rõ. Rudyard Kipling đã tận lực kích thích tinh thần đế quốc của người Anh. Chính ông ta nói tới những "giống người ti tiểu vô đạo vô pháp". Trong tất cả các tác phẩm của ông, ý này nổi bật hẳn lên : kẻ nào không phải là da trắng - gần như có thể nói rằng : kẻ nào không phải là người Anh - thì là một kẻ thấp hèn. Ông thấy đấy, có mới mẽ gì lắm đâu.

Ai cũng biết rằng châu Mĩ và châu Âu điêu đứng vì những thành kiến về chủng tộc.

Cụ có nghĩ rằng châu Á và châu Phi ít bị cái nạn đó hơn không ?

B.R. : Ít hơn ư ? Không đâu. Hai châu đó mới biết hiện tượng đó, cho nên lúc này có lẽ còn chịu khổ sở hơn nữa chứ. Theo tôi tinh thần quốc gia Á và Phi lúc này còn hung dữ hơn tinh thần quốc gia của người Âu nữa. Tinh thần đó thức tỉnh dậy là một nguy cơ rất lớn. Không kể sự căng thẳng có thể gây ra chiến tranh giữa Đông và Tây, thì tinh thần quốc gia là nỗi nguy lớn nhất mà nhân loại phải đương đầu từ trước tới nay.

Khi một dân tộc bị ngược đãi thì bao giờ cũng có một kẻ nào đó cho rằng những người bị áp bức đó thực là đáng mến, đáng kính. Cụ có cho như vậy là hơi thái quá không ?

B.R. : Nhất định là thái quá. Tất nhiên rồi : khi một dân tộc, một giai cấp, hoặc một thứ gì đó, bị áp bức một cách bất công thì có những người chính trực, nhân ái, cố tìm ở dân tộc, giai cấp đó những tài đức quý nhất. Thế rồi tới khi những con người "đạo đức" đó được hưởng tự do thì lập tức họ nhiệt tâm, tận lực

cóp ngay những cái tật của những kẻ đã áp bức họ.

Phải điều đó không sao tránh được không?

B.R. : Không nhất định vậy. Chứng cứ là Ấn Độ. Tôi cho rằng Ấn Độ, từ khi được độc lập, đã đáng khen, tránh được thái độ thông thường của các dân tộc mới được giải phóng.

Cái chế độ quốc gia ngày nay cơ hồ độc hại hơn bao giờ nữa. Cụ có hiểu vì đâu không?

B.R. : Sự giáo dục chịu trách nhiệm một phần. Sự giáo dục quả thực là tai hại. Đôi khi tôi nghĩ bụng rằng giá con người đừng biết đọc biết viết thì mọi sự sẽ tốt hơn nhiều. Đối với số đông, biết đọc biết viết là sẵn sàng đón sự tuyên truyền - mà đâu đâu việc tuyên truyền cũng do Quốc gia nắm chặt. Mà Quốc gia thì chỉ quan tâm tới điều này là khi người ta bảo ông "chém giết" thì ông phải sẵn sàng để chém giết liền.

Lúc nãy cụ nói rằng chủ nghĩa quốc gia là chủ nghĩa tai hại bậc nhất, hoặc gần như vậy. Vậy cụ có cho rằng nó tai hại hơn chủ nghĩa cộng sản không ?

B.R. : Theo tôi, trạng thái căng thẳng giữa Đông và Tây là nỗi nguy lớn nhất của thế giới chúng ta. Nhưng nếu sự căng thẳng đó mất đi thì chủ nghĩa quốc gia vẫn còn, và tôi cho rằng nó sẽ đe dọa nhân loại nghiêm trọng hơn là sự bành trướng ôn hòa của cộng sản nữa.

*Có giải pháp nào cho vấn đề đó không ?
bỏ ra ngoài trường hợp địa cầu bị người trên
Hỏa tinh xâm chiếm.*

B.R. : Nếu những người trên Hỏa tinh xuống đây thì các quốc gia sẽ hết gây với nhau. Lúc đó chúng ta sẽ thấy một tinh thần quốc gia của khắp địa cầu chống lại với tinh thần quốc gia của các hành tinh khác. Chúng ta sẽ dạy trong các trường học rằng địa cầu của chúng ta luôn luôn cao quý hơn hỏa tinh khốn nạn của bọn xâm lăng đó, bọn mà chúng ta chẳng biết quái gì cả và vui vẻ, sẵn sàng cho rằng có đủ các tật xấu. Ông thấy như vậy sẽ giản dị lắm. Nhưng tôi ngại rằng chúng ta không thể mong có một giải pháp như vậy được. Tôi cho rằng chúng ta phải ước ao mỗi dân tộc nhắm những mục tiêu tích cực : sự an lạc của xứ mình và của các xứ khác. Phải từ bỏ những mục tiêu tiêu cực, sự xung đột, tranh giành nhau đi.

NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN

Theo cụ, cá nhân có nhiệm vụ gì ?

BERTRAND RUSSELL : Trước hết tôi tự hỏi một cá nhân có thể làm được gì khi đứng ngoài một tổ chức. Có nhiều hoạt động quan trọng, hữu ích, đáng mong mà cá nhân đã đeo đuổi, một mình từ trước tới nay, không nhờ một đoàn thể nào giúp đỡ ; nhưng bây giờ các hoạt động đó càng tùy thuộc các tổ chức, mỗi ngày mỗi nhiều. Ngày xưa các khoa học gia đại

tài như Copernic, Galilée, Newton, Darwin không trông cậy vào một tổ chức mạnh mẽ nào cả. Họ làm việc một mình và làm như vậy được. Nhưng một nhà thiên văn học hiện nay... Tôi đã gặp ở Californie một nhà thiên văn học trác tuyệt đáng quý, sở dĩ ông ta làm việc rất có kết quả là nhờ những kính viễn vọng rất mạnh mà một nhà hảo tâm đã tặng một đài thiên văn nào đó. Trong một bữa tối, ông ta cho tôi hay rằng nếu ông không biết lấy lòng một đại phú ông nọ thì không sao làm việc được.

Cụ có thấy giải pháp nào không ?

B.R. : Về vấn đề đặc biệt đó, tôi không thấy có giải pháp nào cả, trừ phi là mọi người đều tích cực quan tâm tới sự tấn bộ của kiến thức loài người. Hi vọng đó mơ hồ quá, tôi biết vậy, nhưng cách nào khác đâu ?

Cụ đã nói tới những dụng cụ rất tốn kém. Nếu mình muốn có những dụng cụ đó thì đòi hỏi cách nào, làm sao cho người ta chấp nhận mình có quyền dùng nó ?

B.R. : Ông đưa vấn đề đó ra cho các bạn

đồng sự biểu quyết. May thay, trong ngành khoa học dề lương được khả năng của một người. Về nghệ thuật thì khác hẳn. Một thi sĩ, họa sĩ, kiến trúc sư được người đồng thời hoan nghênh, thường không phải là những nhà đại cạnh tân ; hạng đại cạnh tân thường không được người đồng thời ưa. Nỗi khó khăn là ở đó.

Chúng ta phải đào sâu cái ý tự do đó trong văn hóa và trong khoa học nào. Cụ thấy nó có ý nghĩa gì đối với cộng đồng ?

B.R. : Tôi đã có lần nói rằng những xung động quyết định thái độ, hành động của ta có thể đại khái chia làm hai hạng : hạng sáng tác và hạng chiếm hữu. Sáng tác là tạo ra một cái gì chưa có, chứ không phải là chiếm của người khác. Chiếm hữu là lấy một cái gì đã có sẵn đó rồi, chẳng hạn một khúc bánh. Bình thường, có cả hai cơ năng đó : phải chiếm hữu mới duy trì đời sống của mình được ; nhưng những xung động thực cao đẹp nhất, xét trong phạm vi tự do, là những xung động sáng tạo. Ông làm một bài thơ, điều đó không ngăn cản một người nào khác làm một bài thơ khác. Ông vẽ

một bức họa, cái đó không ngăn cản một người nào khác vẽ một bức họa khác. Những hoạt động đó không làm hại gì ai cả. Vậy nó đáng được hoàn toàn tự do.

Cụ cho rằng trong văn hóa và khoa học, sự tự do đã suy kém rồi sao ?

B.R. : Phải, gần như không tranh được điều đó. Trong khu vực nghệ thuật thì không tới nỗi nào, nhưng trong khu vực khoa học thì chắc chắn vậy - do lẽ tôi đã trình bày lúc này. Dụng cụ khoa học bây giờ đắt tiền quá chừng. Ngày nay không còn một Galilée nào có được một kính viễn vọng riêng của mình. Không ai tự chế tạo lấy kính viễn vọng cho mình được.

Nhưng dù sao các nhà bác học ngày nay cũng được một cái lợi hiển nhiên. Họ có thể đưa ra một thuyết mới mà không sợ bị chặt đầu như các nhà phát kiến thời xưa.

B.R. : Tôi không chắc chắn điều đó lắm. Xét chung thì người ta không chặt đầu họ nữa, nhưng nếu họ không để tỏa ra một hướng chính kiến chính thống - điều đó vẫn xảy ra - thì người ta không cho họ vô những phòng thí

nghiệm cần thiết cho công việc của họ ⁽¹⁾.

Nhưng từ xưa, đã có thời nào khoa học và văn hóa được tự do không ?

B.R. : Không. Chưa bao giờ. Những người đạt được một tiến bộ nào trong bất kì hướng nào, luôn luôn gây một sự chống đối hoàn toàn trong quần chúng.

Thí dụ ?

B.R. : Copernic, Galilée. Những phát kiến của họ đã làm cho họ lúng túng, khổ sở. Rồi Darwin nữa mà thời đó người ta coi là một kẻ trụy lạc không biết gọi bằng tên gì. Người nào thực hiện được một tiến bộ gì cũng bị thiên hạ khinh ghét như vậy.

Như vậy chẳng là một điều tốt ư ? Một đề nghị nào đó có thể là một tiến bộ, mà cũng có thể không. Sự chống đối là một sự thử thách. Nhờ chống đối mà ta bỏ được hết những lí thuyết mù mờ họ cố nhồi vào óc ta.

B.R. : Tôi không nghĩ rằng những thuyết

(1) Coi chú thích (1) trang 74.

mù mờ bị gạt bỏ đầu. Theo chỗ tôi biết, bất kì xứ nào trên thế giới này, chính quyền nào cũng thích và nâng đỡ các lí thuyết mù mờ. Các lí thuyết hữu hiệu mới riêng bị cái nạn chống đối, chống đối mạnh. Sự thực, lời ông nói đó có phần đúng. Sự chống đối có tác động kích thích, nếu nó không nghiêm khắc quá. Nếu không thì nó chẳng kích thích gì cả. Khi ông bị người ta chặt đầu thì ông suy nghĩ kém mạnh đi nhiều.

Tại sao có biết bao sáng kiến làm thiên hạ tức giận nhỉ ?

B.R. : Tôi cho rằng thiên hạ không thấy được yên ổn nữa. Con người cũng như con vật, cần cảm thấy rằng mình được an toàn, được sống trong một nơi không bị một nguy hiểm bất ngờ nào đe dọa. Nếu một người nào đó lại bảo ông rằng một điều nào đó từ trước ông vẫn tin, thực ra là sai, thì ông sẽ bị xúc động ghê gớm, tự nghĩ : "Mình ở đâu đây ? Mình tưởng tượng chân mình chạm đất, có lẽ sai chăng ?" Và ông đâm hoảng.

Cái đó đúng về phạm vi tư tưởng hơn là

phạm vi áp dụng khoa học. Một khi cụ để lên cung trăng, phát minh đó không làm ai khó chịu cả.

B.R. : Không. Trái lại, có một cái đáng lí làm cho mọi người khó chịu - mà sự thực chỉ có một số người khó chịu, số này ít hơn là tôi tưởng - tức cái khí cụ có thể tận diệt được nhân loại ấy. Mà khí cụ đó là sản phẩm của khoa học.

Lúc này tôi nghĩ tới cái khác kia, tới những phát minh như vô tuyến truyền hình, chẳng làm cho ai phản kháng cả ?

B.R. : Đó là một sáng chế mới đây, mà những phát minh làm căn bản cho những sáng chế mới đó, thường có những hậu quả trên khu vực tư tưởng, (khu vực này chính vì vậy mà khác khu vực kĩ thuật), mà những hậu quả đó làm cho nhiều người thấy chướng.

Cụ rất coi trọng vấn đề nhiệm vụ cá nhân đó. Tại sao vậy ?

B.R. : Chúng ta thấy rằng từ những thời xa xăm nhất, mỗi khi nhân loại tiến được một

bước lớn, là nhờ cá nhân cả ; và những cá nhân đó gần như luôn luôn gặp phải một sự chống đối dữ dội của xã hội.

Lòng sợ dư luận quần chúng quá đã ngăn cản nhiều người khiến họ không dám làm cái mà họ cho là tốt, là lợi lí chăng ?

B.R. : Phải, và hậu quả có thể sâu xa, nhất là những thời náo động, quần chúng cuồng loạn dự vào. Đương đầu với sự cuồng loạn của quần chúng, cái đó thật là khủng khiếp, nhiều người không dám đánh bỏ, vì một cuộc thì sự lâm lãn sẽ thắng kia mà.

Các nhà bác học và các nghệ sĩ cũng bị cảnh đó sao ?

B.R. : Phải, tôi nghĩ vậy. Các nhà bác học được cái lợi này là có thể thỉnh thoảng chứng minh rằng mình có lí. Nhưng các nghệ sĩ thì không được thế ; không có hi vọng được chuẩn y. Tình cảnh họ vì vậy còn đáng thương hơn nữa. Mặc dầu vậy, nhà khoa học thời nay không luôn luôn được yên ổn, nếu phát minh được điều gì không hợp ý chính quyền thì có

thể bị nhiều nỗi phiền lụy đắng cay lắm.

Cụ có nghĩ rằng ở Tây phương, nhà khoa học cũng không có thể thoát cảnh đó sao ?

B.R. : Có mà không. Cái đó một phần còn tùy danh vọng của nhà bác học, một phần còn tùy những chứng cứ ông ta có thể đưa ra được, và tùy ông ta có làm phiền bên hành chánh nhiều không.

Cụ nghĩ sao về trường hợp các nhà tư tưởng, tôi muốn nói những người không phải là nghệ sĩ, cũng không phải là những nhà bác học nghiên cứu về những vấn đề thực tế ?

B.R. : Còn tùy. Nhiều nhà tư tưởng không muốn trình bày trước công chúng những ý kiến có thể làm cho công chúng chê bai, khiển trách họ được.

Còn có những nhà không thuộc hạng đó ...

B.R. : Đây là một trường hợp đặc biệt. Việc xảy ra ở Mĩ sau thế chiến thứ nhất. Hai người đàn ông, Sacco và Vanzetti bị tố cáo là giết người. Chưa đủ chứng cứ. Sau khi xử tội họ rồi, người ta phái một ủy ban xét kĩ những

chứng cứ đó. Viện trưởng Viện Đại học Harvard ở trong ủy ban. Nhân viên trong ủy ban cho rằng hai người đó có tội và người ta hành hình họ. Mà tất cả những người đã xét những chứng cứ đó một cách vô tư đều nhận rằng không đáng để xử tử.

Cụ muốn nói rằng Viện trưởng Đại học Harvard biết rằng hai người đó không có tội ư ?

B.R. : Tôi nghĩ rằng ông ấy đã biết vậy. Tôi không dám nói chắc gì hết vì tôi không thể đọc trong tâm hồn ông ta được. Nhưng tôi nghĩ rằng ông ta đã biết vậy.

Biết mà vẫn xử tử vì sợ dư luận quần chúng ?

B.R. : Phải.

Bây giờ chúng ta qua một vấn đề khác : phần tự do mà một cá nhân phải hi sinh để cho xã hội đứng vững được.

B.R. : Tôi nghĩ rằng trật tự của xã hội phải được bảo vệ : đó là điều cốt yếu. Phải gắng sức tránh cho xã hội cái nạn trộm cướp,

giết người, vân vân. Trật tự trong nước đó được bảo đảm tới một mức nào nhờ cơ quan cảnh sát. Những sự hạn chế tự do đó hoàn toàn cần thiết, nhất là khi cộng đồng rất đông người. Ông coi luật đi đường chẳng hạn. Hồi tôi trẻ, gần như không có chiếc xe hơi nào cả ; tự ý lái xe, chẳng có vấn đề rắc rối gì cả. Bây giờ có những luật lệ rất tế mạt. Ông thử không giữ đúng luật mà xem, sẽ gây biết bao sự bực mình, rắc rối cho ông và cho người khác. Thế giới ngày nay đông nghẹt người, cho nên tôi nghĩ rằng một số tự do nào đó mà hồi xưa các quốc gia nhiệt tâm duy trì, bây giờ hóa ra có hại. Cái quốc gia ngày nay rất cần có cái "luật đi đường" với nhau ⁽¹⁾.

Nghĩa là phải hạn chế thêm nhiều điều ?

B.R. : Phải, vì sự tự do của một quốc gia có thể tới mức phi lí. Các chính khách trong đảng xã hội đã đưa ra nhiều lí lẽ để bênh vực chính sách quốc hữu hóa các tài nguyên thiên

(1) Bertrand Russell muốn có thêm những luật quốc tế để hạn chế bớt sự tự do của mỗi quốc gia.

nhiên trong nước ; các lí lẽ đó ngày nay cũng dùng được để quốc tế hóa các tài nguyên đó. Thí dụ này nổi bật nhất : dầu lửa. Thật là nhiều điều vô lí mà một quốc gia nhỏ xiu ⁽¹⁾, chỉ vì đất đai có nhiều mỏ dầu phong phú, mà được quyền chuyên đoán, muốn dùng tài nguyên đó ra sao tùy ý.

Cụ nghị có cần mở rộng các tự do không ?

B.R. : Tôi nghĩ rằng sự tự do phải được tăng lên trong phạm vi tinh thần. Và nếu có cần giảm nó thì phải giảm trong khu vực mà tôi gọi là khu vực chiếm hữu.

(1) Chắc là Bertrand Russell muốn ám chỉ xứ Koweit ở Cận Đông.

10

CUÔNG TÍN VÀ BAO DUNG

Thưa Huân tước Russell, xin cụ cho biết thế nào là cuồng tín ?

BERTRAND RUSSELL : Tôi nghĩ rằng khi một người nào cho một cái gì đó là quan trọng cực kì, át hẳn những cái khác, mà mọi cái khác đều không đáng kể, thì là người đó cuồng tín. Người hiền lương nào cũng chê cái thái độ tàn nhẫn đối với loài chó. Nhưng khi

ta coi sự tàn nhẫn với loài chó là một sự hung ác nhất trần đời thì ta có thái độ cuồng tín.

Người ta thường thấy cả một đám đông bị chứng cuồng tín, phải vậy không ?

B.R. : Phải, hầu hết thời gian nào trong lịch sử nhân loại, hầu hết xứ nào trên thế giới cũng có hiện tượng đó. Đó là một trong những bệnh tinh thần của các xã hội.

Cụ có thể kể ra những trường hợp mà cụ cho là độc hại nhất không ?

B.R. : Thiếu gì. Chẳng hạn chủ nghĩa bài xích Do Thái. Trường hợp đó đặc biệt ghê tởm vì cái biểu hiện tệ hại nhất của nó cũng là biểu hiện phát ra gân đay nhất ; ghê tởm tới nỗi chỉ nghĩ tới nó thôi người ta cũng khó mà chịu nổi. Tôi biết rằng điều tôi sắp nói đây không nên nói ra, hoặc ít nhất cũng là điều không ai muốn nghe : sự bài xích Do Thái cùng xuất hiện với Ki-Tô giáo. Trước nữa nó không có, rồi từ ngày quyền hành ở La Mã thuộc về Ki-Tô giáo, thì quyền hành đó sinh ra bài xích Do Thái.

Tại sao vậy ?

B.R. : Người thời đó báo rằng Do Thái đã giết chúa Ki Tô, thế là có lí do để căm thù Do Thái. Thực ra thì là tại những lí do kinh tế, chắc chắn vậy. Nhưng người ta cứ viện ra cái lẽ đó.

Làm sao mà lòng cuồng tín xâm chiếm được cả một đám đông ?

B.R. : Hình như lòng cuồng tín làm cho con người ta có cảm giác thích thú được hoạt động chung. Một nhóm người cuồng tín mà họp nhau thì khoan khoái lắm, cùng có chung cái tình huynh đệ ; cùng hăng say vì những động cơ chung. Trong bất kì chính đảng nào, ông cũng thấy một bọn người cuồng tín vui vẻ đoàn kết với nhau ; và khi xu hướng đó bành trướng, khi nó kết hợp với lòng căm thù một đảng khác, một nhóm khác, thì sự cuồng tín thật là toàn thịnh.

Nhưng có khi nào sự cuồng tín làm phát động những hành vi tốt không ?

B.R. : Nó làm phát động hành vi thì có. Còn như làm phát động những hành vi tốt, thì tôi chưa thấy có trường hợp nào trong lịch sử

cả. Nó chỉ phát động những hành vi xấu thôi vì trong sự cuồng tín có sự căm thù, điều đó gần như không sao tránh khỏi. Người ta căm thù những kẻ không cuồng tín như người ta. Điều đó cơ hồ không sao tránh được.

Nếu đem mục tiêu kinh tế thay vào (mục tiêu tôn giáo hay chủng tộc...) thì lòng cuồng tín có thể mất hoặc hóa ra vô hại không? Như thời Thập tự quân chẳng hạn?

B.R. : Tôi không biết. Tôi không thấy Thập tự quân đã làm được cái gì tốt. Tôi thấy họ có hai trào lưu : một trào lưu cuồng tín (về tôn giáo), một trào lưu làm "áp phe". Trào lưu làm "áp phe" này mạnh lắm nhưng nếu không được cuồng tín chống đỡ thì đã chẳng làm được gì lớn. Đại khái thì ta có thể nói rằng lòng cuồng tín cung cấp quân đội còn tinh thần làm "áp phe" cung cấp tướng lãnh ⁽¹⁾.

Yêu thuật chắc đã đóng một vai trò quan trọng...

(1) Nghĩa là quân lính thì qua Jéusalem chiến đấu vì tôn giáo, còn tướng tá thì nhân cơ hội đó làm "áp phe". Cổ cũng như kim ư?

B.R. : Một vai trò ghê tởm ! ghê gớm ! nhất là từ khoảng 1450 tới đầu thế kỉ XVII. Tôi nghĩ tới một tác phẩm nhan đề là *Cái chày vô của bọn phù thủy* (*Le maillet des sorcières*) ⁽¹⁾, mà tác giả là một giáo sĩ tiếng tăm. Tác phẩm đó đã gây ra một cuộc săn phù thủy như điên, mà kẻ bị săn vẫn tưởng rằng bọn săn mình đó có lí. Chắc chắn Jeanne d'Arc tin rằng mình là mục phù thủy thật, và trường hợp đó là trường hợp của một đám người mang tội danh là phù thủy. Sự tàn bạo lan truyền thực là dữ dội, mênh mông. Một người như ông Thomas Browne, mà tác phẩm có giọng rất nhân đạo, rất sáng suốt, thế mà cũng dự vào các phiên xử tội bọn phù thủy, giữ cái nhiệm vụ nguyên cáo. Ông ta bảo ai mà không nhận rằng có bọn phù thủy thì tức là không tin có Chúa, vậy là hạng vô thần ; vì chứng cứ rành rành trong Thánh kinh đấy : "Con không được để cho một mục phù thủy được sống". Nếu ông biết kẻ nào đó là phù thủy mà lại cho rằng thiêu sống họ

(1) Bọn phù thủy châu Âu thường là đàn bà.

là một việc ác, thì ông không tin Thánh Kinh rồi, vậy ông là kẻ vô thần.

Có những người trí óc lành mạnh - ít nhất là bề ngoài như vậy - mà cũng có thể cuồng tín như vậy được, là tại sao ?

B.R. : Trí óc lành mạnh : ý niệm rất đối là tương đối. Hạng người trí óc lành mạnh hiếm vô cùng. Hầu hết người nào cũng có những khóe điên khùng nho nhỏ. Tôi nhớ một hôm trời mưa như trút nước ở California, chúng tôi đã cho một người bộ hành ướt sũng quá giang xe chúng tôi. Người đó nổi quạu lên, mạt sát những thành kiến chủng tộc, và tôi đồng ý với ông ta lắm. Một lát sau, khi chúng tôi nói chuyện về Phi Luật Tân, ông ta chê rằng bọn Phi Luật Tân thật đê tiện. Ông thấy không, con người đó cũng có một khóe điên đấy.

Tại sao cụ cho vấn đề cuồng tín quan trọng tới mức đó ?

B.R. : Tại nó là nguyên nhân phần lớn những nỗi khổ của chúng ta.

Nhưng Giáo hội Thiên Chúa chẳng hạn, chắc nghĩ rằng tin một số giáo lí nào đó, còn

quan trọng hơn là sống mà không tin tưởng. Thái độ đó với lối suy tư của chúng ta ngày nay chẳng khác gì nhau cả, phải vậy không ?

B.R. : Chỉ khác nhau ở phạm vi rộng hay hẹp thôi. Hồi xưa, không phải cả thế giới đều theo Thiên Chúa giáo, và có nhiều người chẳng chịu nhận quyền hành của đạo đó. Còn ngày nay bom H có thể giết hết nhân loại được.

Chúng ta thử xét kĩ vấn đề đó thêm một chút nào ?

B.R. : Phải, cái đó bổ công đấy. Tình hình căng thẳng giữa Đông và Tây, cái mối đe dọa làm cho hết thấy chúng ta kinh hoàng đó, nguyên do là tại sự cuồng tín cả, một bên thì tin một cách mù quáng vào chế độ cộng sản cứng ngắt, một bên thì tin một cách mù quáng vào chính sách diệt cộng. Cả hai bên đều có một tin tưởng quá đáng. Lối tin tưởng đó, tôi đã gọi nó là *cuồng tín* ; tin rằng diệt cái mà người ta cho là xấu ở đối phương, còn quan trọng hơn là sự tồn tại của nhân loại. Chính sự cuồng tín của hai bên đó là mối đe dọa hết thấy chúng ta.

Cụ cho thế nào là bao dung ?

B.R. : Cái đó còn tùy khuynh hướng của mỗi người. Theo cái nghĩa trọn vẹn thì bao dung là không trừng trị ai cả vì ý kiến của người ta, nếu người ta không làm gì tội lỗi.

Cụ có thấy trong lịch sử có những thời bao dung không ?

B.R. : Sau *Chiến tranh Ba mươi năm* ⁽¹⁾, người ta thực sự bắt đầu bao dung. Ở Anh thì trễ hơn một chút vì có nội chiến. Nước đầu tiên thực sự áp dụng chính sách bao dung là nước Hòa Lan. Tất cả các nhà tinh thần siêu việt ở thế kỉ XVII, đều đã có một lúc trốn qua Hòa Lan để tránh nạn bị hành hạ, đánh đập. Mà người Anh thời đó cũng không hơn gì các dân tộc khác. Ông nhớ lại cuộc điều tra của Quốc hội về Hobbes ⁽²⁾ : người ta bảo Hobbes

(1) Chiến tranh tôn giáo ở Đức, giữa đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành, từ 1618 đến 1648.

(2) Hobbes (1588-1679) Triết gia Anh : Quốc hội Anh mật sát cuốn *Leviathan* của ông. Nhờ được Anh hoàng che chở mà ông không bị tội.

là tà ác, và cấm in các tác phẩm của ông ở Anh. Sự cấm đoán kéo dài rất lâu.

Theo cụ, thời cổ, ở Athènes người Hi Lạp có bao dung không ?

B.R. : Họ bao dung ít nhiều, còn hơn các quốc gia hiện đại trước thế kỉ XVII. Nhưng không phải là bao dung hoàn toàn. Ai mà chẳng biết Socrate đã chết ra sao và ông ta không phải là người độc nhất chết như vậy⁽²⁾ Anaxagore đã phải trốn đi, Aristote cũng vậy, sau khi vua Alexandre chết.

Làm sao biết được thời mình đương sống có bao dung hay không ? Cụ có tiêu chuẩn nào không ?

B.R. : Các thứ tự do : báo chí, ngôn luận, tuyên truyền. Tự do được đọc cái gì mình thích, theo tôn giáo mình đã lựa chọn, hoặc chẳng theo tôn giáo nào cả.

(1) Triết gia Socrate bị tố cáo là nói xấu tôn giáo của Athènes, làm cho thanh niên trụy lạc, và bị xử tử. Ông thân nhiên cầm chén thuốc độc mà uống trước mặt các môn đệ.

Nhưng ở Tây phương có đủ những tự do đó mà lúc này cụ lại báo rằng chưa thời nào sự cuồng tín mãnh liệt như thời này là tại sao ?

B.R. : Tôi không tin rằng Tây phương quả thực có những tự do đó. Ông thử xét việc đã xảy ra bên Mi : người ta đã "tẩy uế" tất cả các thư viện công cộng, cuốn sách nhỏ nhất nào cho biết về Nga Sô cũng bị hủy hết. Như vậy không thể gọi là khoan dung được.

Không có chút lòng nhiệt tình thì không làm được việc gì cả. Mà hễ quá nhiệt tình thì lại mắc cái lỗi cuồng tín. Thế thì phải làm sao bây giờ ? Có cách nào tránh khỏi hóa ra cuồng tín không ?

B.R. : Không có gì chắc chắn cả, nhưng dù sao cũng có một qui tắc có thể hữu ích. Là chỉ hành động theo cái điều mình tin là chân lí. Có thể lầm lẫn được, có thể có một cử chỉ bậy, lúc đó phải ngưng lại ngay. Chúng ta thử áp dụng qui tắc đó vào tử hình thiêu sống. Nếu môn thần học được thời đó chấp nhận - (thời ngược đãi, tàn sát các người dị giáo) - mà hoàn toàn là chân lí, thì thiêu sống các người

theo tà giáo, dị đoan, là việc tốt. Nếu còn một chút ngờ rằng môn thần học đó không hoàn toàn là chân lí thì thiêu sống người ta như vậy là một việc xấu xa. Theo tôi, qui tắc đó có thể hướng dẫn chúng ta được.

Và cụ cũng áp dụng nó để phán đoán các đảng phái, các chính quyền ?

B.R. : Dĩ nhiên. Tất cả những người chiến đấu trong một đảng phái đều cho rằng các đảng phái khác đều lầm lẫn hết. Nhưng cái đó đâu phải là một lí do để giết người ta.

Theo cụ, phái hạn chế sự bao dung ở mức nào để tránh khỏi xảy ra sự phóng túng, sự hỗn loạn ?

B.R. : Tôi cho rằng một người khoan đại, theo chủ nghĩa tự do phải đáp như vậy : về phương diện ngôn luận, sự bao dung phải được tuyệt đối. Người ta có thể bảo rằng như vậy luật pháp phải khác đi. Nhưng mà khi luật pháp chưa thay đổi, những kẻ mà hành động vẫn là phạm pháp thì không đáng được hưởng sự bao dung như vậy. Tôi lấy một thí dụ. Ông có thể tán đồng sự tử hình, và có thể hô hào

một xứ đưa tội tử hình vào trong pháp luật, nếu chưa có. (Đó là quyền tự do tư tưởng, ngôn luận của ông). Nhưng ông đừng có tự do giết một người nào đó, lấy lẽ rằng hắn đáng giết.

Cụ có thấy thế giới đang bị luồng sóng cuồng tín phá hại không ? Hiện lúc này chúng ta ở dưới một trong những luồng sóng đó phải không ? Rồi rốt cuộc nó sẽ lặn xuống không ?

B.R. : Có, nếu ngoại diện bình tĩnh, nếu thế giới ổn định lại. Thế thăng bằng bất ổn dễ làm cho sự cuồng tín nảy nở, vậy phải tìm cách ổn định lại thế giới.

Có hi vọng giảm sự cuồng tín trên thế giới không ?

B.R. : Có nhiều hi vọng chứ, và tôi cho đó là việc chính trị. Muốn vậy thì phải làm sao cho chúng ta đừng sợ, như ngày nay, có một thế chiến thứ ba nữa. Được vậy thì chẳng bao lâu sự bao dung và sự ôn hòa sẽ lan rộng ở Đông cũng như ở Tây. Nhưng nếu tình thế còn căng thẳng thì ít hi vọng rằng sự cuồng tín sẽ giảm đi lắm.

11

BOM H

Thưa Huân tước Russell, nếu xảy ra chiến tranh bom H thì theo cụ, sẽ ra sao ?

BERTRAND RUSSELL : Câu hỏi đó cực kì khó trả lời - và tôi không muốn đoán càn vì không biết được sự thực sẽ ra sao. Nhưng xét cái nguy hại của các chất phóng xạ rớt xuống thì có thể chiến tranh bom H sẽ diệt trọn dân chúng Bắc bán cầu và một phần lớn dân chúng Nam bán cầu. Trong hoàn cảnh như vậy, không

một người nào có thể thỏa mãn những nhu cầu của mình. Thế là tiêu hết những cái mà chúng ta có thể quý và tha thiết.

Cụ muốn nói rằng chiến tranh đó sẽ không có kẻ thắng ?

B.R. : Nhất định vậy. trừ phi ông có một định nghĩa mới về sự chiến thắng. Dĩ nhiên, ở khối Tây có thể sống sót được sáu người, ở Nga sống sót được bốn, Trung Hoa bốn, vậy là khối Đông được đa số rõ ràng. Ông có thể coi vậy là một chiến thắng.

Cụ có tin rằng chiến tranh bom H xảy ra được không ?

B.R. : Tôi hết lòng mong rằng nó không xảy ra, nhưng theo tôi, nếu tình trạng cứ kéo dài như vậy thì nó có thể xảy ra lắm. Nguyên nhân chính là các quân nhân nhất định muốn phải chuẩn bị sẵn sàng để hễ bên kia tấn công là mình trả đũa được tức thì - đứng về quan điểm của họ, thì thái độ đó hoàn toàn tự nhiên. Cái đó thực là nguy hiểm cho chúng ta: chỉ một sự hiểu lầm (của một bên nào đó), có thể rằng chỉ một hiện tượng tự nhiên, cũng đủ

làm cho người ta tung tất cả các bừa bới ra. Và những kẻ ở bên kia, tưởng rằng "địch" đã cố ý gây chiến, cũng lại tung tất cả các bừa bới ra nữa. Cái đó không phải là không xảy ra được.

Có những kẻ nói rằng hai bên mà cứ đua nhau chế tạo khí giới, tăng cường vũ bị thì chiến tranh không sao tránh được. Cụ có nghĩ vậy không ?

B.R. : Tôi không ưa cái tiếng "không sao tránh được". Nhưng xét chung thì đúng, sự đua nhau chế tạo khí giới sẽ đưa tới chiến tranh. Trong lịch sử đã có nhiều trường hợp chuẩn bị binh khí, rốt cuộc là choảng nhau. Xét về tâm lí, điều đó rất là tự nhiên, vì kẻ địch mà tăng cường vũ bị thì tất làm cho mình sợ, căm thù rồi muốn tăng cường vũ bị lên nữa ; địch đâu có chịu thua, thế là khí giới cứ mỗi ngày mỗi chất cao thêm, mà con người thì mỗi ngày mỗi bị căng thẳng hơn về thần kinh ; tới khi sự căng thẳng đó không sao chịu nổi nữa thì hai bên chỉ còn có mỗi một giải pháp là chiến tranh. Hậu quả đó của sự đua nhau chế tạo vũ khí, đã xảy ra trước năm 1914 rồi đấy.

Năm 1951, Tây phương hăm hờ thực hiện một chương trình tái vũ trang đại qui mô. Cụ thấy biện pháp đó có thể ngăn cản người Nga được không ? làm sao cho họ cảm thấy rằng họ không dễ gì thắng Tây phương, thắng mau được mà họ sẽ nản chí ?

B.R. : Có thể như vậy được. Không gì khó bằng đoán được các nhà cầm quyền Nga nghĩ gì, có định gây chiến tranh xâm lăng hay không. Dù sao, tôi cũng có thể nói rằng nếu các chính quyền không tìm được cách nào khác, mà cứ tiếp tục đua nhau vũ trang thì bất quá chỉ có thể hoãn lại cuộc xung đột thêm một thời gian thôi. Trước năm 1914, người ta đã thấy những cuộc khủng hoảng giống cuộc khủng hoảng của chúng ta ngày nay, do chính sách "đi men theo vực thẳm" gây ra ; mãi đến năm 1914, các cuộc khủng hoảng đó mới làm cho chiến tranh nổ. Thời đó người ta bảo nhau: "Cứ giữ cho lực lượng hai bên quân bình với nhau thì sẽ tránh được chiến tranh". Nhưng người ta đã lầm, và tôi ngại rằng ngày nay các chính quyền cũng lại lầm nữa.

Ít nhất người ra cũng có thể nói rằng bom H có cái ích lợi này là làm cho các chính quyền dâm hoảng, nên các chính quyền đã tìm mọi cách để tránh tai họa - ngay cả trong các cuộc khủng hoảng ở Berlin - ; nếu không có bom H đe dọa thì họ đã có thể gây ra một cuộc chiến tranh rồi, cụ có nghĩ vậy không ?

B.R. : Ông có thể giữ ý kiến của ông. Còn tôi, tôi xin nhắc lại, tôi nghĩ rằng lịch sử chứng tỏ rằng ý kiến ông sai. Ai cũng biết rằng ông Nobel, người sáng lập ra giải Nobel hòa bình, là người hăng hái bênh vực hòa bình, mà chính ông, trước đó, đã chế tạo ra chất cốt mìn. Ông ta tưởng rằng chất cốt mìn làm cho chiến tranh hóa ra rừng rợn quá, và không ai còn dám gây chiến tranh nữa. Hậu quả có được như ông ta mong đâu, và tôi ngại rằng bom H ngày nay thì cũng vậy.

Nhưng có điều này là bom H là một vũ khí có một tính cách hoàn toàn mới mẻ. Nó không phải chỉ là một vũ khí mạnh hơn trong một loạt vũ khí đồng tính cách đã có từ trước, nó là một cái gì hoàn toàn khác hẳn.

B.R. : Đúng vậy, nhưng con người dễ quen với mọi tình trạng một cách đáng sợ. Khi người ta liệng bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, khắp thế giới đều kinh hoàng, tự nhủ : "Cái đó mới thật là gớm khiếp". Bây giờ đây, bom nguyên tử đã thành một vũ khí chiến thuật và chẳng làm cho ai mất ngủ cả. Nó đã thành lỗi thời thảm hại, như cung và tên vậy.

Theo cụ, người ta có thể làm được gì trong thực tế để đương đầu với cái nguy bom H ?

B.R. : Có thể làm được nhiều. Việc thứ nhất, dễ nhất là ngưng lại cuộc thí nghiệm. Như vậy là tiến được một bước lớn rồi. Trước hết, chất phóng xạ rớt xuống nữa, mà các chất đó có hại hơn là các nhà chuyên môn đã bảo - như vậy đã là một điềm lành rồi. Nhưng điểm quan trọng hơn là hễ ngưng các cuộc thí nghiệm thì ngăn được các nước khác chế tạo bom H. Ông dễ dàng nhận thấy rằng nếu bất kể chánh quyền nào cũng có phương tiện để làm một điều vô trách nhiệm thì nỗi nguy sẽ kinh khủng như điên. Và lại, nếu không ngưng ngay thì càng ngày càng khó ngăn cấm sự chế

tạo các vũ khí đó. Cho nên tôi bảo rằng điều quan trọng nhất là phải thỏa thuận với nhau để ngưng các cuộc thử bom H lại. Quan điểm đó có tính cách thực tiễn về chính trị và hiện nay người ta đã để ý tới. Rồi phải thỏa thuận với nhau để cho không một quốc gia nào khác có thể có được bom H. Và nếu để cho hiệp ước đó dễ thành, Anh có cần phải bỏ bom H của mình đi thì tôi nghĩ cũng là điều sáng suốt.

*Làm sao đạt được một hiệp ước như vậy ?
Làm sao ngăn cấm nước Pháp và nhiều nước
trình độ kĩ nghệ đã cao, không chế tạo bom H
cho họ ?*

B.R. : Mĩ và Nga có thể thỏa hiệp với nhau, dùng sức mạnh kinh tế và tuyên truyền của họ để thuyết phục các nước chư hầu theo con đường đã vạch.

*Theo cụ, Anh phải đơn phương từ bỏ bom
H ư ?*

B.R. : Phải, nhưng chỉ từ bỏ với điều kiện rằng Mĩ Nga thỏa hiệp với nhau. Nếu chỉ hai cường quốc đó được giữ bom H thì Anh có thể bảo: "Được, chúng tôi sẽ đứng về phe các tiểu quốc".

Như vậy là cụ đề nghị một cuộc thương lượng : nếu Anh từ bỏ bom H thì các nước khác cũng sẽ từ bỏ, còn Mĩ, Nga thì coi chừng, cảnh giới để mọi nước theo đúng như vậy ?

B.R. : Được thế là khôn. Nhưng đó chỉ mới là bước đầu. Sự thỏa thuận đó chưa bảo đảm được những kết quả mong muốn, nhưng ít nhất cũng là một tiến bộ.

Nhưng cụ không nghĩ rằng để cho Mĩ, Nga giữ bom H là điều nguy hiểm sao ?

BR. : Dĩ nhiên là nguy hiểm rồi ; phải nhận rằng nếu chưa có những biện pháp mới về chính trị thì nỗi nguy vẫn còn. Dù không nước nào có bom H chẳng nữa, thì người ta cũng đã biết cách chế tạo nó rồi. Hễ chiến tranh phát ra là hai bên sẽ bắt đầu chế tạo bom đó tức thì. Muốn diệt nỗi nguy đó thì phải dùng mọi cách tránh chiến tranh. tôi nghĩ nguy cơ chiến tranh sẽ giảm nhiều nếu chỉ có hai nước đó có bom H thôi. Chiến tranh xảy ra vì ý ngoại sẽ ít xảy ra hơn. còn giảm được cái nguy này nữa : không có một chính quyền điên nào tưởng rằng chiến tranh có thể

có lợi cho mình. Xét chung thì (nếu Mi, Nga có bom H thôi), sự thương thuyết sẽ dễ dàng hơn nhiều, và có thể đưa tới một sự điều đình vững bền hơn.

Từ trước tới nay chúng ta đứng về phạm vi thực tế, phạm vi những hành vi mà các chính khách, chính quyền có thể làm được, và nên thuyết phục cho họ làm. Cụ đương bước vào một phạm vi khác, xét thế nào là lí tưởng, nếu các nhà đó muốn thực hiện, phải vậy không ?

B.R. : Chưa đâu. Mới gần tới đó thôi, nhưng tôi nghĩ tới một điều cực kì quan trọng và rất có thể thực hành được. Là hai phe đều nhận thấy rằng cái lợi ra sao một khi thỏa hiệp với nhau. Từ 1945, Đông và Tây không hề nghĩ cách làm sao thỏa hiệp với nhau ; bên nào cũng chỉ lo đưa ra những đề án kế hoạch mà họ biết là bên kia không sao chấp nhận được, mà hễ bên kia bác bỏ thì mang tiếng là khả ố. Như vậy dĩ nhiên là không đưa tới kết quả gì hết. Nếu có thể giảng cho hai chính quyền đó hiểu rằng điều quan trọng không phải là thương thuyết chỉ để thương thuyết,

mà cần nhất là phải đạt tới một thỏa hiệp, được vậy thì là tiến bộ nhiều lắm rồi. Điều đó ở trong phạm vi thực tế của các chính trị gia.

Rốt cuộc, vấn đề do bom H gây ra và phải giải quyết chính là vấn đề này : phải tránh cho được chiến tranh vì một khi chiến tranh đã phát sinh rồi thì người ta sẽ dùng bom H hoặc chế tạo nó, dù là trước kia người ta đã bỏ hay hủy bỏ nó.

B.R. : Chính vậy. Cho nên những sự thỏa hiệp về việc không dùng tới khí giới hạch tâm chẳng quan trọng gì lắm như một số người nghĩ đâu. Cái lợi chính của những thỏa hiệp đó là giảm sự căng thẳng đi, tạo điều kiện thuận tiện cho một sự thỏa hiệp lâu bền. Sự thực là trong hiện tình của thế giới, chẳng những có các vũ khí hạch tâm mà còn có các vũ khí sinh vật và hóa học nữa, tác động cũng tai hại không kém vũ khí hạch tâm, trong hiện tình đó, nhân loại sẽ chẳng tồn tại được bao lâu nếu không tìm được cách chắc chắn để ngăn cản chiến tranh.

Theo cụ, cách đó có thể ra sao ?

B.R. : Tôi chỉ thấy mỗi một cách là thành lập một chính quyền quốc tế, giữ độc quyền sử dụng các vũ khí quan trọng vào cơ đó. Một chính quyền quốc tế mà nhiệm vụ là xét mọi sự xung đột giữa các quốc gia, đưa ra một giải pháp, và nếu cần thì bắt thực hiện giải pháp đó ; một chính quyền có một sức mạnh mà không một quốc gia ngỗ nghịch nào có thể đương đầu nổi.

Như vậy thì lục quân, hải quân, không quân của mỗi quốc gia sẽ ra sao ?

B.R. : Sẽ chỉ vừa đủ để giữ trật tự trong nước. Có đủ phương tiện để giữ nhiệm vụ công an, bắt dân phải thi hành các quyết định của chính quyền trên phương diện quốc gia, mà không có đủ phương tiện để tấn công lân bang.

Cụ muốn báo rằng lúc đó Mĩ, Anh có thể dẹp một cuộc nổi loạn trong nước, mà không thể chế ngự những xứ không thực là quốc gia của họ, như xứ Rhodésie ⁽¹⁾ chẳng hạn ?

(1) Cụ thuộc địa Anh ở Nam Phi, nay đã độc lập, nhưng dân bản xứ da đen vẫn bị nhóm người da trắng bóc lột, đàn áp. Nạn kì thị da đen ở đó làm cho tất cả thế giới bất bình - mà đành bất lực.

B.R. : Chính vậy. Việc của các người Rhodésie hoặc của một dân tộc nào khác thuộc về quyền của cơ quan quốc tế, chứ không phải của một quốc gia nào. Mỗi quốc gia có những khuynh hướng đặc biệt chống lại với khuynh hướng các quốc gia khác. Những vấn đề vào loại đó phải để cho một quyền uy quốc tế giải quyết, chứ không nên để cho một quốc gia mạnh hơn giải quyết.

Nếu một quốc gia không chịu tuân phán quyết của chính quyền quốc tế đó, thì theo cụ có nên dùng tới khí giới hạch tâm không ?

B.R. : Vấn đề đó cực kì tế nhị nên tôi không muốn bày tỏ ý kiến. Tôi nghĩ rằng gặp trường hợp thực là cần thiết, không làm sao khác được thì có thể dùng vũ khí đó được. Điểm khó nghĩ là thứ vũ khí hạch tâm chẳng chỉ phá hủy riêng xứ đó, mà còn gây tai hại cho khắp các xứ khác trên thế giới nữa, không chừa một nơi nào. Nó khác các vũ khí xuất hiện trước nó ở chỗ đó.

Cụ có lạc quan nghĩ rằng các dân tộc, các

chính quyền sẽ giải quyết được vấn đề bom H đó không ?

B.R. : Có lúc tôi lạc quan, có lúc không. Không ai có thể biết chắc được các nhà cầm quyền có lương tri tới mức nào. Nhưng chúng ta có thể hi vọng rằng lần lần họ sẽ hiểu được những vấn đề họ phải giải quyết.

TUONG LAI NHÂN LOẠI

Thưa Huân tước Russell, trong những cuộc đàm thoại này chúng ta đã bàn tới nhiều vấn đề. Cụ có rút ra được một cảm tưởng tổng quát nào không về tương lai, nhân loại có thể hi vọng và lo ngại những cái gì ?

BERTRAND RUSSELL : Ông hỏi tôi một câu rất khó trả lời. Tôi lờ mờ thấy những cái có thể xảy ra : có cái rất bi thảm, có cái làm cho tôi vững tâm. Nhưng tôi nghĩ chúng mình

ở đây nên dự liệu những cái bi thảm nhất...

Vâng, chúng ta bắt đầu xét những cái bi thảm trước nhất đã. Chúng ta phải dự liệu cái gì sẽ xảy ra nào ?

B.R. : Theo tôi, cứ thí dụ rằng nhân loại không tự hủy diệt mình trong cuộc đại chiến nữa, thì cái nguy cơ lớn nhất đe dọa chúng ta là sẽ bị "đội ngũ hóa" ⁽¹⁾ hết. Do hậu quả của các phát minh khoa học, hậu quả của các xu hướng quan liêu, thế giới sẽ bị tổ chức chặt chẽ tới nỗi sống trên cõi đời này không còn thú vị gì nữa.

Cụ có nghĩ rằng lối tổ chức hành chính sẽ chiếm ưu thế chăng ?

B.R. : Rất có thể như vậy, nhất là khi nó kết hợp với sự hiệu năng của khoa học. Vì ngày nay các nhân viên hành chính xen vào rất nhiều việc hơn thời xưa. Cái đó cũng có phần tốt nhưng phần xấu nhiều hơn.

Phần nào sẽ là phần xấu đây ?

(1) Nghĩa là phải vô một tổ chức, theo kỉ luật của tổ chức (như người lính trong quân đội) mà mất hết tự do cá nhân

B.R. : Tôi nghĩ trước hết đến điều này : ý kiến và tư tưởng cá nhân sẽ bị áp lực mạnh, bị nhồi nắn ngay từ lớp mẫu giáo. Có thể rằng những nhà chỉ huy giáo dục sẽ quyết định cá nhân phải suy tư theo chiều hướng nào, ước ao cái gì, lo lắng cái gì. Đúng như chính quyền muốn. Ông biết chứ, không phải chính quyền luôn luôn sáng suốt...

Cụ không tin rằng sẽ luôn luôn có một nhóm người cương cường độc lập như cụ đã đảo được lối giáo dục đó sao ?

B.R. : Không, tôi đã không tin vậy. Không. Những người như tôi đã được dạy dỗ theo lối cổ, trong một thế giới mà sự ngẫu nhiên còn giữ một vai trò quan trọng : mà thế giới sau này sẽ không như vậy. Trong cái vũ trụ của chúng tôi hồi xưa, còn có nhiều lối thoát, nhiều lệ ngoại ; người ta hồi đó không nhồi mọi cá nhân vào chung một cái khuôn.

Cụ đã nói rằng ngày nào mà hành chánh nắm hết cả trong tay thì cá nhân không còn một đời sống riêng tư nào nữa. Xin cụ kể một trường hợp làm thí dụ.

B.R. : Đây, chúng ta xét một khía cạnh của vấn đề, một khía cạnh cực kì quan trọng: *khoa ưu sinh* ⁽¹⁾. Thí dụ một chính quyền nào đó bị cái khả năng khoa học đó ám ảnh : họ muốn có một giống người mà họ cho là tốt hơn chủng tộc chúng ta. Chỉ đứng riêng về khía cạnh khoa học thì nhất định là họ sẽ chỉ lựa và gây giống bằng một tỉ số đàn ông và đàn bà nào đó thôi : chẳng hạn năm phần đàn ông và ba chục phần trăm đàn bà, còn lại bao nhiêu thì phải làm cho tuyệt tử chúng hết, không sao truyền giống được nữa. Cái đó thật khả ố, nhưng tôi thấy có thể xảy ra được lắm ⁽²⁾.

Cụ tin thực rằng những khả năng của khoa học ám ảnh con người đến mức đó ư ?

B.R. : Sao lại không ? Họ sẽ thực hiện cách đó nếu nó có thể giúp họ có ưu thế về võ

(1) Khoa học nghiên cứu những cách để cải thiện một giống người cho khỏe mạnh hơn, thông minh hơn.

(2) Vấn đề đó đã làm cho các nhà Sinh vật học suy tư, ý kiến phân vân. Coi cuốn *Inquiétudes d'un biologiste* của Jean Rostand - Stock, 1967.

bị. Hiển nhiên là nếu người ta muốn thì người ta có thể sản xuất một giống người như vậy. Trên chiến trường, giống người đó sẽ chiến đấu hăng hơn, đoàn kết hơn những chiến sĩ được sinh đẻ theo lối cầu may. Nhồi vào đầu óc con người những ý dưới đây là chuyện dễ dàng : dịch đã có vũ khí nguyên tử ; sự đào thải bằng khoa học trong sự sanh đẻ là điều cần thiết vì chắc chắn dịch cũng dùng phương pháp đó.

*Nghe cụ nói mà tôi tưởng gần như sống trong **Truyện 1984** hoặc **Truyện thế giới hoàn hảo nhất** ⁽¹⁾ nhưng cụ có thực sự nghĩ rằng cái đó có thể áp dụng được ở các quốc gia không cộng sản không ? Chẳng hạn tôi cho rằng các quốc gia này đâu có chấp nhận được chủ nghĩa công thức ⁽²⁾ như vậy...*

(1) Đều là những chuyện giả tưởng đoán trước tương lai của nhân loại. *Cuốn 1984* của Gerge Orwell ; cuốn *Thế giới hoàn hảo nhất* (Brave new world - bản Pháp dịch : *Le meilleur des mondes*) của Aldous Huxley.

(2) Nghĩa là ai cũng phải sống theo một công thức chung, mất hết tự do cá nhân.

B.R. : Ở các quốc gia đó, nguy cơ có lẽ kém các quốc gia cộng sản. Nhưng phương Tây quả thực đã bị sự đe dọa đó rồi.

Cụ cho rằng có những ý kiến công thức, bộ y phục, cái thói quen, các tư tưởng công thức... sao ?

B.R. : Ông thử xét các nghệ thuật phẩm thì biết. Trong khi đi du lịch, tôi đã nhận thấy, nhất là ở Mĩ, nhận thấy cả trăm lần chứ không phải là một lần, rằng người ta kính trọng nghệ thuật vô cùng, tôn kính các nghệ sĩ châu Âu, tặng họ không biết bao nhiêu Mĩ kim; nhưng tôi không hề thấy một em nhỏ Mĩ nào mà trí óc được đào tạo cho cao nhã để sau này thành một nghệ sĩ. Chính vì vậy mà người Mĩ ngưỡng mộ các nghệ sĩ châu Âu, chứ không ngưỡng mộ nghệ sĩ của họ.

Ở Nga, nghệ thuật có chịu thiệt hại nhiều không ?

B.R. : Tôi không biết, vì chưa qua bên đó xem nghệ thuật ra sao. Nhưng hình như cũng không khác gì Mĩ. Văn học Nga đã suy sút dữ dội, mặc dầu có cuốn *Bác sĩ Jivago*. Thời các

Nga hoàng, văn học Nga đứng vào bậc nhất. Ngày nay họ đâu được như vậy.

Thế còn những vũ khúc của họ ?

B.R. : Vũ khúc Nga là di tích còn lại của thời các Nga hoàng. Năm 1920, tôi đã được coi vài điệu, tôi có cảm tưởng là ngắm những bông hoa cắm trong bình. Đẹp lắm, thích thú lắm, nhưng thiếu cái nhựa tươi của đất đai Nga. Tôi cho rằng ngày nay, vũ khúc của họ chỉ như ở trong một bảo tàng viện.

Cụ nghĩ rằng tất cả những cái đó sẽ gây một tình trạng khô cứng chung chứ không cố gắng hiển được cái gì mới mẻ.

B.R. : Phải, cái nguy là ở đó. Xã hội sau này sẽ là một xã hội Byzance ⁽¹⁾ thời xưa, tỉnh hết sinh khí, sống lây lất thế hệ này qua thế hệ khác, không thay đổi gì cả, cho tới khi thành chai ngạnh, cố định hoàn toàn, chán quá không ai chịu nổi, phải tảo trừ đi.

(1) Tức Constantinople, thành lập năm 330 sau T.L. trung tâm của đế quốc Hi Lạp tại cận Đông, cố duy trì được văn minh Hi Lạp và La Mã, nhưng không phát minh được gì.

Loài người bị nhiều tật lăm. Theo tôi, một trong các tật là không làm được cái gì cho vừa đúng mức. Hễ làm cái gì là làm tới cực đoan. Cụ có tin rằng loài người sau này sẽ có thể biết ôn hòa, có tiết độ được không ?

B.R. : Tôi mong vậy... Cái đó rất cần thiết mà xét cho cùng thì có thể được lăm. Chúng ta bàn với nhau đây chỉ là đoán chừng tương lai thôi, hơi bi quan đấy, không nên coi đó là những chân lí phải tin như tin Phúc Âm. Tôi rất mong rằng những lối đoán chừng đó sẽ không xảy ra.

Vậy, bây giờ chúng ta xét tới khía cạnh vui tươi nào ?

B.R. : Trước hết chúng ta phải nhận định điều này : ngày nay người ta có thể ngăn cản được nhiều cái khổ trên thế giới này, kể cả những cái khổ mà thời trước tuyệt nhiên không sao ngăn cản nổi. Sở dĩ những cái khổ đó ngày nay còn tồn tại là tại trong trong tâm hồn con người có những thị dục xấu xa, thành thử không có đủ nghị lực để quyết định điều quan trọng này : tạo hạnh phúc cho người

khác. Kĩ thuật ngày nay rất hiệu nghiệm, cái xấu xa là tâm lí con người, sự thâm hiểm, độc ác của thị dục con người. Phải nhận định điều đó. Rốt cuộc thì phải nhận rằng trên thế giới này mà cái gì cũng liên hệ mật thiết với nhau, con người không thể có hạnh phúc được nếu không biết thích ứng với hạnh phúc của người láng giềng dù mình có ghét họ đi nữa... Được như vậy thì thế giới có thể sung sướng hơn hết thảy các thời trước, hơn nhiều.

Nếu con người biết kiềm thúc thị dục của mình như vậy thì theo cụ, chúng ta phải diệt những cái xấu xa, tai hại nào ?

B.R. : Trước hết phải diệt chiến tranh. Rồi tới sự nghèo đói, khốn cùng. Thời xưa, đại đa số nhân loại phải chịu cảnh khốn cùng, không sao tránh khỏi ngày nay thì không. Nếu thế giới quyết tâm diệt cảnh khốn cùng thì chỉ trong bốn chục năm là xong. Ai cũng biết bệnh tật nay đã phải lùi bước rồi mà có thể phải lùi thêm nhiều nữa. Không có gì cản loài người hưởng sinh thú một cách trong sạch, giản dị, nhiều hơn và lâu hơn, tới mức tối đa có thể hưởng được.

Cụ nói đó là nói cái hạnh phúc thiết thực. Cụ còn thấy loài người có thể tạo được cái gì khác đáng ước mong nữa không ?

B.R. : Giáo dục sẽ đóng vai trò quan trọng về phương diện đó. Phải cho mọi người được thấm nhuần ý này là toàn thể nhân loại chỉ là một gia đình cùng chung lợi hại với nhau ; sự hợp tác quan trọng hơn là sự ganh đua ; mà yêu người khác chẳng phải chỉ là một bốn phận luân lí, một lời dạy suông người ta được nghe ở giáo đường, nó còn là chính sách sáng suốt nhất để tạo hạnh phúc cho chính mình.

Khoa học đã tặng cho nhân loại được nhiều lợi ích. Một trong những lợi ích đó là chẳng bao lâu nữa người ta có thể rút số giờ làm việc xuống còn khoảng mười giờ mỗi tuần. Như vậy số giờ rảnh sẽ dùng làm gì ?

B.R. : Những khi tôi vui vẻ thì tôi vẫn thích tưởng tượng cái thế giới nhân nhã đó ; nếu sau này nó có thực thì tôi nghĩ loài người sẽ sử dụng những giờ rảnh đó như những người phong lưu, có học thức thời xưa. Ở thế kỉ XVII, hầu hết nhà quý phái nào cũng có văn

hóa khá. Họ có nhiều thi giờ rảnh và biết khéo dùng nó - tôi nhận rằng nhiều khi họ cũng lăm lăm đấy. Nhưng dù sao họ cũng đã tìm cách khuyến khích nghệ thuật, cất những ngôi nhà đẹp đẽ, tạo những khu vườn có hình mỹ thuật, và còn nhiều cái thích thú khác nữa. Có những lúc tôi vui vẽ tưởng tượng một thế giới ai cũng được nhận nhã hưởng thú đó vì ai cũng đạt được một trình độ văn hóa khá cao rồi.

Thế còn cái thú mạo hiểm ?

B.R. : Các nhà cầm quyền phải lo về vấn đề đó cho dân, tạo cho dân những phương tiện mạo hiểm, có nguy một chút cũng không sao, đúng như ước vọng của thanh niên, mà chẳng cần phải phí thêm nhiều tiền bạc, thời giờ. Lên bắc cực, xuống nam cực, leo núi, hoặc tới khi nào có thể được thì du lịch trên thiên không. Sinh lực sẽ dồn vào những cuộc mạo hiểm đó, chứ như ngày nay, người ta dùng nó quá thường vào chiến tranh.

Cụ muốn để lại một thông điệp ra sao cho nhân loại ngày mai ?

B.R. : Nhờ tri thức của các ông, các ông có

những khả năng mà trước kia nhân loại không có. Các ông có thể dùng những khả năng đó cho cái thiện cũng như cái ác. Các ông sẽ dùng nó cho cái thiện, nếu các ông nhận định được tình huynh đệ của mọi người, nếu các ông hiểu được rằng hết thảy chúng ta có thể sung sướng chung với nhau hoặc khổ sở với nhau. Thời này không còn là cái thời mà một thiểu số may mắn có thể sống bám trên sự khốn cùng của đại chúng nữa. Hết rồi. Đại chúng không chịu phục tùng nữa đâu. Các ông phải nhìn nhận, chấp nhận hạnh phúc của người láng giềng nếu các ông muốn mình cũng được hạnh phúc. Tôi nghĩ rằng một sự giáo dục thông minh sẽ làm cho cá nhân hơn hở và thấy một cách tự nhiên rằng hạnh phúc của người khác là điều kiện cốt yếu cho hạnh phúc chính mình. Đôi khi, nhìn về tương lai, tôi tưởng tượng một xã hội toàn những người tự do, khỏe mạnh, thông minh, không ai áp bức ai, và cũng không ai bị áp bức. Một thế giới toàn những người có ý thức, nhận định được rằng nên hưởng lợi chung với nhau hơn là kẻ nọ tranh

giành với người kia ; một thế giới mà mọi sự gắng sức đều hướng về một công trình tuyệt đẹp do trí tuệ và óc tưởng tượng của con người tạo nên. Nếu loài người muốn thì một thế giới như vậy có thể có được. Và nếu nó có, nếu một ngày nào đó nó có, thì sẽ là một thế giới vinh quang hơn, rục rỡ hơn, sung sướng hơn, nhiều hạnh phúc về sáng tạo, về cảm xúc hơn hết thảy, các thế giới đã có từ trước tới nay.

MỤC LỤC

	Trang
TỰA	5
1. Triết lí là cái gì vậy ?	25
2. Tôn giáo	39
3. Chiến tranh và chủ nghĩa hòa bình	53
4. Xã hội chủ nghĩa và tư bản	69
5. Luân lí "ta bu"	83
6. Quyền hành	97
7. Thế nào là hạnh phúc ?	109
8. Chủ nghĩa quốc gia	123
9. Nhiệm vụ của cá nhân	137
10. Cuồng tín và bao dung	149
11. Bom H	161
12. Tương lai nhân loại	174

THẾ GIỚI NGÀY NAY VÀ TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI

Bertrand Russell

(Nguyễn Hiến Lê dịch)

Chịu trách nhiệm xuất bản : **Quang Huy**
Biên tập : **Ngọc Bách**
Trình bày, bìa : **Nguyễn Thăng**
Sửa bản in : **Nguyễn Thăng**

In 1.000 cuốn khổ 13 x 19 cm, tại Xí nghiệp in Thủ Đức, đường Bà huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM theo giấy trích ngang kế hoạch xuất bản số 718/CXB/26-XBVHTT ngày 31-3-1996 của Cục Xuất bản, Bộ Văn Hóa - TT. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8-1996.